



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower,  
111A Pasteur,  
Phường Bến Nghé, Quận 1,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +84 - 8 - 39 142 012  
Fax: +84 - 8 - 39 142 021 / 39 142 022  
Web: [www.pvdrilling.com.vn](http://www.pvdrilling.com.vn)





# Giá trị của sự bền vững



2008



2009

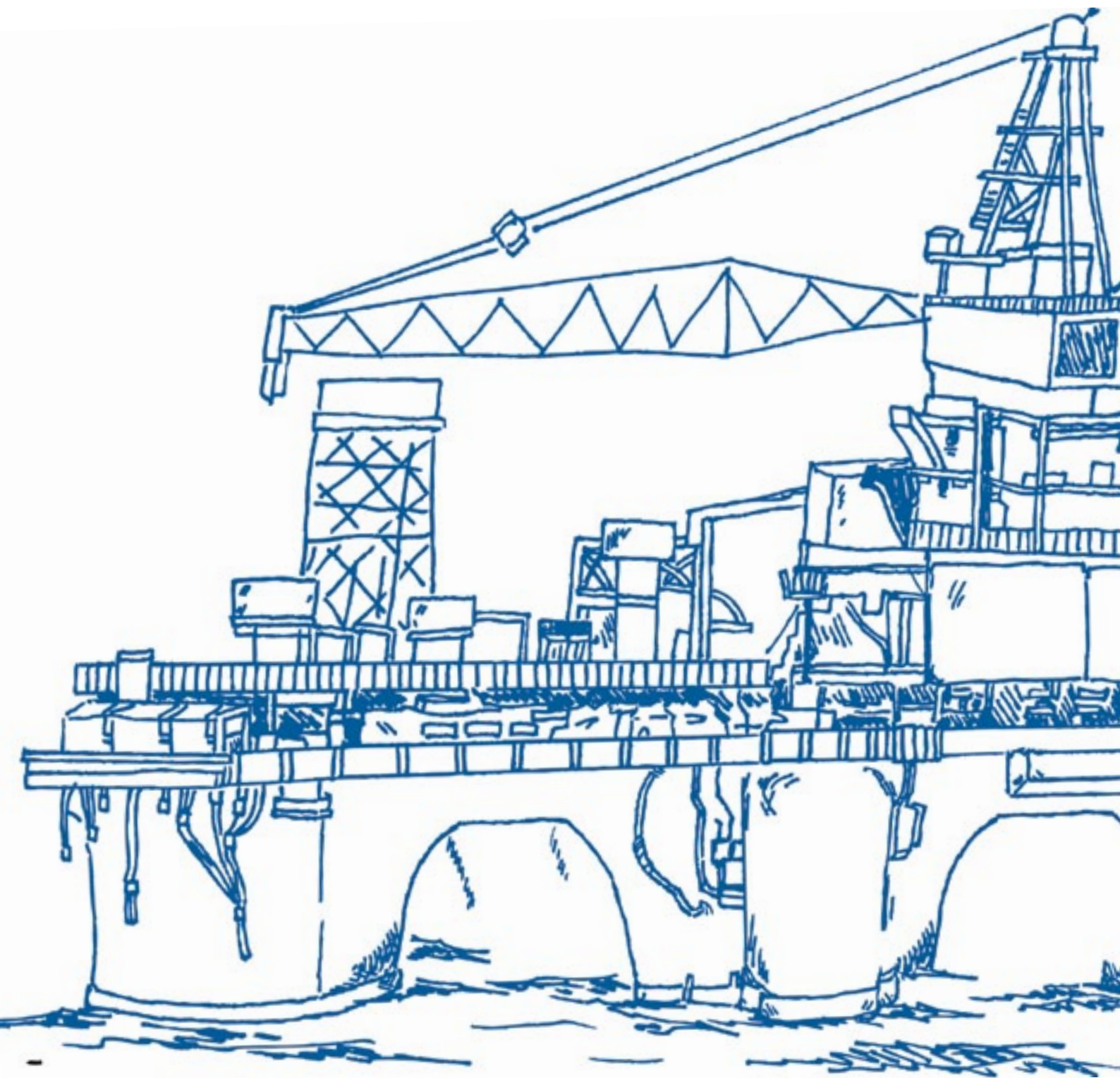


2010



2011







## Tầm nhìn

Trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới

## Sứ mệnh



Cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh





## Mục Lục

- 4 Thư gửi cổ đông
- 8 Các cột mốc quan trọng trong 10 năm (2001-2011)
- 10 Ngành nghề kinh doanh
- 12 Sơ đồ tổ chức

### GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

- 16 Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 24 Cơ cấu cổ đông
- 26 Các chỉ số tài chính
- 28 Thành quả các đơn vị thành viên
- 48 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 50 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 52 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

### GIÁ TRỊ NỘI LỰC

- 68 Quản trị rủi ro và phát triển bền vững
- 74 Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của PV Drilling
- 76 Giàn khoan TAD - Hướng đến công nghệ cao
- Chiến lược phát triển***
- 82 Thị trường khoan và thị phần của PV Drilling
- 84 Định hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh dài hạn
- 88 Mục tiêu cho năm 2012

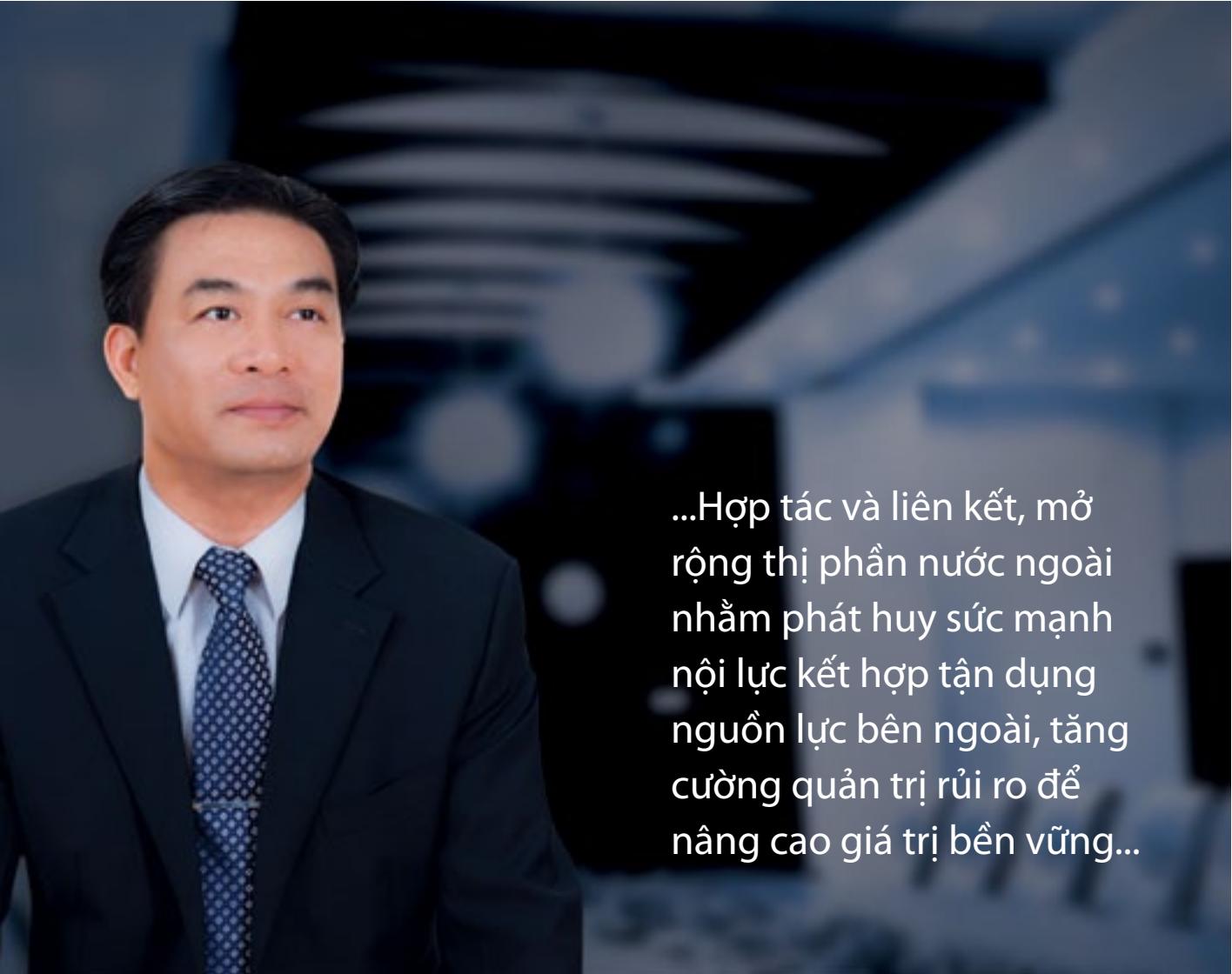
### GIÁ TRỊ CỘNG ĐỒNG

- 94 Các hoạt động hướng đến cộng đồng
- 96 Danh hiệu và Giải thưởng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## Thư gửi cổ đông



...Hợp tác và liên kết, mở rộng thị phần nước ngoài nhằm phát huy sức mạnh nội lực kết hợp tận dụng nguồn lực bên ngoài, tăng cường quản trị rủi ro để nâng cao giá trị bền vững...

Kính thưa Quý Cổ đông,

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới diễn ra với nhiều biến động, khó khăn và thử thách, tôi thật sự vui mừng và tự hào thông báo đến Quý Cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt trội của PV Drilling trong năm 2011 vừa qua. Đây là một năm thực sự đặc biệt, đánh dấu chặng đường 10 năm phát triển thần tốc của PV Drilling từ một đơn vị kỹ thuật cung cấp các dịch vụ dầu khí nhỏ lẻ trở thành Nhà thầu khoan có thương hiệu và uy tín ở Việt Nam cũng như khu vực. Cũng trong năm này, Tổng Công ty đã vinh dự được Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất vào ngày 14/11/2011.

Vượt qua những gian khó trong năm 2011, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV PV Drilling đã ra sức phấn đấu, quyết tâm chinh phục các **thử thách mới** và đã đạt được **thành công mới** vượt bậc, cùng nhau thúc đẩy sự phát triển để PV Drilling tiến gần hơn nữa tới mục tiêu trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí uy tín trong khu vực và thế giới.

PV Drilling đã nỗ lực hết mình để đặt từng bước chân vững chắc lên những bậc thang của sự thành công qua các sự kiện, kết quả có ý nghĩa lịch sử trong năm 2011 sau đây:

- Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (PV DRILLING V) đã được hoàn thành sau 2 năm miệt mài xây dựng tại Singapore và đưa về Việt Nam cung cấp cho khách hàng Biển Đông POC trong quý 4/2011. Đây là giàn khoan có nhiều tính năng kỹ thuật tiên tiến trên thế giới nhưng công tác vận hành đòi hỏi nhiều kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực khoan nước sâu. Do đó, việc vận hành thành công giàn PV DRILLING V cũng là sự khẳng định giá trị về làm chủ công nghệ, trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý mà đội ngũ CBCNV PV Drilling có được; đồng thời mở ra những tiềm năng mới, thúc đẩy sự phát triển các loại hình dịch vụ khoan với công nghệ tiên tiến, hiện đại và kỳ vọng đưa thương hiệu PV Drilling vươn xa hơn trên thị trường quốc tế.
- Kết quả sản xuất kinh doanh 2011 đã về đích kế hoạch trước 2 tháng và tăng trưởng 2 con số, với doanh thu đạt 9.211 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.067 tỷ đồng và tài sản 18.535 tỷ đồng, tương ứng lần lượt tăng 22%, 21% và 27% so với năm 2010.
- PV Drilling đạt 4,5 triệu giờ lao động không có tai nạn LTI (Zero Lost Time Incident) và hiệu suất hoạt động

các giàn khoan trên 98%, khẳng định hình ảnh một nhà thầu khoan chuyên nghiệp đem lại nhiều lợi ích cho khách hàng.

- Ký kết mới nhiều hợp đồng cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khác đến hết năm 2012, bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển ổn định của PV Drilling.
- Bên cạnh sự phát triển mảng cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cho khách hàng thông qua việc tăng tỷ lệ đóng góp vào tổng doanh thu và lợi nhuận của các dịch vụ này, PV Drilling cũng đang tiến hành đưa một số các loại hình dịch vụ khoan ra nước ngoài (như dịch vụ Mudlogging và Tool Rental ra thị trường Myanmar, Thái Lan...) và bước đầu cho những tín hiệu khả quan, tạo tiềm năng phát triển đáng kể cho PV Drilling trong những năm tới.
- Việc cung cấp thành công dịch vụ khoan trọn gói "Bundled Services" cho khách hàng BHP Billiton đã khẳng định tính đúng đắn trong chiến lược phát triển loại hình dịch vụ đặc biệt này, mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho PV Drilling.

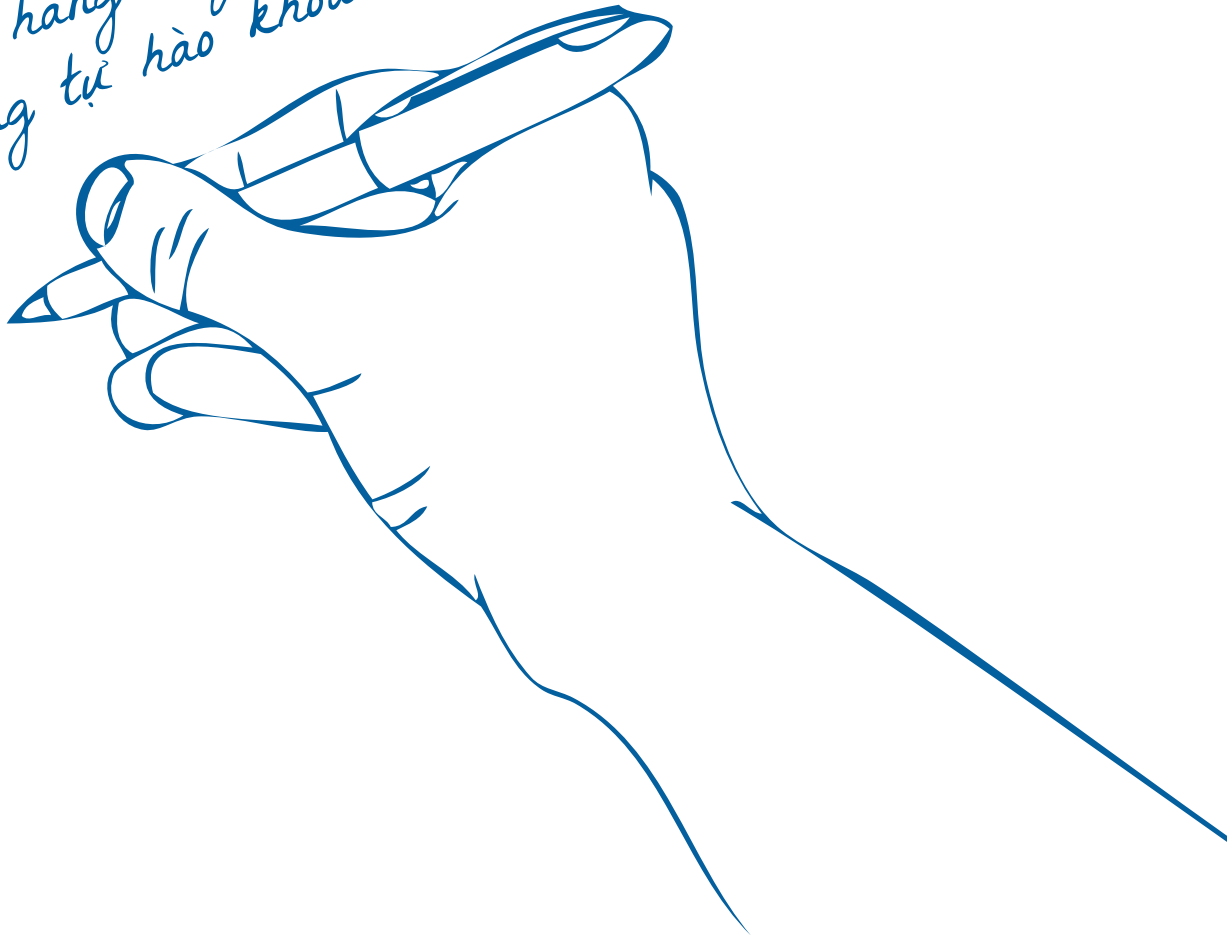
Năm 2011 là năm có nhiều đổi mới, là năm chinh phục thử thách và giành nhiều thành công mang dấu ấn của sự sáng tạo, sự nhiệt tình hăng say của những cán bộ, nhân viên đang tự hào khoác tấm áo PV Drilling. Trong một bức tranh nền kinh tế còn nhiều gam màu u ám, những thành công trên không phải dễ dàng có được mà đầy khó khăn thử thách, nhưng đối diện với nó luôn là tinh thần lạc quan, kiên định của những con người mang nhiệt huyết của ngành khoan dầu khí. Đây chính là giá trị cốt lõi của PV Drilling góp phần đem lại sự thành công của chiến lược năm 2011 thực hiện vừa qua: **chinh phục thử thách, vững bước thành công.**





## Thư gửi cổ đông

Năm 2011 là năm có nhiều đổi mới, là năm chinh phục thử thách và giành nhiều thành công mang dấu ấn của sự sáng tạo, sự nhiệt tình hăng say của những cán bộ, nhân viên đang tự hào khoác tấm áo PV Drilling.



Năm 2011 trôi qua để đón chào một năm 2012 đầy hứa hẹn những chuyển biến kinh tế tích cực. Các nền kinh tế lớn của thế giới như Mỹ, Nhật được dự báo có sự phục hồi khả quan. Thị trường giàn khoan khu vực Đông Nam Á đang ấm dần với số lượng giàn khoan hoạt động gia tăng. Thị trường giàn khoan trong nước vẫn tiếp tục có nhu cầu cao, cùng với nhiều chiến dịch khoan dài hạn của các nhà thầu dầu bắt đầu khởi động, hứa hẹn tiềm năng phát triển to lớn. Năm bắt những cơ hội đầy triển vọng phía trước, PV Drilling đang tiến hành nghiên cứu khả thi dự án mua (hoặc đóng mới) giàn khoan biển tự nâng kỹ thuật cao, đóng mới sà lan khoan tiếp trợ và một số dự án đầu tư vào dịch vụ kỹ thuật cao khác thông qua việc hợp tác và tận dụng sức mạnh về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm của các nhà cung cấp dịch vụ khoan dầu khí nổi tiếng trên thế giới.

Sự đầu tư liên kết nhiều đối tác thường bắt nguồn từ hoàn cảnh bị giới hạn nhiều nguồn lực, đặc biệt là con người; nhưng ở PV Drilling với vị thế đang trên tầm cao mới, điều quan trọng hơn là PV Drilling nhắm tới một kế hoạch dài hơi, uyển chuyển mà trọng tâm vào sự phát triển có nội lực, chịu đựng được các rủi ro tác động đa chiều. Chiến lược của PV Drilling trong năm 2012 là hợp tác và liên kết, mở rộng thị phần nước ngoài nhằm phát huy sức mạnh nội lực kết hợp tận dụng nguồn lực bên ngoài, tăng cường quản trị rủi ro để nâng cao **giá trị bền vững** của doanh nghiệp. Thực hiện điều này không thể nào chỉ dừng lại ở việc mở rộng đầu tư chiếm lĩnh thị trường và duy trì hiệu suất hoạt động cao, PV Drilling đang ngày càng quan tâm đến việc chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm với các nhà thầu khoan quốc tế, nâng cao hiệu quả hệ

thống quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng xã hội, thực hiện toàn diện công tác quản trị rủi ro cũng như chú trọng các chính sách gìn giữ, phát triển nhân tài - nhằm giữ vững những thành quả đạt được trong 10 năm phát triển và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong tương lai.

Với một thị trường đầy tiềm năng cũng như có được những nhân viên chuyên nghiệp nhiều kinh nghiệm, cộng với sự hỗ trợ quý báu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng PV Drilling sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2012 và các năm tới. Là Người tiên phong và đang dẫn đầu thị trường khoan và dịch vụ khoan trong nước, PV Drilling đang từng bước thiết lập một nền tảng vững chắc vươn ra các nước lân cận như Singapore, Myanmar, Thái Lan, Malaysia... trở thành nhà thầu khoan uy tín và có thương hiệu lớn trên thị trường quốc tế.

Thay mặt cho hơn 1.800 CBCNV của Tổng Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng PV Drilling trong suốt chặng đường 10 năm phát triển vừa qua. Chính sự tin tưởng của Quý Cổ đông đã luôn là động lực lớn lao để toàn thể CBCNV của PV Drilling không ngừng nỗ lực phấn đấu và lao động sáng tạo. Tôi hy vọng rằng những thành quả đã làm được và những định hướng trong tương lai của PV Drilling sẽ đáp ứng được sự kỳ vọng của Quý Cổ đông. PV Drilling rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành quý báu từ Quý Cổ đông trong hành trình tiếp theo, hành trình hướng đến sự bền vững!



**Phạm Tiến Dũng**  
Tổng Giám đốc



## Các cột mốc quan trọng trong 10 năm (2001 - 2011)



### Năm 2001:

Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) được thành lập, là đơn vị trực thuộc Petrovietnam, trên cơ sở tiếp nhận các nguồn lực từ Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore).

### Năm 2004:

Thành lập Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan và Thử vỉa nay là Công ty TNHH Một thành viên Địa vật lý giếng khoan Dầu khí (PVD Logging).

### Năm 2005:

PV Drilling chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3477/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

### Năm 2006:

Niên yết cổ phiếu với mã chứng khoán "PVD" trên sàn chứng khoán Việt Nam với vốn điều lệ tại thời điểm này là 680 tỷ đồng.

Thành lập Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp nay là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí PVD (PVD Tech), đơn vị triển khai thành công dịch vụ đầu giếng mà trước đây các công ty nước ngoài đảm nhận.

Thành lập Công ty Liên doanh BJ Services - PV Drilling, chuyên thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cao như dịch vụ bơm trám xi măng; dịch vụ kích thích vỉa; dịch vụ ống mềm; dịch vụ bơm Nitơ.

### Năm 2007:

Khánh thành giàn khoan PV DRILLING I là giàn khoan biển tự nâng đa năng đầu tiên do người Việt Nam sở hữu 100% vốn.

Khánh thành Giàn khoan đất liền PV DRILLING 11.

Thành lập Xí nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division) thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động các giàn khoan của Tổng Công ty, đơn vị đã mang về nguồn thu lớn cho PV Drilling kể từ khi được thành lập và đi vào hoạt động.

Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (PVD Well Services).

## Năm 2008:

Thành lập Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling - PTI (PVD-PTI).

## Năm 2009:

Hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling, nâng tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty lên đến trên 12.000 tỷ đồng và vốn điều lệ của Tổng Công ty lên đến 2.105 tỷ đồng.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) công nhận 2 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI (Zero Lost Time Incident) với hiệu suất 99,9%.

Tiếp nhận 2 giàn khoan biển tự nâng đa năng PV DRILLING II & PV DRILLING III.

Nhận được nhiều giải thưởng cũng như đánh giá tích cực của cộng đồng trong và ngoài nước như: "Cổ phiếu vàng 2009", Cúp vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2009".

## Năm 2010:

Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (PVD Invest), cung cấp dịch vụ Mudcooler và phát triển mạnh dịch vụ này, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cao của khách hàng.

Thành lập Liên doanh PVD - Baker Hughes chuyên cung cấp các dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao.

Giàn khoan PV DRILLING I đã được Hiệp hội khoan thế giới ghi nhận thành tích 3 năm liên tục vận hành an toàn sau đúng 3 năm đi vào hoạt động. Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 1 năm hoạt động an toàn, không xảy ra LTI (Zero Lost Time Incident) từ khi đưa vào vận hành năm 2009.

Lần đầu tiên nghiên cứu và triển khai thành công hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan trọn gói (Bundled Services).

Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) và thành lập Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí nước sâu PVD (PVD Deepwater).

Thuê thêm giàn khoan từ các đối tác để kịp thời đáp ứng nhu cầu dịch vụ khoan của thị trường trong nước.

Vinh dự được bình chọn và nhận Giải thưởng "Giải xuất sắc Báo cáo thường niên năm 2009"; Cúp vàng cho "Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2010" và "Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010".

## Năm 2011:

Đón nhận **Huân chương Lao động hạng Nhất** do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng, đồng thời kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Tổng Công ty (26/11/2001-26/11/2011).

Tháng 09/2011, vinh dự đón Chủ tịch Nước Trương Tấn Sang đến thăm Dự án đóng mới giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) tại Singapore.

Tháng 10/2011, tiếp nhận giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam - PV DRILLING V.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan thế giới ghi nhận thành tích 4 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI, hiệu suất vận hành đạt 99,4%. Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 2 năm liên tục hoạt động an toàn kể từ ngày đưa vào vận hành năm 2009, đạt hiệu suất tương ứng 99,53% và 96,9%.

PVD Well Services cung cấp thành công dịch vụ khoan kiểm soát áp suất (MPD) và định hướng phát triển MPD trở thành dịch vụ mũi nhọn của PVD Well Services.

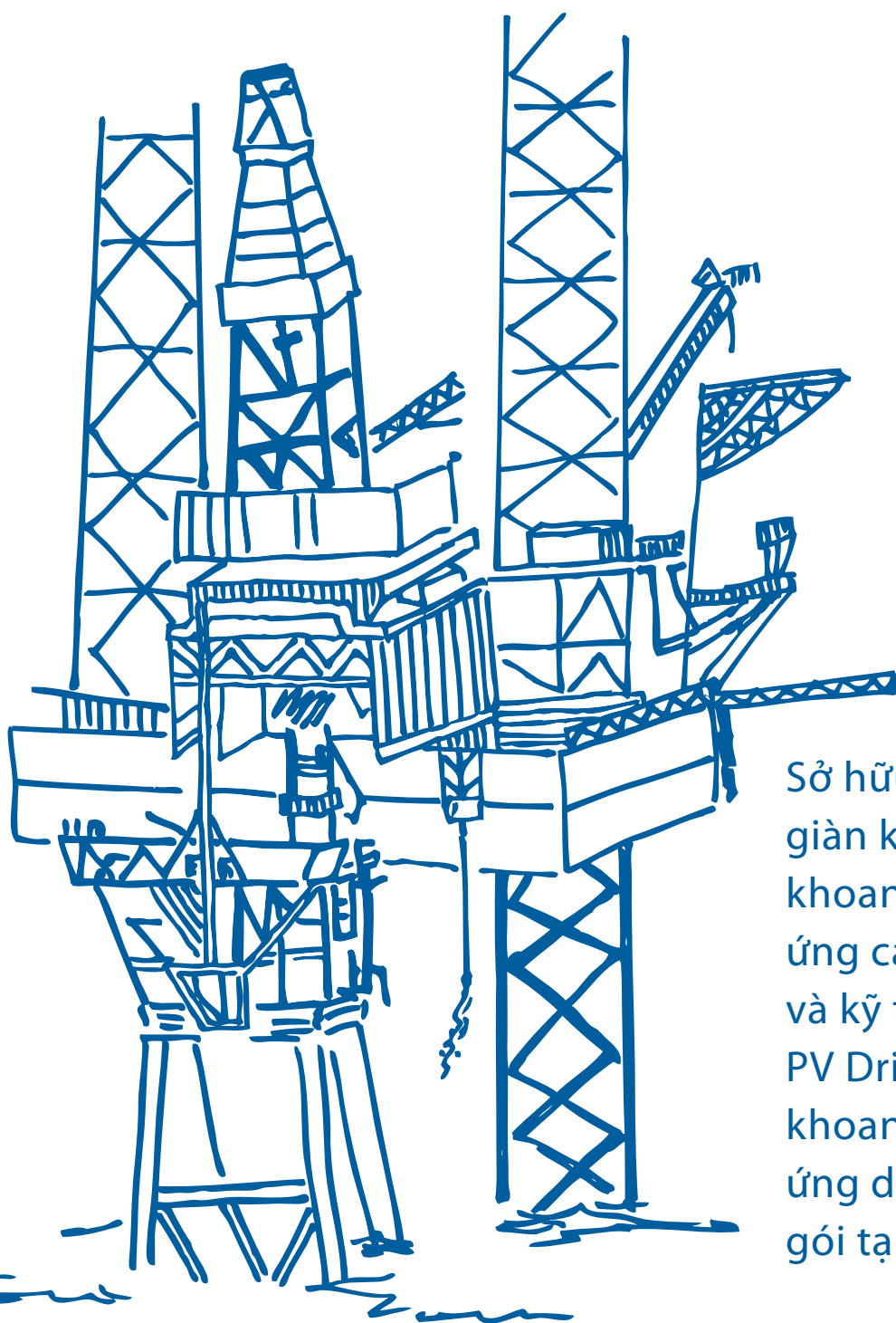
PVD Training được công nhận cấp phép đào tạo An toàn biển (T-BOSIET, T-FOET và T-HUET) theo chuẩn mực quốc tế OPITO (Offshore Petroleum Industry Training Organization) của ngành công nghiệp Dầu khí toàn cầu.

Ký kết thành lập Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries chuyên sản xuất, chế tạo các loại đầu nổi ống và cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các loại đầu nổi trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Vinh dự được bình chọn và nhận Giải thưởng "Giải đặc biệt xuất sắc Báo cáo thường niên năm 2010".



## Ngành nghề kinh doanh



Sở hữu và điều hành 4 giàn khoan biển, 1 giàn khoan đất liền, cung ứng các dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan, PV Drilling là Nhà thầu khoan duy nhất cung ứng dịch vụ khoan trọn gói tại Việt Nam.

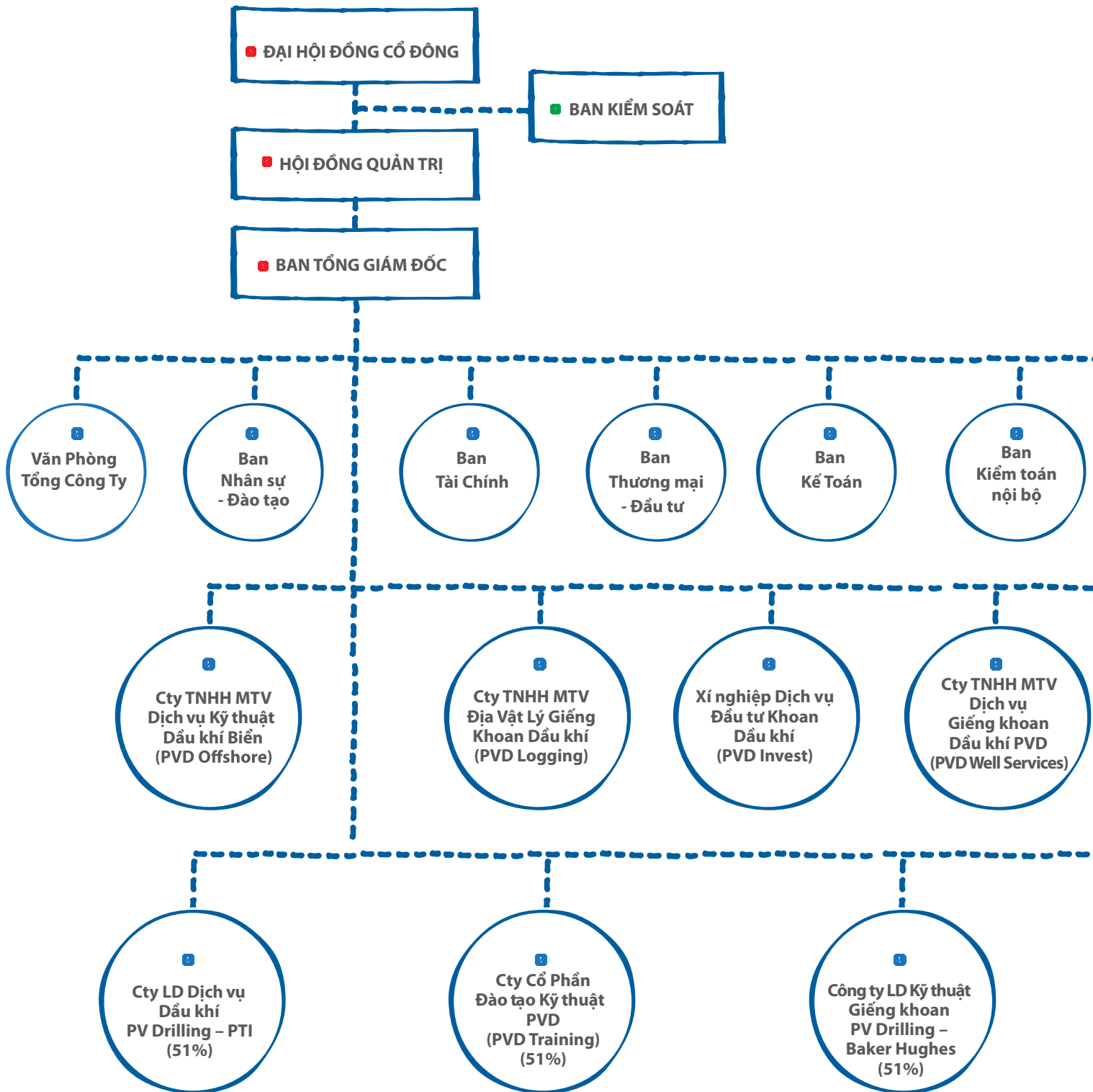


PV Drilling chuyên cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan phục vụ hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trong và ngoài nước:

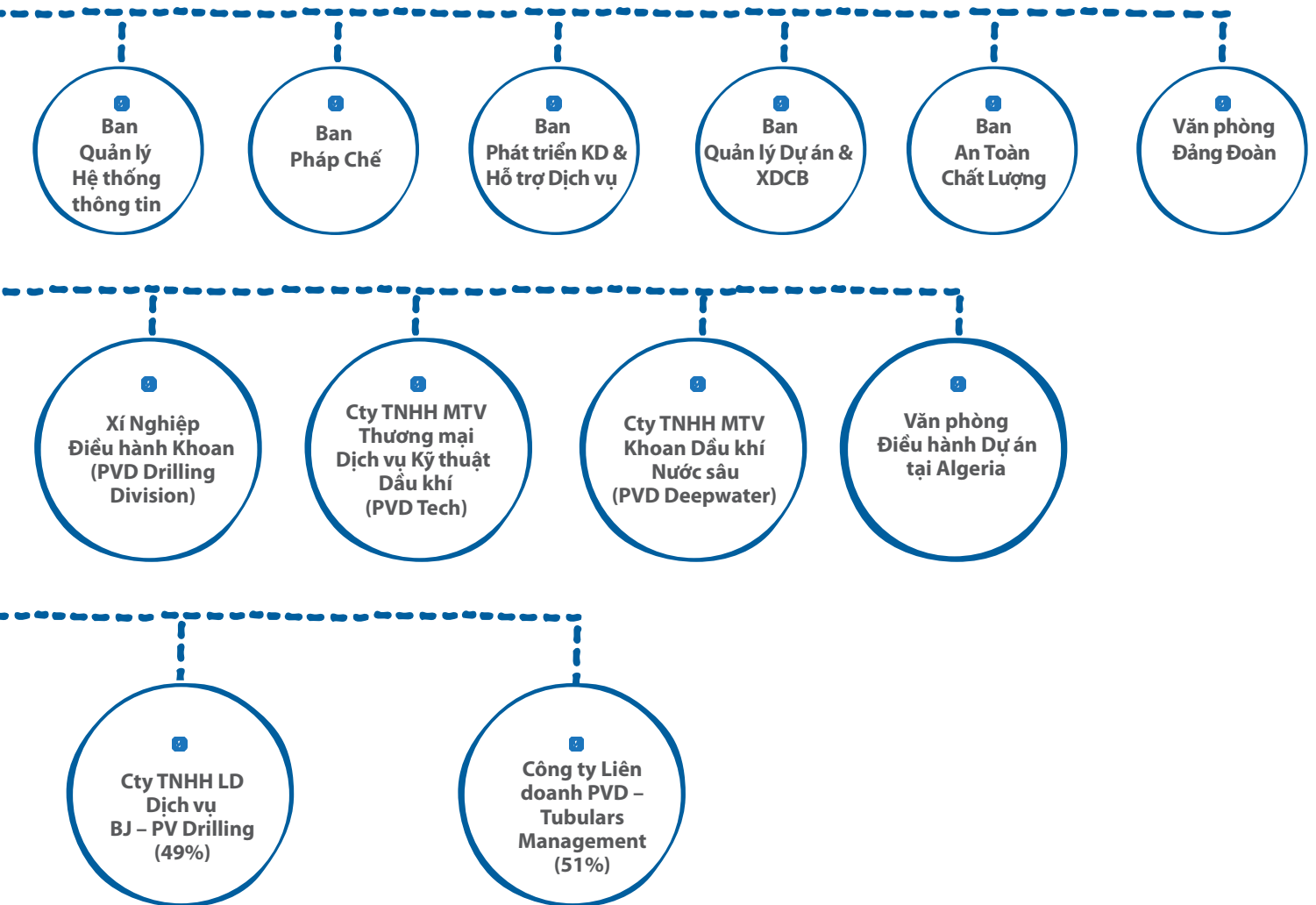
- Sở hữu và điều hành giàn khoan biển & đất liền;
- Dịch vụ thiết bị khoan;
- Đo karota khí và cung cấp chuyên gia địa chất;
- Kéo thả ống chống;
- Dịch vụ thiết bị đầu giếng;
- Ứng cứu sự cố dầu tràn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí;
- Đào tạo, cung cấp nhân lực khoan;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Bảo trì thiết bị công nghiệp: lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các cụm thiết bị và dây chuyền công nghiệp;
- Chế tạo ống chống, thiết kế chế tạo cụm thiết bị và kết cấu kim loại;
- Dịch vụ kỹ thuật khác hợp tác với các đối tác nước ngoài: Bơm trám xi măng và kích thích vỉa; Cung cấp dịch vụ trọn gói OCTG, sửa chữa bảo dưỡng OCTG; Thử vỉa và khai thác sớm; Khoan định hướng và khảo sát; Đo trong khi khoan; Lấy mẫu lõi; Đo địa vật lý giếng khoan (trừ dịch vụ đo karota khai thác); Treo đầu ống chống lừng; Cứu kẹt sự cố giếng khoan; Đại lý bán hàng cho hóa phẩm cho khai thác; Choàng khoan; Ép vỉa nhân tạo; Hoàn thiện giếng thông minh; Công nghệ khai thác mỏ;
- Tư vấn đầu tư - quản lý dự án và tư vấn quản lý; Tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên bao gồm: Cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.



## Sơ đồ tổ chức



Hiện nay, PV Drilling và các đơn vị trực thuộc có tổng số cán bộ công nhân viên tính đến ngày 31/12/2011 là 1.810 người. Cơ cấu tổ chức của PV Drilling bao gồm Văn phòng điều hành Tổng Công ty và các đơn vị thành viên như sau:



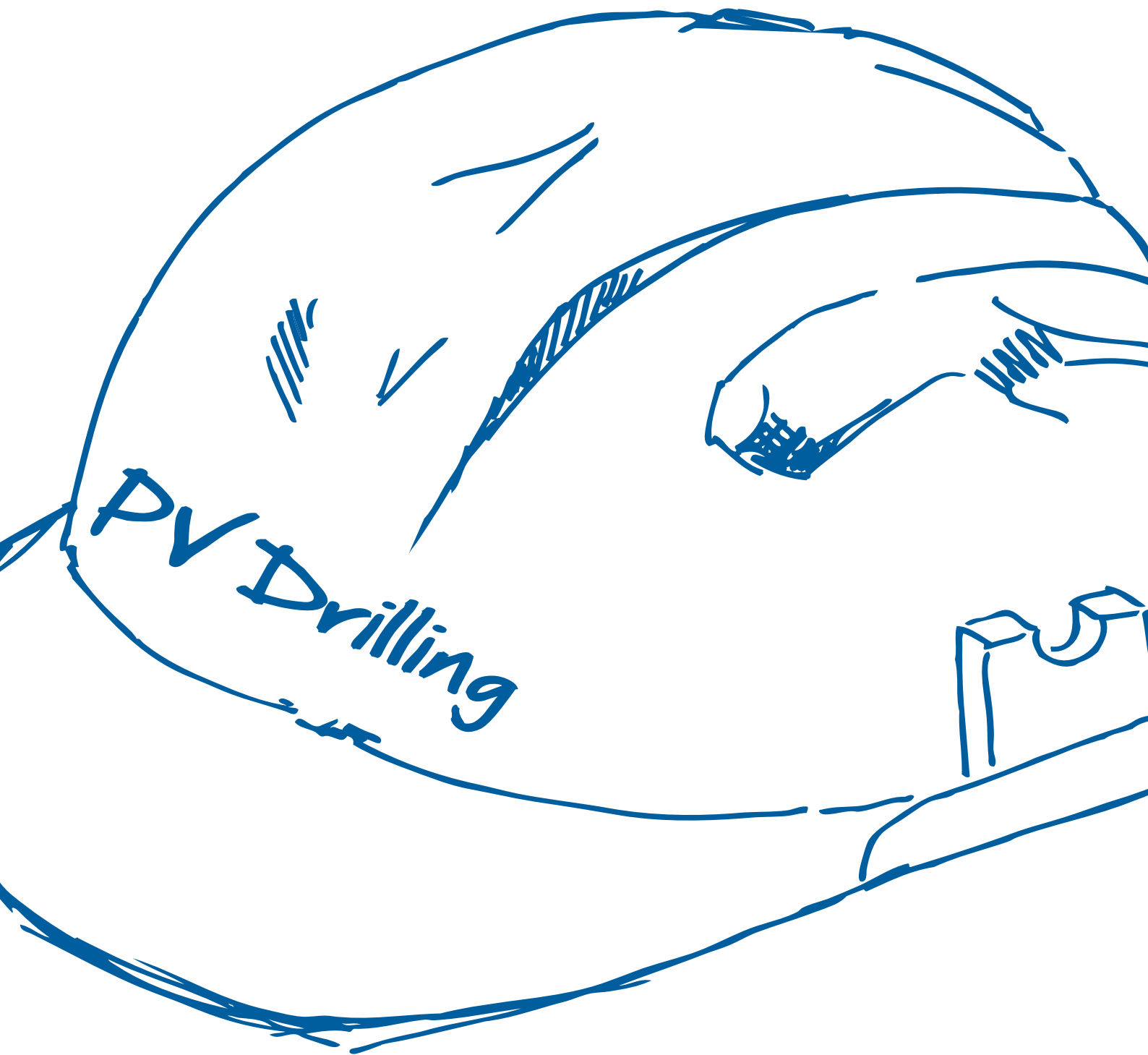




## Giá trị doanh nghiệp

Trải qua chặng đường 10 năm hình thành và phát triển, tổng tài sản của PV Drilling đã không ngừng lớn mạnh do tập trung đầu tư các giàn khoan công nghệ cao và nhiều trang thiết bị kỹ thuật giếng khoan tiên tiến...







## Hội đồng Quản trị



### Ông Đỗ Đức Chiến

Chủ tịch HĐQT PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1983 - 1987: Công tác tại Cục Cảnh vệ Bộ Công an
- 1988 - 1999: Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Vật tư Công ty Đầu tư phát triển Giao thông vận tải
- 1999 - 2006: Chánh Văn phòng, Phó Bí thư thường trực, Bí thư Đảng ủy Khối Dầu khí tại TP. HCM
- 2007: Phó Tổng Giám đốc Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng phía Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 2007 - 2009: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)
- 2009 - 2010: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)
- 04/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật
- Cử nhân Chính trị



### Ông Trịnh Thanh Bình

Phó chủ tịch HĐQT PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- Từ 1988 - 1997: Phó GD chi nhánh TP. HCM - Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí (OSC Việt Nam)
- 1998 - 2001 : Trưởng phòng kinh doanh XNK - Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (Petrosetco)
- 2001 - 2005: Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại - Petrosetco
- 2006: Phó Tổng Giám đốc Petrosetco
- 2006 - 2007: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)
- 2008 - 3/2009: Trưởng Văn phòng đại diện - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại phía Nam
- 4/2009 - 12/2009: Trưởng Ban Quản lý Dự án cụm khí Điện Đạm Cà Mau
- 1/2010 - 8/2010: Phó Chủ tịch/ Chủ tịch HĐQT Petrosetco
- 9/2010 - 4/2011: Bí thư Đảng ủy Petrosetco
- 4/2011 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



### **Ông Phạm Tiến Dũng**

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Drilling

(Xem phần giới thiệu Ban Tổng Giám đốc)



### **Ông Lê Văn Bé**

Thành viên HĐQT PV Drilling

#### **Quá trình công tác:**

- 1970 - 1974: Trợ lý tại Phòng Tài chính - Tổng cục Hậu cần
- 1975 - 1989: Trợ lý tại Phòng Tài chính - Tổng cục Kỹ thuật
- 1990 - 1995: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính, phụ trách công tác kế toán Ngân hàng.
- 03/1993 - 1995: Trực tiếp xây dựng đề án thành lập NH TMCP Quân đội, Trưởng Ban tư vấn Thư ký của Hội đồng quản trị
- 1995 - 2009: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

- 01/2010 đến nay: Phó Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng TMCP Quân đội
- 2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling

#### **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính Kế toán



## Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



### Bà Kiều Thị Hoài Minh

Thành viên HĐQT PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1993 - 1997: Chuyên viên Thanh toán quốc tế, Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Hàng hải VN
- 1998 - 2001: Chuyên viên Thương mại Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển thuộc PTSC
- 2002 - 2003: Chuyên viên Thương mại, Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí
- 2003 - 2007: Phó Phòng Thương mại PV Drilling
- 2007 đến nay: Trưởng Ban Thương mại - Đầu tư, PV Drilling
- 12/2009 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Ngoại ngữ: Pháp - Anh
- Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển



### Bà Đinh Thị Thái

Thành viên HĐQT PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1997 - 1999: Nhân viên Văn phòng đại diện Daewoo Corporation tại HN
- 1999 - 2005: Cán bộ phòng Đầu tư dự án, Vietcombank
- 2005 - 2006: Kiểm soát viên phòng Đầu tư dự án, Vietcombank
- 2006 - 2008: Phó phòng Đầu tư dự án, Vietcombank
- 09/2008 đến nay: Trưởng phòng Đầu tư dự án, Vietcombank
- 2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Anh văn
- Thạc sỹ Kinh tế



### Ông Dương Xuân Quang

Thành viên HĐQT PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1994 - 2000: Chuyên viên Phòng Kế toán, Tổng Công ty Dầu khí
- 2000 - 2002: Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Dầu khí
- 2002 - 2005: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long
- 2005 - 2008: Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long
- 01/2009 - 04/2009: Phó Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí VN
- 05/2009 - 12/2009: Phó Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- 01/2010 đến nay: Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- 2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



## Ban Kiểm soát



### Bà Nguyễn Thị Thủy

Trưởng Ban Kiểm soát PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1989 - 1993: Kế toán viên tại Công ty Phát triển Côn Đảo
- 1993 - 2001: Kế toán viên tại Công ty Thương Mại - Xây Dựng - Đầu Tư, Bà Rịa Vũng Tàu
- 2002 - 2003: Kế toán viên tại Xí nghiệp Khoan, PV Drilling
- 2003 - 2007: Kế toán trưởng - Xí nghiệp Khoan, PV Drilling
- 2007 - 2008: Kế toán trưởng NASOS
- 2008 - 2009: Thành viên ban Kiểm soát PV Drilling, kiêm Kế toán trưởng NASOS
- 2009 đến nay : Trưởng ban Kiểm soát PV Drilling, kiêm Kế toán trưởng NASOS

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán - Tài chính



### Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1994 - 1996: Kế toán viên tại Trung tâm Dịch vụ, Vietcombank
- 1996 - 1999: Chuyên viên phòng Quản lý Dự án, Vietcombank
- 1999 - 2001: Chuyên viên phòng Kế toán Tài chính, Vietcombank
- 2001 - 2006: Kiểm soát viên phòng Kế toán Tài chính, Vietcombank
- 2006 - 06/2011: Phó phòng Kế toán Tài chính/Trưởng phòng Tổng hợp và Chế độ kế toán hội sở, Vietcombank, Thành viên Ban kiểm soát PV Drilling
- 2006 - đến nay: Kế Toán trưởng Vietcombank, Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính - Ngân hàng



### Ông Nguyễn Văn Tứ

Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1997 - 2000: Công ty Thương mại và Đầu tư Petec
- 2000 - 2004: Công ty TNHH Deloitte Vietnam
- 2004 - 2007: Công ty Theodore Alexander Ltd
- 2007 - 2008: Chuyên viên Phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling
- 2008 - 2009: Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling
- 2010 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp



## Ban Tổng Giám đốc



### **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác:**

PV Drilling chi trả một mức lương cạnh tranh cho Ban Tổng Giám đốc và đã đăng ký với Sở Lao động Thương binh và Xã hội; thưởng theo thành tích công việc; và cung cấp các quyền lợi khác như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phương tiện đi lại theo quy định của pháp luật.



## Ông Phạm Tiến Dũng

Tổng Giám đốc PV Drilling

### Quá trình công tác:

- 1992 - 2001: Chuyên gia kỹ thuật làm việc tại các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan...)
- 2002 - 2005: Giám Đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling
- 2005 - 2009: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan
- 2009 - 08/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Drilling.
- 08/2010 - đến nay: Tổng Giám đốc PV Drilling

### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Cơ khí
- Cử nhân Ngoại ngữ - Anh văn

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1992, Ông Phạm Tiến Dũng đã có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành trong đó hơn 9 năm làm chuyên gia kỹ thuật tại các công ty dầu khí đa quốc gia, uy tín trên thế giới. Ông Dũng là người đã xây dựng và phát triển thành công dịch vụ xưởng cơ khí cho PTSC Offshore - tiền thân của PV Drilling. Ông cũng là một trong những người gắn bó với PV Drilling từ những ngày đầu thành lập và chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp các giàn khoan của Tổng Công ty trong thời gian là Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan. Ông Dũng hiện đang giữ chức vụ Tổng Giám Đốc PV Drilling. Trong năm 2011, dưới sự lãnh đạo của ông, Tổng Công ty đã có một năm khởi sắc với kết quả sản xuất kinh doanh đầy ấn tượng, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn và thách thức.



## Ông Trần Văn Hoạt

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

### Quá trình công tác:

- 1983 - 1987: Đốc công khoan tại công ty Dầu khí I Thái Bình
- 1987 - 2001: Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro
- 2001 - 2006: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling
- 2006 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu khu vực miền Nam (NASOS)

### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư khoan Dầu khí
- Kỹ sư khoan dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ

Ông Hoạt có 28 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đặc biệt là kinh nghiệm trong quản lý và điều hành giàn khoan tự nâng. Ông tham gia vào Ban Lãnh đạo PV Drilling ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Hiện ông Hoạt đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, phụ trách công tác nội chính, là Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư của PV Drilling, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Trần dầu (NASOS).



## Bà Hồ Ngọc Yến Phương

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

### Quá trình công tác:

- 1993 - 1995: Kế toán tại Tổng Công ty Nông Thổ sản (Agrimex)
- 1995 - 1998: Kế toán trưởng Công ty FDI VMEP (nay là Công ty SYM)
- 2000 - 2003: Financial Controller của Công ty Holcim Việt Nam
- 2003 - 2007: Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S Telecom (Sfone)
- 2007 - 06/2008: Trưởng phòng Tài chính Chứng khoán - Giám đốc Tài chính PV Drilling
- 07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

### Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne, Úc

Với 17 năm kinh nghiệm làm quản lý trong lĩnh vực tài chính - kế toán tại các công ty liên doanh thuộc các Tập đoàn có tên tuổi tại Việt Nam, bà Phương gia nhập PV Drilling từ giữa năm 2007. Bà là người chỉ đạo triển khai thành công hệ thống quản trị doanh nghiệp tại PV Drilling, giúp cải thiện và nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện bà Phương đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, phụ trách công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, pháp chế, công nghệ thông tin; quản lý quy trình/ hệ thống quản trị doanh nghiệp và công tác quan hệ cổ đông của Tổng Công ty.





## Ban Tổng Giám đốc



### Tiến Sĩ Văn Đức Tờng

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1981 - 1982: Chuyên viên cơ khí thiết bị khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình
- 1982 - 1984: Cán bộ Trường Đào tạo CBCN tại XNLD Vietsovetro, Vũng Tàu
- 1984 - 1987: Kỹ sư trưởng XNLD Vietsovetro (VSP)
- 1987 - 2002: Phó Giàn cơ khí Xí nghiệp Khoan VSP; Phó phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng Cơ khí - điện - Tự động hóa Liên Doanh VSP
- 2002 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Tiến sĩ Thiết bị công nghệ chế tạo máy khoan và Khai thác dầu khí tại Rumani

Ông Tờng có 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí thiết bị khoan và khai thác dầu khí. Ông là một trong số ít những chuyên gia Việt Nam am hiểu sâu rộng lĩnh vực đóng giàn khoan, ông đã trực tiếp tham gia chỉ đạo tất cả các dự án đóng mới giàn khoan của PV Drilling từ lúc bắt đầu cho đến khi đưa giàn vào hoạt động thành công. Hiện ông là Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý và giám sát các dự án đầu tư giàn khoan.



### Ông Đào Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1987 - 1994: Nhân viên phòng Phương tiện Nổi - Công ty Xuất Nhập Khẩu Thiết bị & Kỹ Thuật Dầu khí, PETECHIM
- 1994 - 2001: Phó phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM
- 2001 - 2003: Phó phòng Vận Tải Dầu khí Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM
- 2003 - 2008: Trưởng phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM
- 2008 - 2009: Trưởng phòng Quản lý Dự án & Xây dựng cơ bản, PV Drilling
- 12/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Thiết bị Động lực Tàu thủy, Trường Đại học Đóng Tàu Leningrad, Liên Xô.

Với 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, trong đó hơn 20 năm kinh nghiệm trong quản lý dự án dầu khí và trong lĩnh vực thương mại hợp đồng dầu khí, hiện ông Đào Ngọc Anh đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, phụ trách các vấn đề thương mại, đầu tư và quản lý các dự án của Tổng Công ty, kiêm thành viên HĐQT Công ty Liên doanh PVD-PTI.



### Ông Nguyễn Xuân Cường

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

#### Quá trình công tác:

- 1992 - 1996: Công tác tại Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
- 1996 - 1999: Kỹ sư Khoan, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC (PVSC)
- 1999 - 2001: Kỹ sư Khoan - Công ty Unocal
- 2001 - 2003: Trưởng Dự án Bồn trữing Hà Nội, Trưởng Dự án Amara, Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC)
- 2003 - 2005: Phó Trưởng phòng Thi công Khoan, Trưởng phòng Thi công Khoan Công ty PIDC
- 2005 - 2008: Giám đốc Thi Công, Phó Giám đốc Công ty PVEP - Algeria
- 6/2008 - 9/2010: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)
- 9/2010 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

#### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Khoan Dầu khí

Với 20 năm làm việc trong lĩnh vực khoan dầu khí tại nhiều cương vị công tác, đặc biệt với cương vị Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP), ông Cường có nhiều kinh nghiệm thực tế tại các công trình và giàn khoan dầu khí trong nước và quốc tế. Hiện ông Cường đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan, trực tiếp đảm nhận công tác quản lý và điều hành các giàn khoan của PV Drilling, đồng thời xây dựng và triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoan dầu khí.



## Ông Trịnh Văn Vinh

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

### Quá trình công tác:

- 1987 - 2002: Kỹ sư cơ khí; Giàn phó cơ điện; Trợ lý Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.
- 2002 - 2006: Phó Trưởng phòng/Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling).
- 2006 - 6/2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí (PVD Tech),
- 6/2011 - 8/2011: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Công ty PVD Tech
- 8/2011 - Nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty PVD Tech

### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1987, đến nay ông Vinh đã có 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành, trong đó có 10 năm kinh nghiệm quản lý. Với nền tảng là kỹ sư cơ khí, ông đã được tin nhiệm giao trọng trách xây dựng công ty PVD Tech, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại dầu khí. Trong những năm qua PVD Tech đã phát triển mạnh mẽ các dịch vụ của mình cả về chiều sâu và chiều rộng, đồng thời đóng góp đáng kể lợi nhuận vào kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling - phụ trách công tác phát triển kinh doanh và hỗ trợ dịch vụ.



## Ông Đoàn Đắc Tùng

Kế Toán trưởng PV Drilling

### Quá trình công tác:

- 1998 - 2001: phụ trách công tác kế toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) - đơn vị thành viên Công ty PTSC
- 2002 - 2006: Phó phòng Tài chính - Kế toán của PV Drilling
- 2006 đến nay: Kế toán trưởng PV Drilling

### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế của Trường Đại học Tài chính Kế toán

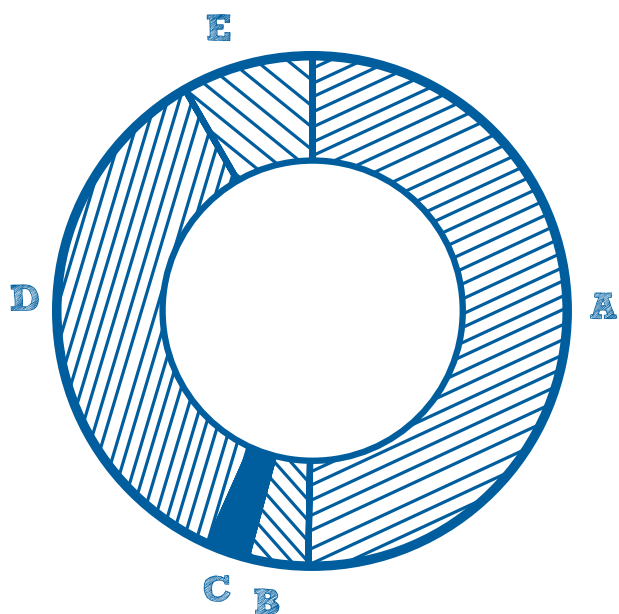
Gia nhập và đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng PTSC Offshore - tiền thân PV Drilling vào năm 1998. Ông Tùng đã có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán, ông giữ chức vụ Kế toán trưởng PV Drilling kể từ khi công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty đại chúng vào năm 2006 cho đến nay.



## Cơ cấu cổ đông

### Tỉ trọng tương ứng

PVN	50,38%
PVFC	3,96%
VCB	2,56%
Cổ đông nước ngoài	34,84%
Khác	8,26%

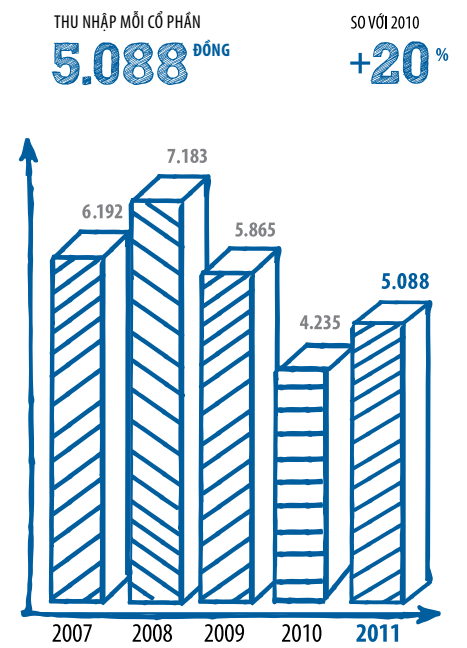
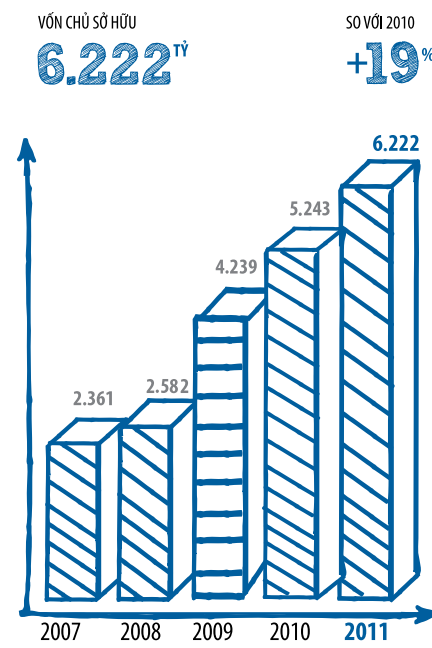
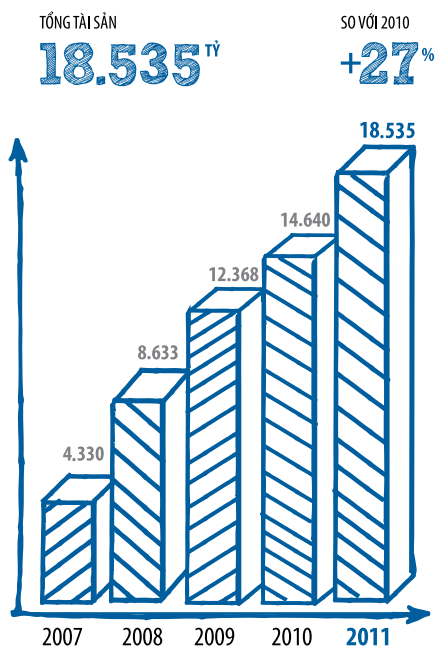
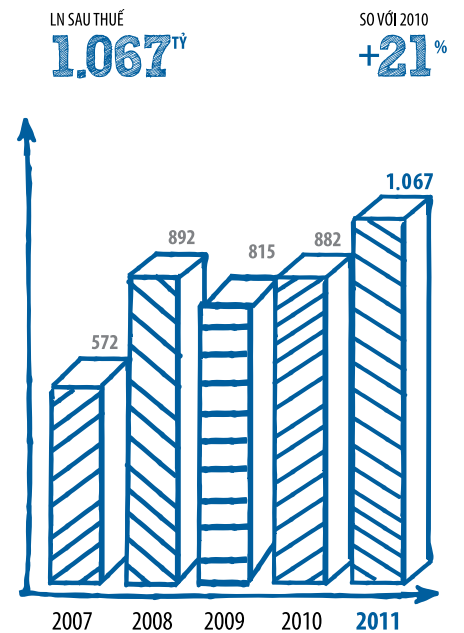
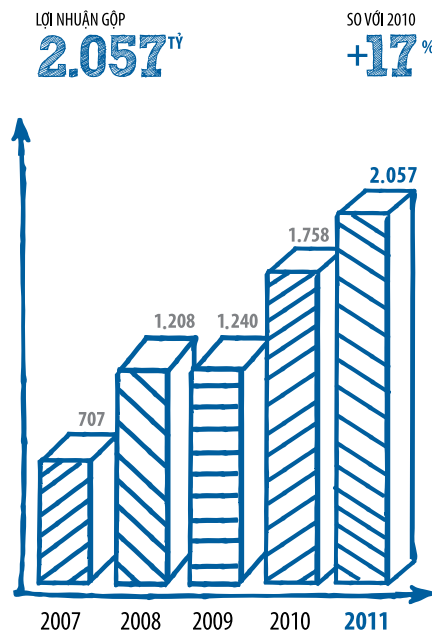
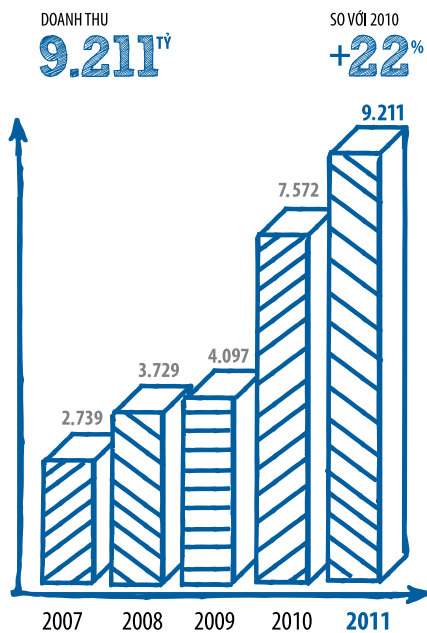


<b>A</b>	PVN	50,38%
<b>B</b>	PVFC	3,96%
<b>C</b>	VCB	2,56%
<b>D</b>	Cổ đông nước ngoài	34,84%
<b>E</b>	Khác	8,26%

STT	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	TỈ LỆ NẮM GIỮ
1	DEUTSCHE BANK AG LONDON	4,31%
2	JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	1,63%
3	MARKET VECTORS ETF TRUST - MARKET VECTORS - VIETNAM ETF	1,57%
4	DRAGON CAPITAL VIETNAM MOTHER FUND	1,28%
5	AMERSHAM INDUSTRIES LIMITED	1,15%
6	FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS - TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	1,06%
7	VIETNAM INFRASTRUCTURE HOLDING LTD	0,85%
8	CITIGROUP GLOBAL MARKETS FINANCIAL PRODUCTS LLC	0,78%
9	KITMC WORLDWIDE VIETNAM RSP BALANCE FUND	0,71%
10	VIETNAM HOLDING LIMITED	0,69%
11	VIETNAM INVESTMENT PROPERTY HOLDINGS LIMITED	0,62%
12	EPSOM LIMITED	0,62%
13	TEMPLETON GLOBAL INVESTMENT TRUST - TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	0,62%
14	RED RIVER HOLDING	0,61%
15	VIETNAM EQUITY HOLDING	0,59%
16	AMUNDI VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	0,58%
17	THE CARAVEL FUND(INTERNATIONAL)LTD	0,56%
18	PHEIM AIZAWA TRUST	0,56%
19	UBS AG LONDON BRANCH	0,55%
20	THE HONGKONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION LIMITED	0,54%
21	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI KHÁC	14,97%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34,84%</b>



## Các chỉ số tài chính năm 2011



Kết quả hoạt động kinh doanh								
DOANH THU		↑	LỢI NHUẬN GỘP		↑	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ LÃI VAY		↑
TỶ ĐỒNG			TỶ ĐỒNG			TỶ ĐỒNG		
2009	4.097		2009	1.240		2009	1.222	
2010	7.572	<b>22%</b>	2010	1.758	<b>17%</b>	2010	1.908	<b>18%</b>
2011	9.211		2011	2.057		2011	2.252	
LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG		↑	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		↑	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		↑
TỶ ĐỒNG			TỶ ĐỒNG			TỶ ĐỒNG		
2009	847		2009	926		2009	815	
2010	1.000	<b>17%</b>	2010	1.019	<b>21%</b>	2010	882	<b>21%</b>
2011	1.174		2011	1.229		2011	1.067	
Bảng cân đối kế toán								
TỔNG TÀI SẢN		↑	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		↑	VỐN CHỦ SỞ HỮU		↑
TỶ ĐỒNG			TỶ ĐỒNG			TỶ ĐỒNG		
2009	12.368		2009	8.129		2009	4.239	
2010	14.640	<b>27%</b>	2010	9.397	<b>31%</b>	2010	5.243	<b>19%</b>
2011	18.535		2011	12.314		2011	6.222	
Tỷ số tài chính								
LNST/VỐN ĐIỀU LỆ		↑	TỶ LỆ ĐẢM BẢO LÃI VAY		↑	THU NHẬP MỖI CỔ PHẦN		↑
Return on charter capital			Interest Coverage Ratio			Earnings Per Share		
%			%			ĐỒNG		
2009	38,7%		2009	13,3		2009	5.865	
2010	41,9%	<b>8,8%</b>	2010	4,1	<b>1,7%</b>	2010	4.235	<b>20%</b>
2011	50,7%		2011	5,8		2011	5.088	





## Thành quả các đơn vị thành viên

Nhờ hệ thống công ty con và công ty liên doanh phủ rộng khắp, PV Drilling đã có được sức mạnh cộng hưởng để hướng tới phát triển bền vững và mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.





## Xí nghiệp Điều hành khoan

PVD Drilling Division

Tại PVD Drilling Division, yếu tố con người luôn được ưu tiên phát triển hàng đầu. Với rất nhiều chuyên gia kỹ thuật khoan giỏi từ nhiều nước tiên tiến như Anh, Pháp, Mỹ, Úc... cùng đội ngũ CBCNV người Việt Nam đang từng bước trưởng thành, PVD Drilling Division tự tin khẳng định là đội ngũ tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam.



**Ông Nguyễn Xuân Cường**

Giám đốc PV Drilling Division

Xí Nghiệp Điều Hành Khoan (PVD Drilling Division) là chi nhánh phụ thuộc đảm đương trọng trách quản lý và điều hành 03 giàn khoan biển, 01 giàn khoan đất liền (PV Drilling sở hữu 100% vốn) và vận hành 01 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (PV Drilling sở hữu 62% vốn).

Là đơn vị đảm nhận mảng dịch vụ then chốt của PV Drilling nên tại PVD Drilling Division, yếu tố con người luôn được ưu tiên phát triển hàng đầu. Với rất nhiều chuyên gia kỹ thuật khoan giỏi từ nhiều nước tiên tiến như Anh, Pháp, Mỹ, Úc... cùng đội ngũ CBCNV người Việt Nam đang từng bước trưởng thành, PVD Drilling Division tự tin khẳng định là đội ngũ tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam.

Song song với việc không ngừng đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên môn kỹ thuật, PVD Drilling Division luôn đi đầu trong công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển sản xuất. Hiện đơn vị đang ứng dụng và sở hữu rất nhiều các hệ thống quản lý tiên tiến nhất trên thế giới như hệ thống Maximo, Oracle, ERP... chính vì thế mà hoạt động



sản xuất kinh doanh của PVD Drilling Division luôn mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Năm 2011 là năm thứ hai PVD Drilling Division đã tận dụng và phát huy tốt các nguồn lực sẵn có về nhân sự và mối quan hệ với khách hàng để hợp tác kinh doanh với một số đối tác cung cấp giàn khoan trên thế giới như Maersk, Vantage... và đã cung cấp thêm 05 giàn khoan nước ngoài cho các khách hàng Phú Quý POC, Salamander, Premier Oil, PVEP POC, chiếm lĩnh trên 50% thị phần thị trường khoan tại Việt Nam. Năm 2011, dưới sự chỉ đạo của Tổng Công ty, PVD Drilling Division đã ký hợp đồng quản lý, vận hành và thành công trong việc đưa vào vận hành giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) cho chiến dịch khoan 05 năm của công ty Biển Đông POC; đồng thời khởi động lại dự án khoan 03 năm cho Liên doanh GBRS tại sa mạc Sahara, Algeria... Tất cả các giàn khoan hoạt động hiệu quả an toàn, đạt hiệu suất trên 98% và được các khách hàng đánh giá cao. Công tác quản lý và

vận hành giàn khoan của Xí nghiệp cũng đạt được nhiều thành tích nổi bật như sau:

***Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) công nhận:***

- Giàn khoan PV DRILLING I đạt 4 năm liên tiếp vận hành an toàn không xảy ra tai nạn mất thời gian lao động (Zero LTI).
- Giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 2 năm liên tiếp vận hành an toàn không xảy ra tai nạn mất thời gian lao động.

Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, năm 2011, Báo cáo tài chính của PVD Drilling Division đã thể hiện những đóng góp mà dịch vụ khoan mang lại, doanh thu đạt 4.983 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 781 tỷ đồng, tương ứng chiếm 54% và 64% trong tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của toàn Tổng Công ty.



## Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD

### PVD Offshore

Với chiến lược kinh doanh hợp lý, cùng ý thức trách nhiệm của một Nhà cung cấp dịch vụ đáng tin cậy, PVD Offshore cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong những năm tiếp theo cũng như khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực dầu khí.



**Ông Trần Thanh Tân**

Giám đốc PVD Offshore

Được thành lập từ năm 2007 trên cơ sở sáp nhập hai xí nghiệp con, hiện là đơn vị 100% vốn sở hữu của PV Drilling, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD Offshore) đã và đang cung cấp rộng rãi các dịch vụ thế mạnh, chiếm lĩnh phần lớn thị trường dịch vụ dầu khí trong hoạt động: Cung ứng nguồn nhân lực khoan, Chế tạo - sửa chữa - kiểm định và bảo dưỡng các thiết bị khoan và Ứng cứu sự cố Tràn dầu.

Có thể nói, từ khi thành lập đến nay, hoạt động SXKD của PVD Offshore đã không ngừng phát triển:

- Đội ngũ nhân công khoan đã đạt hơn 750 người, đảm bảo cung ứng nhiều chức danh khác nhau, liên tục cho 12 - 13 giàn khoan hoạt động tại Việt Nam, trong đó có 4 giàn của Tổng Công ty PV Drilling, và một số giàn hoạt động trong khu vực.



- Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, kiểm định và bảo dưỡng các thiết bị khoan đã phát triển mạnh mẽ và giành được sự tin tưởng cao của khách hàng. Công ty cũng đã tiếp tục nghiên cứu mở rộng cung cấp thêm nhiều loại hình dịch vụ mới như: tiện cắt ren theo bản quyền của VAM, TENARIS, dịch vụ Rope Access... nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu của thị trường.
- Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu của PVD Offshore trải qua 18 năm cung cấp dịch vụ đã chiếm lĩnh hơn 90% thị phần tại Việt Nam. Với việc được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty tín nhiệm giao cho cùng phối hợp với Trung tâm NASOS tiến hành công tác điều hành hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam, PVD Offshore đã ngày càng chứng minh năng lực và sự trưởng thành của mình.

Kết quả SXKD trong suốt 5 năm qua đã ghi nhận sự phát triển thành công của PVD Offshore, với kết quả năm đầu thành lập (2007) mới chỉ đạt 204 tỷ đồng doanh thu và 65 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, nhưng sau 4 năm hoạt động, doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt được 659 tỷ đồng và 232 tỷ đồng, tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 30 - 50%.

Với chiến lược kinh doanh hợp lý, cùng ý thức trách nhiệm của một Nhà cung cấp dịch vụ đáng tin cậy, PVD Offshore cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong những năm tiếp theo cũng như khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực dầu khí.



## Công ty địa vật lý giếng khoan Dầu khí

PVD Logging

Năm 2011, PVD Logging tiếp tục khẳng định vị thế trong nước bằng chính nội lực là các ứng dụng công nghệ cao và nguồn nhân lực chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm. Đây chính là những giá trị nội lực đưa PVD Logging trở thành một nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật cao đáng tin cậy đối với các khách hàng trong và ngoài nước, kể cả các công ty đa quốc gia.



**Ông Lương Văn Cường**

Giám đốc PVD Logging

Là đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn của Tổng Công ty PV Drilling, chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao trong hoạt động khoan dầu khí như Đo Karota khí, Đo Karota khai thác, Kéo thả thiết bị trong giếng, Thử vỉa, Cung cấp chuyên gia địa chất,...

Năm 2011, PVD Logging tiếp tục khẳng định vị thế trong nước bằng chính nội lực là các ứng dụng công nghệ cao và nguồn nhân lực chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm. Khách hàng trong nước, kể cả các công ty đa quốc gia đánh giá PVD Logging là một nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật cao đáng tin cậy.



Cùng với dịch vụ Đo Karota khí chiếm 80% - 90% thị phần trong nước, các dịch vụ khác cũng nắm giữ từ 50% - 75% thị phần trong nước.

Tiến xa hơn nữa, PVD Logging được PV Drilling xác định là một trong những đơn vị thành viên chủ lực có đủ điều kiện tham gia thị trường nước ngoài, đặc biệt là thị trường Nam Mỹ đầy tiềm năng.

Xác định mục tiêu cạnh tranh trực tiếp với các công ty dịch vụ đa quốc gia hàng đầu, PVD Logging đã đầu tư đáng kể vào công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra những hệ thống có thể quảng bá thương hiệu của Công ty tại thị trường trong và ngoài nước. Bước đầu Công ty đã có những cải tiến

trên hệ thống và thiết bị đang sử dụng, nâng cao sự tiện dụng và tính chính xác. Năm 2011, các nghiên cứu cho dịch vụ và thiết bị mới đạt được những thành công khả quan, sẵn sàng đưa vào thị trường trong năm 2012.

Kể từ thời điểm hoạt động độc lập từ tháng 8/2007, PVD Logging đã liên tục duy trì mức tăng trưởng doanh thu bình quân 36% hàng năm. Năm 2011, PVD Logging đạt được doanh thu 827 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 82 tỷ đồng sau khi đã chuyển giao phần lớn dịch vụ Wireline cho liên doanh PVD - Baker Hughes.



## Công ty Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí

PVD Well Services

PVD Well Services liên tục phát triển và giữ vững vị trí là nhà cung cấp hàng đầu trên thị trường dịch vụ khoan với hai mảng dịch vụ truyền thống là kéo thả ống chống và cho thuê thiết bị. Định hướng của công ty là phát triển một số dịch vụ mới, kỹ thuật cao nhiều tiềm năng như khoan kiểm soát áp suất, tách lọc chất rắn, lọc dung dịch hoàn thiện giếng...



**Ông Nguyễn Viết Bột**

Giám đốc PVD Well Services

Là một đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn của PV Drilling, PVD Well Services liên tục phát triển và giữ vững vị trí là nhà cung cấp hàng đầu trên thị trường dịch vụ khoan hai mảng dịch vụ truyền thống là kéo thả ống chống và cho thuê thiết bị, bên cạnh đó Công ty cũng đã bước đầu phát triển thành công một số dịch vụ mới nhiều tiềm năng như khoan kiểm soát áp suất, tách lọc chất rắn, lọc dung dịch hoàn thiện giếng...

Trong năm qua, với việc khai thác có hiệu quả cao bộ thiết bị kéo thả ống chống mới được đầu tư, phát triển mạnh đội ngũ công nhân kỹ thuật kéo thả ống chống cả về số lượng lẫn chức danh, có khả năng tự thực hiện và điều hành một số hợp đồng



quan trọng, vị thế của Công ty trên thị trường ngày càng khẳng định và được khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó, dịch vụ truyền thống cho thuê thiết bị ngày càng được Công ty chú trọng phát triển, có sức cạnh tranh cao, được các khách hàng tin tưởng và ưu tiên chọn lựa.

Năm 2011 là năm ghi dấu PVD Well Services đạt được bước đầu thành công trong phát triển dịch vụ mới. Dịch vụ kiểm soát áp suất trong khi khoan (MPD) đòi hỏi nhiều công nghệ và kỹ thuật phức tạp được Công ty triển khai nghiên cứu ứng dụng từ cuối năm 2010, đến nay đã ký kết được một số hợp đồng dài hạn. Đây là dịch vụ có nhiều triển vọng để trở thành một trong những dịch vụ chủ

lực của Công ty trong tương lai không xa. Ngoài ra, dịch vụ tách lọc chất rắn, lọc dung dịch hoàn thiện giếng đang có xu hướng phát triển và bắt đầu đem lại những kết quả khả quan.

Kết quả kinh doanh năm 2011, PVD Well Services đã duy trì đà tăng trưởng vượt bậc với doanh thu 853 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 171 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2010.

Với những nỗ lực không ngừng, tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty PVD Well Services đã xây dựng và khẳng định được hình ảnh mạnh mẽ, chuyên nghiệp, cùng với hứa hẹn nhiều đột phá trong tương lai.





## Công ty Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí

**PVD Tech**

PVD Tech đã quyết định chiến lược phát triển tăng tốc, tập trung đầu tư mạnh mẽ cho chất lượng nguồn nhân lực, thiết bị máy móc, cơ sở vật chất để phát triển các dịch vụ có tỷ lệ nội địa hoá cao, phát triển các sản phẩm mới trong lĩnh vực thiết kế chế tạo, hoàn thiện dịch vụ trọn gói cung cấp ống TTM, mở rộng thị trường cung cấp ống chống tại Việt Nam, Châu Á, Trung Đông.



**Ông Đặng Xuân Mạnh**

Giám đốc PVD Tech

Là đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn của PV Drilling, sau 5 năm hoạt động, PVD Tech đã khẳng định thương hiệu của mình trong các lĩnh vực thương mại dầu khí, cho thuê thiết bị đầu giếng, hàn ống conductor và thiết kế chế tạo. Thành công này là kết quả của sự nỗ lực, chinh phục mọi khó khăn để vươn lên tầm cao mới của toàn thể CBCNV Công ty.



Năm 2011, năm bắt chủ trương duy trì và tăng trưởng sản lượng dầu khí để góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, PVD Tech đã quyết định chiến lược phát triển tăng tốc, tập trung đầu tư mạnh mẽ cho chất lượng nguồn nhân lực, thiết bị máy móc, cơ sở vật chất để phát triển các dịch vụ có tỷ lệ nội địa hoá cao, phát triển các sản phẩm mới trong lĩnh vực thiết kế chế tạo, hoàn thiện dịch vụ trọn gói cung cấp ống TTM, mở rộng thị trường cung cấp ống chống tại Việt Nam, Châu Á, Trung Đông. Ngoài ra, PVD Tech tiếp tục mở rộng

thị trường về các mảng dịch vụ kỹ thuật trọng tâm trong và ngoài nước, đẩy mạnh phát triển thị trường cung cấp thiết bị đầu giếng và các thiết bị liên quan cho các công ty khai thác dầu khí.

Thành công trong việc đẩy mạnh đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh kể trên, năm 2011 PVD Tech đạt được 1.316 tỷ đồng doanh thu và 63 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương ứng tăng 26% và 48% so với năm 2010.



# Công ty TNHH Khoan Dầu khí Nước Sâu

PVD Deepwater

Hiện thực hóa “đi trước đón đầu” công nghệ khoan nước sâu tiên tiến nhất. Ngày 01/10/2011, giàn khoan TAD chính thức được khai sinh và đưa về hoạt động tại vùng biển nước sâu của Việt Nam.



**Ông Trịnh Văn Lâm**

Giám đốc PVD Deepwater

Là đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn của PV Drilling, PVD Deepwater hoạt động tập trung chủ yếu vào lĩnh vực cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí. Từ khi mới thành lập vào tháng 7/2010, PVD Deepwater được giao nhiệm vụ quan trọng là quản lý dự án đóng mới và vận hành giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm TAD.

Ngày 01/10/2011 tại Lễ đặt tên cho giàn khoan TAD, Tổng Giám đốc PVN Đỗ Văn Hậu đặt tên “PV DRILLING V” cho giàn khoan TAD, chính thức khai sinh ra giàn khoan PV DRILLING V.



Ngày 17/10/2011, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của PV Drilling, PVD Deepwater đã hoàn thành sứ mệnh đóng mới thành công giàn TAD, tự tin đưa giàn vào hoạt động tại mỏ Mộc Tinh và Hải Thạch cho khách hàng là Công ty Điều hành dầu khí Biển Đông (Biển Đông POC).

Ngày 14/2/2012, sau thời gian nỗ lực vượt qua khó khăn của thời tiết xấu, PVD Deepwater đã dựng thành công hệ thống khoan lên Mộc Tinh Platform - giàn cố định của nhà thầu dầu Biển Đông POC, chính thức đưa giàn PV DRILLING V đi vào hoạt động ổn định và an toàn.

Từ những kinh nghiệm thực tiễn ban đầu đó, PVD Deepwater đã khẳng định được năng lực vận hành, kinh nghiệm xử lý tình huống, năng lực chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật của Công ty, và cũng từ đó rút ra được những bài học quý báu để tự tin vận hành giàn thành công trong năm 2012.



# Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí

PVD Invest

Chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2010, đến nay PVD Invest đã đạt được những thành công bước đầu cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phục vụ các chiến dịch khoan tìm kiếm thăm dò, các dự án phát triển mỏ, khai thác dầu khí tại Việt Nam.



**Ông Trịnh Vũ Anh**

Giám đốc PVD Invest

PVD Invest là đơn vị trực thuộc PV Drilling, chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01 năm 2010 và đến nay đã đạt được những thành công bước đầu cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phục vụ các chiến dịch khoan tìm kiếm thăm dò, các dự án phát triển mỏ, khai thác dầu khí tại Việt Nam.

Là một đơn vị trẻ và năng động, trong suốt 2 năm qua kể từ ngày thành lập, toàn thể CBCNV PVD Invest đã luôn đoàn kết, nỗ lực từng bước kiên định phát triển các dịch vụ kỹ thuật làm nền tảng ban đầu của đơn vị như Professional Manpower services, Surface Equipment services, Site survey & Rig positioning services, Technical



Consultancy services. Đến nay, các nhà thầu dầu lớn tại Việt Nam như Vietsovpetro, PVEP POC, Cuu Long JOC, Petronas Carigali, Premier Oil, Hoang Long - HoanVu JOC, Thang Long JOC, Idemitsu, VietgazProm,... đã tin tưởng, hợp tác và xem PVD Invest như một đối tác tin cậy trong quá trình triển khai các chiến dịch khoan tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của mình.

Năm 2011, PVD Invest đạt được 760 tỷ đồng doanh thu và 23 tỷ đồng lợi nhuận, đồng thời mở rộng mối quan hệ với các khách hàng, đối tác và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại để tiến xa hơn nữa.



# Công ty CP Đào tạo Kỹ thuật PVD

## PVD Training

Năm 2011, PVD Training đã trở thành trung tâm đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế và được tổ chức OPITO (Offshore Petroleum International Training Organization) công nhận cấp phép đào tạo an toàn biển theo chuẩn mực quốc tế OPITO.



**Ông Bùi Thanh Vân**

Giám đốc PVD Training

Là cầu nối nguồn lực cho doanh nghiệp, với 51% vốn góp của Tổng Công ty PV Drilling, Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (PVD Training) vẫn tiếp tục đảm bảo sự phát triển với tốc độ tăng trưởng số lượng khóa đào tạo đạt trên 35%. Bên cạnh việc duy trì tốt chất lượng đào tạo, PVD Training đã mở rộng thêm các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến công tác đào tạo nhân lực cho PV Drilling và các đơn vị trong và ngoài ngành như: Chương trình thực tập cho học viên trước tuyển dụng và cung ứng nhân lực, dịch vụ kỹ thuật sửa chữa, kiểm định thiết bị an toàn, hệ thống phòng chống cháy, tư vấn mô hình phát triển năng lực để xây dựng lộ trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực,...

Với mục tiêu phát triển bền vững và định hướng đào tạo thực nghiệm theo yêu cầu phát triển năng lực



của doanh nghiệp (Competency - Based Training), PVD Training luôn kiện toàn hệ thống quản trị tích hợp ISO 9001, xây dựng đội ngũ giảng viên thực nghiệm và thiết kế các chương trình đào tạo theo yêu cầu phát triển năng lực nguồn nhân lực của doanh nghiệp và kết quả năm 2011. PVD Training đã trở thành trung tâm đào tạo đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế đã được tổ chức OPITO (Offshore Petroleum International Training Organization) công nhận cấp phép đào tạo an toàn biển theo chuẩn mực quốc tế OPITO. Bên cạnh đó PVD Training cũng là đối tác chiến lược của các nhà sản xuất MSA, Eversafe, Zhenhua để hỗ trợ đào tạo thiết bị an toàn và được các cơ quan đăng kiểm quốc tế ABS, Lloyds, VR cấp chứng chỉ cho phép thực hiện kiểm định các thiết bị an toàn hàng hải.

Song hành với việc phát triển theo chiều rộng và nâng cao chất lượng theo chiều sâu, PVD Training đã được Liên hiệp Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam cấp Chứng thư thẩm định Tín nhiệm doanh nghiệp năm 2011.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, PVD Training đạt 67 tỷ đồng doanh thu và 14 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương ứng tăng 38% và 54% so với năm 2011. Đây là những kết quả khích lệ PVD Training trong quá trình tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển theo chiều rộng và nâng cao chất lượng theo chiều sâu, cũng như là cơ sở giúp PVD Training tự tin vào tiềm năng phát triển của Công ty.





## Các công ty liên doanh

### Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling

BJ-PVD



Công Ty TNHH Liên doanh dịch vụ BJ-PV Drilling là Công ty liên doanh giữa PV Drilling và BJ Services với 49% vốn của PV Drilling, chuyên cung cấp dịch vụ can thiệp giếng khoan bằng ống khai thác mềm, bơm trám xi măng, kích thích vỉa, nút vỉa thủy lực và thẩm lọc dung dịch thử vỉa.

Năm 2011, liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling đã đạt được 734 tỷ đồng doanh thu và 87 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp 38 tỷ đồng vào lợi nhuận sau thuế của PV Drilling. Đạt được kết quả trên, BJ-PV Drilling đã triển khai tốt việc cung cấp các dịch vụ cho các công ty dầu khí nhất là dịch vụ nút vỉa thủy lực nhằm nâng cao hệ số thu hồi của các giếng dầu và được các nhà thầu dầu đánh giá rất cao, đặc biệt được ghi nhận và tin tưởng từ Vietsovpetro, Petronas.

### Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling - PTI

PVD-PTI



PV Drilling Production Testers International (PVD-PTI) là Công ty liên doanh giữa PVD Logging và Công ty Expro International BV, trong đó PVD Logging đóng góp 51% vốn sở hữu. PVD-PTI tự hào là Công ty liên doanh đầu tiên và chuyên nghiệp cung cấp các dịch vụ thử vỉa giếng khoan và cho thuê các thiết bị khai thác sớm cho các Công ty khai thác dầu khí ở thị trường Việt Nam.

Song song với việc đầu tư thêm các thiết bị thử vỉa để cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đơn vị đã mở rộng thêm dịch vụ cung ứng nhân lực nhằm cung ứng nhân lực cho chính các mảng dịch vụ đơn vị đang hoạt động với đội ngũ các kỹ sư, công nhân có tay nghề cao và kinh nghiệm làm việc từ các nhà thầu nước ngoài.

Năm 2011, PVD-PTI đạt xấp xỉ 143 tỷ đồng doanh thu và 66 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp 25 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty.

Sự thành công này đã tăng cường niềm tin cho mỗi cán bộ công nhân viên trong công ty. Trong năm 2012, công ty PVD-PTI khẳng định sẽ tiếp tục phát triển và cung cấp dịch vụ kỹ thuật với tiêu chí An toàn & Chất lượng ngày càng cao hơn cho khách hàng.

## Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam

PVD Tubulars Management



Công ty TNHH Cần Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam (PVD TM) là Công ty liên doanh giữa PVD Tech (51%) và Marubeni-Itochu Tubulars Asia Pte., Ltd (49%), chuyên kinh doanh cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam.

Từ khi thành lập năm 2008 tới nay, PVD TM đã từng bước khẳng định năng lực cung ứng các thiết bị và vật tư cho các dự án lớn tại Việt Nam, PVD TM đã ký hầu hết các hợp đồng thương mại có giá trị cao với các khách hàng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã giao về doanh thu và lợi nhuận từ 2008 đến nay. Đặc biệt, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, PVD TM đạt gần 400 tỷ đồng doanh thu và 26 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp 9 tỷ đồng vào lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty.

PVD TM tiếp tục đầu tư xây dựng xưởng cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng hiện đại tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu để phát triển công ty, mở rộng vững chắc thị phần cung cấp, không ngừng nâng cao chất lượng và uy tín trong các dịch vụ cung cấp cho khách hàng, từng bước tiến tới chiếm lĩnh toàn bộ thị trường cung cấp ống chống và ống khai thác và đặc biệt là dịch vụ cung cấp ống chống trọn gói cho các công ty dầu khí hoạt động tại Việt Nam.

## Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes

PV Drilling - Baker Hughes



Là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty PV Drilling và công ty Baker Hughes Nederland Holdings B.V trong đó PV Drilling đóng góp 51% vốn điều lệ. Liên doanh đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 31/3/2011 trên cơ sở giấy phép đầu tư số 411022000556 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/2011.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty PVD - Baker Hughes là cung cấp dịch vụ khoan định hướng và khảo sát, dịch vụ đo trong khi khoan, dịch vụ lấy mẫu lõi, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ treo đầu ống chống lừng, dịch vụ cứu kẹt, dịch vụ chèo khoan, dịch vụ ép vỉa nhân tạo, dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh và dịch vụ công nghệ khai thác mỏ.

Trên cơ sở chuyển giao các trang thiết bị và con người của Baker Hughes Việt Nam, công ty đã đầu tư mạnh mẽ không chỉ cho thiết bị, mở rộng nhà xưởng, căn cứ hậu cần mà còn chú trọng đầu tư nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm cung cấp các dịch vụ với tiêu chuẩn quốc tế cho khách hàng.

*Chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh là tiêu chí để công ty phát triển bền vững và chiếm lĩnh thị trường dịch vụ kỹ thuật khoan công nghệ cao. Trong năm đầu tiên đi vào hoạt động, doanh thu của công ty đã đạt được là 1.200 tỷ đồng.*



## Báo cáo Hội đồng Quản trị



Năm 2011, đánh dấu 10 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) tiếp tục giành được những thắng lợi toàn diện. Kết quả sản xuất kinh doanh của PV Drilling đều đạt và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, với tổng doanh thu đạt 9.211 tỷ đồng bằng 115% so với kế hoạch (8.000 tỷ đồng), tổng lợi nhuận sau thuế chia cho cổ đông đạt 1.067 tỷ đồng bằng 119% so với kế hoạch (900 tỷ đồng).

Các thành quả mà Tổng Công ty đã đạt được trong năm 2011 càng có ý nghĩa hơn trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam trải qua một năm đầy khó khăn và có nhiều biến động.

Trước những biến động chính trị xã hội ở Bắc Phi, Trung Đông và những ảnh hưởng của nền kinh tế Việt Nam, PV Drilling vẫn vững vàng, kiên định với chính sách của mình là: Tiếp tục cung cấp các dịch vụ truyền thống với chất lượng ngày càng nâng cao với giá cả cạnh tranh; Đẩy mạnh hợp tác với các Công ty Dầu khí và Nhà thầu khoan Dầu khí có uy tín trên thế giới nhằm mở rộng hoạt động và chiếm lĩnh thị trường khoan dầu khí tại Việt Nam; Đầu tư các thiết bị, máy móc chuyên ngành hiện đại và hệ thống quản lý tiên tiến; Chú trọng phát

triển nguồn nhân lực, phát huy tính chuyên nghiệp, luôn luôn giữ uy tín, chất lượng dịch vụ với khách hàng.

### Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư năm 2011

Trong năm 2011, các giàn khoan của PV Drilling được quản lý và vận hành an toàn, đạt hiệu quả cao. Hiệu suất hoạt động của cả 3 giàn khoan tự nâng PV DRILLING I, II và III do Tổng Công ty sở hữu đạt hiệu quả trên 98%. Giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 đã khởi động trở lại, chính thức thực hiện chiến dịch khoan phát triển mỏ tại Algeria từ tháng 11/2011.

PV Drilling tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan dầu khí đặc biệt là các dịch vụ kỹ thuật cao. Năm 2011, PV Drilling tiếp tục tập trung đầu tư các dự án trọng điểm, thiết bị chuyên ngành kỹ thuật giếng khoan. Việc hoàn thành và đưa vào hoạt động của các dự án đầu tư theo đúng tiến độ đã góp phần tránh lãng phí và tăng hiệu quả kinh tế. Đặc biệt trong năm qua, PV Drilling đã đưa vào vận hành giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) - PV DRILLING V. Đây là giàn khoan thuộc thế hệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm hiện đại nhất trên thế giới hiện nay. Giàn khoan PV DRILLING V đi vào hoạt động đã góp phần nâng cao vị thế của PV Drilling là một nhà thầu dầu khí chuyên nghiệp của Việt Nam và trong

khu vực. PV Drilling đã đầu tư vốn, mở rộng một số liên doanh để tiếp tục chiếm lĩnh thị trường gia công cơ khí thiết bị khoan (các Liên doanh của PVD Tech).

### Kế hoạch kinh doanh 2012

Nền kinh tế thế giới có những triển vọng thuận lợi đối với hoạt động kinh doanh của PV Drilling trong năm 2012. Giá dầu thô thế giới có xu hướng tăng sẽ ảnh hưởng tích cực đến đơn giá của các dịch vụ dầu khí. Đặc biệt với chiến lược phát triển bền vững của Tổng Công ty cùng các thành quả và những nguồn lực đã được tạo dựng, Hội đồng Quản trị tin tưởng sẽ lãnh đạo PV Drilling tiếp tục phát triển trong năm 2012 và những năm tiếp theo.

Các chỉ tiêu kế hoạch về tài chính cụ thể chính được đặt ra trong năm 2012 là doanh thu 10.100 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.150 tỷ đồng. Về đầu tư sẽ tiếp tục đầu tư một số thiết bị chuyên ngành với công nghệ tiên tiến để tiếp tục mở rộng thị phần khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling cho những năm tiếp theo. Để hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng này, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã chủ động xây dựng những chủ trương và giải pháp để thực hiện và chủ động đối phó với các khó khăn có thể phát sinh. Các giải pháp về tiết giảm các chi phí trong quá trình sản xuất nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng dịch vụ sẽ được chú trọng. Đồng thời, PV Drilling sẽ ưu tiên cho những dự án trọng điểm, là những dự án khi đưa vào hoạt động sẽ sớm đóng góp cho doanh thu và lợi nhuận, làm tăng hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

Trong năm 2012, PV Drilling tiếp tục rà soát, bổ sung và xây dựng các quy chế quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tốt chất lượng dịch vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động của PV Drilling.

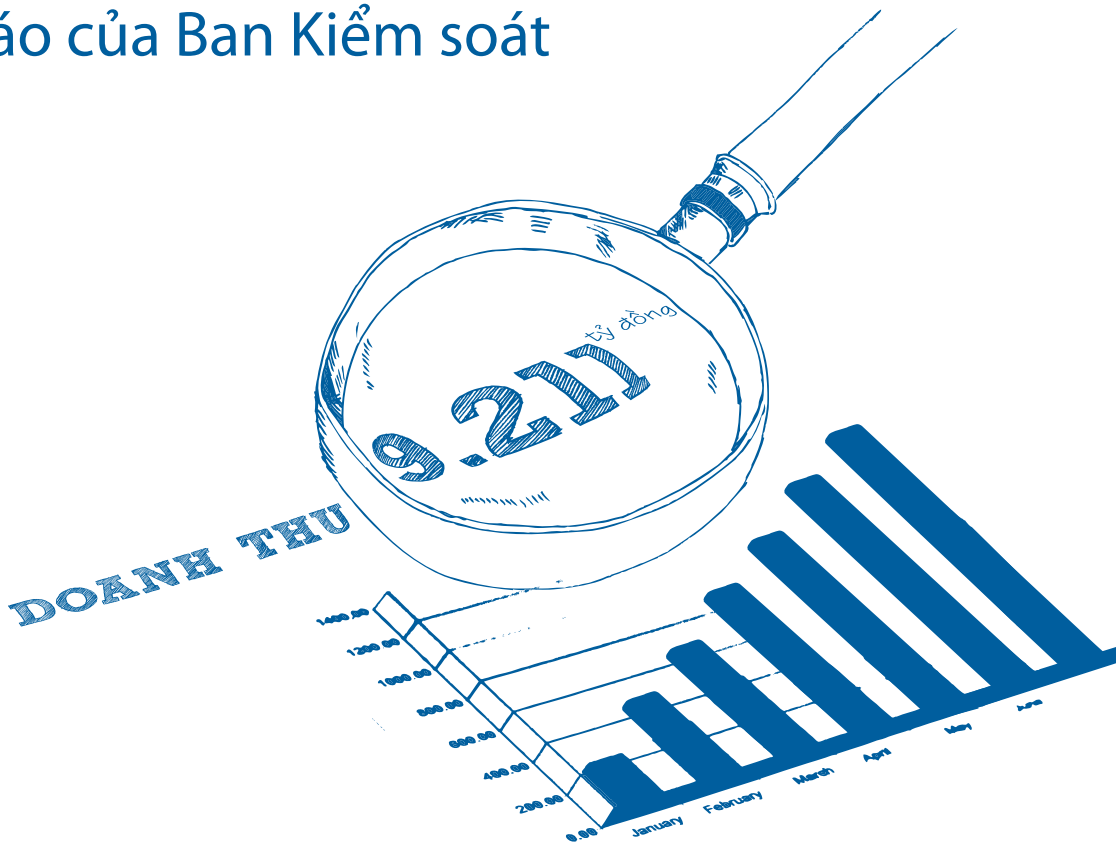
### Định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị đối với hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2012:

- Nhằm đảm bảo chiến lược phát triển lâu dài, PV Drilling tiếp tục vận hành an toàn, hiệu quả cao các giàn khoan do PV Drilling sở hữu và các giàn khoan hợp tác với đối tác nước ngoài. Tích cực chủ động hợp tác với các nhà thầu khoan có tiềm lực và uy tín trên thế giới để cung cấp giàn khoan cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam.
- Tăng cường nghiên cứu các dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao, phát triển các dịch vụ mới (khoan định hướng, Managed Pressure Drilling, chế tạo cụm thiết bị dầu khí...), tăng cường khả năng tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác nước ngoài.
- Để thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ quản lý, Tổng Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, chiến lược đào tạo và phát triển nhân viên, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng, chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với PV Drilling. Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân sự là người Việt Nam từng bước đảm nhiệm được các chức danh cao trên giàn.
- Mở rộng thị trường ra nước ngoài là mục tiêu trọng tâm của PV Drilling trong chiến lược phát triển bền vững. Năm 2012, PV Drilling sẽ từng bước hướng ra thị trường nước ngoài thông qua việc liên doanh và hợp tác với các đối tác quốc tế.





## Báo cáo của Ban Kiểm soát



### I. Tình hình hoạt động trong năm 2011:

Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Công ty theo kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

#### a/ Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty (HĐQT) đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí. Trong năm 2011, HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nhiệm vụ quy định:

- HĐQT luôn bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới còn rất nhiều khó khăn. HĐQT đã phê duyệt các Nghị quyết, Quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ quy định.
- HĐQT đã tiến hành công tác bổ nhiệm cán bộ của Tổng Công ty theo đúng thẩm quyền, trong năm 2011 HĐQT tiến hành bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và cử người đại diện phần vốn góp của PV Drilling tại PVD Training.

- HĐQT đã ban hành Quy chế quản trị của Tổng Công ty, ban hành các Nghị quyết về thành lập liên doanh giữa PV Tech với Oil State Industries (OSI), tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của PVD Logging, PVD Tech...

#### b/ Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- Về công tác đầu tư và quản lý các dự án:
  - Đối với việc triển khai dự án mua, đóng mới giàn khoan tiếp trợ nửa nổi, nửa chìm (TAD): Dự án đã hoàn thành kịp tiến độ so với kế hoạch. Dự án được đầu tư phù hợp kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và pháp luật hiện hành.
  - Đối với việc đầu tư các thiết bị chuyên ngành dầu khí kỹ thuật cao phục vụ sản xuất kinh doanh: Tổng Công ty đã đầu tư mới các thiết bị kỹ thuật dầu khí tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, quy chế mua sắm của Tổng Công ty, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư.
- Về công tác thương mại, cung cấp dịch vụ và chiến lược phát triển kinh doanh:
  - Tổng Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ tạo mối quan hệ tốt, bền vững với khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới nhằm nắm bắt cơ hội kinh doanh, đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cao cho các giàn khoan hiện có.

Trong công tác quản trị tài chính, PV Drilling đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền bằng cách triển khai tốt công tác quản lý ngân quỹ tập trung, tăng cường công tác kiểm soát ngân sách.

- + Tổng Công ty quan tâm chú trọng nghiên cứu và triển khai phát triển dịch vụ mới với hàm lượng chất xám và công nghệ cao...
- Về công tác nhân sự - đào tạo:
  - + Tổng Công ty chú trọng phát triển nguồn lực con người, đào tạo và quy hoạch cán bộ nhân sự chủ chốt đủ năng lực tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao trong thời gian ngắn nhất để tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả.
  - + Tổng Công ty cũng đã triển khai thành công dự án đánh giá hiệu quả công việc theo năng lực thành tích cá nhân là cơ sở để xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nghề nghiệp của người lao động.
- Về công tác tài chính kế toán và kiểm toán nội bộ:
  - + Báo cáo tài chính năm 2011 của PV Drilling đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của PV Drilling đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
  - + Báo cáo tài chính năm 2011 của PV Drilling đã được thực hiện kiểm toán theo quy định. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của PV Drilling.
  - + Trong công tác quản trị tài chính, PV Drilling đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền của Tổng Công ty bằng cách triển khai tốt công tác quản lý ngân quỹ tập trung, tăng cường công tác kiểm soát ngân sách Tổng Công ty.

- Về công tác an sinh xã hội:

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, PV Drilling đã thực hiện rất tốt công tác an sinh xã hội, PV Drilling đã dành một phần lợi nhuận của mình để tham gia các chương trình xây dựng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ giáo dục trường học, tài trợ xây dựng Trạm Y tế, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo cho Quỹ hỗ trợ thiên tai miền Trung, Hỗ trợ phụ nữ nghèo... tại một số địa phương, tài trợ giải bóng đá các làng trẻ SOS, tài trợ chương trình "Thắp sáng ước mơ", ủng hộ Nhật Bản khắc phục hậu quả thiên tai...

## II - Kế hoạch giám sát năm 2012

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát PV Drilling dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2012 như sau:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ Quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện công tác sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2012.
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Chỉ thị của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có liên quan đến hoạt động của PV Drilling.

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



Tuy chịu tác động từ sự bất ổn kinh tế và đứng trước nhiều khó khăn thách thức, trong năm 2011, PV Drilling đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, với doanh thu đạt 9.211 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.067 tỷ đồng, tăng tương ứng 22% và 21% so với năm 2010.

### **Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam & thị trường khoan năm 2011**

Năm 2011, trước những bất ổn của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là khủng hoảng nợ công của các nước khu vực Châu Âu, nền kinh tế Việt Nam cũng đương đầu với những thử thách không nhỏ như lạm phát phi mã, chi phí đầu vào tăng, rủi ro phá sản của các doanh nghiệp tăng, v.v...

Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 5,89%, chấp nhận thấp hơn mức tăng 6,78% năm 2010 để bù lại cho chủ trương kiểm chế lạm phát bằng liều thuốc thắt chặt tiền tệ và tài khóa. Tình hình cán cân thương mại tương đối tốt với xuất khẩu tăng trưởng nhanh và kiều hối lớn. Tổng số dư nợ công vẫn được duy trì ở mức bền vững ở mức 57% GDP. Dự trữ ngoại hối trong 6 tháng đầu năm đã được cải thiện và tỷ giá trong những tháng cuối năm không có nhiều biến động.

Trong lĩnh vực dầu khí, năm 2011 cũng chứng kiến sự những diễn biến phức tạp của giá dầu thô, với giá dầu New York đạt đỉnh 113 USD/thùng, sau đó giảm liên tục xuống mức giá thấp nhất 77 USD/thùng vào đầu Quý 3/2011 rồi tăng lại lên sát mức giá 100 USD/thùng vào cuối năm.

Đối với thị trường khoan, giá dầu biến động liên tục dẫn đến thị trường khoan chưa thể tạo nên xu hướng thay đổi rõ rệt. Tuy nhiên, tỷ lệ giàn khoan được sử dụng ở khu vực Đông Nam Á đã tăng nhẹ từ 85,4% vào tháng 1/2011 lên đến 92,7% vào tháng 12/2011, đặc biệt hơn nữa là tỷ lệ sử dụng giàn khoan tại Việt Nam đã duy trì ở mức 100% từ tháng 4 cho đến hết năm.

Đối với PV Drilling, thách thức và khó khăn trong năm qua không phải là nhỏ, đặc biệt ảnh hưởng vĩ mô từ thị trường tài chính đã thúc đẩy công tác quản trị tài chính của Tổng Công ty cần phải nỗ lực hết mình. Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh đã phần nào phản ánh sự cố gắng của toàn thể CBCNV PV Drilling nhằm hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, với doanh thu đạt 9.211 tỷ đồng và 1.067 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng tương ứng 22% và 21% so với năm 2010. Sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận qua từng năm đã thể hiện sự phấn đấu & nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên PV Drilling nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, trở thành nhà thầu khoan dầu khí uy tín và chuyên nghiệp không chỉ ở Việt Nam mà cả trong khu vực và trên thế giới.

## Doanh thu năm 2011

Chính sự nỗ lực không ngừng trong công tác phát triển dịch vụ của PV Drilling là yếu tố chính mang lại thành công cho năm 2011. Nỗ lực trong việc tìm kiếm hợp đồng, duy trì & mở rộng các dịch vụ nội lực cùng với việc chú trọng công tác nghiên cứu & phát triển các dịch vụ mới đã mang đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt bậc trong năm 2011. Với mức doanh thu 9.211 tỷ đồng, tăng 22% so với năm trước và vượt 15% so với kế hoạch đề ra đã minh chứng cho sự cố gắng đó của PV Drilling.

Ngoài ra, đạt được kết quả như trên một phần nhờ vào sự sôi động của thị trường khoan, các chiến dịch khoan trải dài của các nhà thầu dầu khí bên cạnh sự ổn định về thời tiết đã giúp cho các giàn khoan của PV Drilling hoạt động xuyên suốt và liên tục, các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan được thực hiện nhiều hơn. Bên cạnh các giàn khoan sở hữu, PV Drilling đã thuê



thêm 5 giàn khoan từ nước ngoài để giữ vững thị phần khoan 50% của PV Drilling trong năm 2011. Ngoài ra, đối với các dịch vụ mà trước đây phải thực hiện thông qua nhà thầu phụ (hợp đồng back-to-back), PV Drilling đã chuyển giao cho Liên doanh PVD - Baker Hughes ngay từ khi Liên doanh được thành lập, để tận dụng tối đa ưu thế về kinh nghiệm, kỹ thuật sẵn có của Liên doanh nhằm nâng cao tính cạnh tranh và mở rộng thị phần cho các dịch vụ này tại Việt Nam. Hơn nữa, PV Drilling tiếp tục tăng cường đầu tư vào thiết bị, con người cho các dịch vụ kỹ thuật cao nhằm tăng tỷ lệ dịch vụ tự thực hiện và phát triển toàn diện các dịch vụ được xem là chủ lực của PV Drilling.

## Lợi nhuận trước thuế năm 2011

PV Drilling khép lại năm 2011 với mức lợi nhuận trước thuế vượt mong đợi, đạt 1.229 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2010 và vượt 17% so với kế hoạch đề ra.

Vận hành các giàn khoan an toàn và hiệu quả luôn là mục tiêu hàng đầu của PV Drilling. Năm 2011, hiệu suất hoạt động của các giàn khoan sở hữu cũng như các giàn khoan thuê luôn được duy trì ở mức trên 98%. Với kinh nghiệm đúc kết sau hơn 4 năm quản lý & vận hành giàn khoan, bắt đầu từ năm 2007 với 2 giàn khoan sở hữu đầu tiên đến 4 giàn khoan sở hữu & 5 giàn khoan thuê trong năm 2011, PV Drilling đã tối đa hóa hiệu quả đối với việc sử dụng chi phí vận hành và quản lý giàn khoan thông qua kinh nghiệm đạt được và vận hành nhiều giàn khoan cùng lúc.

Năm 2011, để duy trì và gìn giữ đội ngũ nhân lực khoan & chuyên viên kỹ thuật có tay nghề cao, PV Drilling đã điều chỉnh chế độ lương thưởng cho tất cả các kỹ sư, chuyên gia làm việc trên giàn, tạo môi trường làm việc tin cậy và hiệu quả.



# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Lợi nhuận trước thuế năm 2011  
**1.229** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2011  
**1.067** tỷ đồng

Thu nhập cơ bản trên  
cổ phiếu (EPS) năm 2011  
**5.088** Đồng

## Lợi nhuận trước thuế năm 2011 (tiếp theo)

Bên cạnh đó, việc tăng cường đầu tư thiết bị, con người cho các dịch vụ kỹ thuật cao như đo karota khí, kéo thả thiết bị đo trong giếng khoan & khai thác dầu khí, đo thông số khai thác, kéo thả ống chống, v.v. cũng đã làm gia tăng chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng bảo trì và các chi phí có liên quan khác, v.v. Tuy nhiên, với tỷ suất lợi nhuận cao đạt được từ việc đầu tư trang thiết bị & máy móc, tỷ lệ dịch vụ tự thực hiện được nâng cao, mở rộng các dịch vụ thiết kế chế tạo bên cạnh yếu tố kiểm soát chi phí hiệu quả không những đã bù đắp được sự gia tăng về các chi phí nhân sự, chi phí khấu hao, mà còn tạo ra lợi nhuận đột phá trong năm 2011 so với năm 2010.

## Lợi nhuận sau thuế năm 2011

Tương ứng với sự tăng trưởng của lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế tăng 21% so với cùng kỳ năm trước và 19% so với kế hoạch. So với thời điểm năm 2007, năm đầu tiên PV Drilling tự hào đưa về và vận hành giàn khoan tự nâng đầu tiên của Việt Nam, lợi nhuận sau thuế của PV Drilling tăng gần như gấp 2 lần, vượt trên 1 ngàn tỷ đồng, đạt 1.067 tỷ đồng.

## Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2011

Nhờ vào kết quả hoạt động kinh doanh khả quan thông qua sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế so với năm 2010, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu năm 2011 đạt 5.088 đồng, tăng 853 đồng, tương ứng tăng 20%.

Trong năm 2011, PV Drilling cũng đã thực hiện mua 220.580 cổ phiếu quỹ nhằm bình ổn thị giá cổ phiếu PVD và ổn định tâm lý nhà đầu tư khi thị trường chứng khoán suy giảm & đang chờ dấu hiệu phục hồi.

## Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

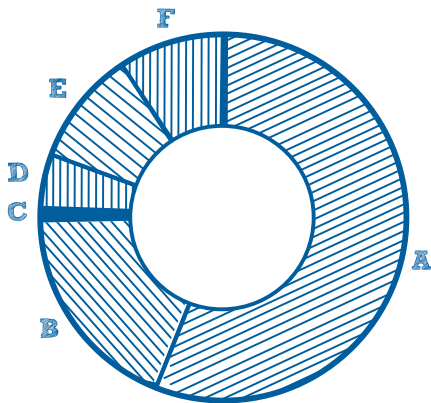
### Doanh thu và lợi nhuận theo từng dịch vụ

\* Dịch vụ khoan

(chiếm 55% trong tổng DT & chiếm 61% tổng LN)

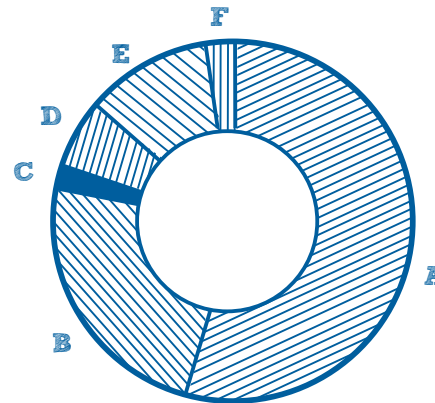
Đơn vị: tỷ đồng	2011	2010	% tăng/giảm
Doanh thu	5.039	3.886	+30%
Lợi nhuận trước thuế	751	623	+21%

**Doanh thu và lợi nhuận theo từng dịch vụ**



**Doanh thu theo dịch vụ - Năm 2011**

<b>A</b> Dịch vụ khoan	54,7%
<b>B</b> Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan	18,2%
<b>C</b> Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu	0,7%
<b>D</b> Dịch vụ cơ khí sửa chữa	4,7%
<b>E</b> Dịch vụ cung ứng lao động	10,2%
<b>F</b> Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị	9,3%



**LNTT theo dịch vụ - Năm 2011**

<b>A</b> Dịch vụ khoan	61,1%
<b>B</b> Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan	26,4%
<b>C</b> Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu	2,2%
<b>D</b> Dịch vụ cơ khí sửa chữa	7,0%
<b>E</b> Dịch vụ cung ứng lao động	12,7%
<b>F</b> Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị	3,0%

Năm 2011 là một năm hoạt động khởi sắc của dịch vụ khoan - dịch vụ chủ lực của PV Drilling thông qua hoạt động xuyên suốt của các giàn khoan sở hữu và các giàn khoan đi thuê. Điểm thuận lợi đầu tiên so với năm 2010, đó là sự ổn định về mặt thời tiết, không có giàn khoan nào ngừng hoạt động vì lý do thời tiết như đã xảy ra đầu năm 2010. Bên cạnh đó, công tác bảo trì các giàn khoan được thực hiện tốt, giúp gia tăng hiệu suất hoạt động của các giàn khoan ở mức trên 98% cũng như không xảy ra sự cố làm mất thời gian làm việc trên giàn (Lost time incident - LTI).

Thuận lợi kế tiếp đạt được từ những nỗ lực duy trì hoạt động khoan trong việc tìm kiếm các hợp đồng, tất cả các giàn khoan sở hữu đều có việc làm và hầu như không có ngày nghỉ giữa những lần chuyển đổi trong các chiến dịch khoan của các khách hàng. PV Drilling luôn đón đầu thị trường nhằm gia tăng và mở rộng thị phần cung cấp giàn khoan. Ngoài việc ổn định lịch trình khoan cho 3 giàn khoan sở hữu, PV Drilling đã gia tăng số lượng giàn khoan thuê lên đến 5 giàn trong năm 2011 (2010: 3 giàn). Doanh thu từ các giàn khoan thuê chiếm 42% trong tổng doanh thu dịch vụ khoan năm 2011.

Ngoài ra, trong năm 2011 Giàn khoan biển nước sâu (Tender Assit Semisubmersible Drilling) - giàn khoan hiện đại, ứng dụng công nghệ cao mang tên PV DRILLING V đã hoàn tất việc xây dựng và đưa về Việt Nam vào quý 4/2011, để phục vụ cho chiến dịch khoan

dài hạn của Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông. Mặc dù chưa tạo ra doanh thu trong năm 2011, nhưng giàn khoan PV DRILLING V hứa hẹn mang lại sự đột phá cho năm 2012, mở ra giai đoạn mới trong công nghệ khoan nước sâu của PV Drilling, tạo nền tảng cho PV Drilling phát triển mạnh mẽ.

Bên cạnh những điểm sáng nêu trên, giá cho thuê và vận hành giàn khoan trung bình trong năm 2011 giảm nhẹ 5% so với cùng kỳ năm trước là một điểm bất lợi cho dịch vụ khoan của PV Drilling. Từ mức giá trung bình 126 nghìn USD/ngày (năm 2010) đã giảm xuống gần 120 nghìn USD/ngày (năm 2011) chủ yếu do sự cạnh tranh từ số lượng giàn khoan đưa thêm vào thị trường (8 giàn) và hiệu suất sử dụng giàn khoan tự nâng trên thị trường thế giới thấp (87%). Bên cạnh đó, để đảm bảo các giàn khoan đều có việc làm, PV Drilling đã cố gắng tìm kiếm, ký kết hợp đồng dài hạn với các nhà thầu dầu dẫn đến giá cho thuê giàn khoan khá ổn định giữa các năm. Nếu so sánh với giá cung cấp giàn khoan tự nâng ở Khu vực Đông Nam Á, dao động ở mức 89 ngàn USD/ngày đến 136 ngàn USD/ngày, thì mức giá trung bình 120 ngàn USD/ngày của PV Drilling đạt được trong năm 2011 là khá tốt.

Có thể nói thông qua các số liệu cụ thể như doanh thu tăng trưởng 30% và lợi nhuận trước thuế tăng tương ứng 21% như đề cập ở trên đã thể hiện sự nỗ lực của PV Drilling trong công tác phát triển dịch vụ khoan năm 2011.

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



## \* Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan

(chiếm 18% trong tổng DT & chiếm 26% tổng LN)

Đơn vị: tỷ đồng	2011	2010	% tăng/giảm
Doanh thu	1.679	2.065	-19%
Lợi nhuận trước thuế	324	290	+12%

Từ đầu quý 2/2011, Liên doanh giữa PVD & Baker Hughes đã chính thức đi vào hoạt động, do đó một số dịch vụ kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling như đo địa vật lý giếng khoan, khoan định hướng, cứu kẹt & treo đầu ống chống lũng... đã được chuyển sang cho Liên doanh để tận dụng tối đa ưu thế về kinh nghiệm, kỹ thuật sẵn có của Liên doanh trong việc phát triển thị trường cho các dịch vụ này tại Việt Nam. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu năm 2011 của mảng dịch vụ này giảm mạnh 19% so với năm trước.

Năm 2011, PV Drilling tiếp tục tập trung đầu tư trọng tâm vào các thiết bị chuyên ngành dầu khí có kỹ thuật cao phù hợp với thị trường và đáp ứng yêu cầu của khách hàng, cụ thể PV Drilling đã đầu tư thêm 2 trạm Mud Logging mới, nâng tổng số trạm sở hữu lên 12 trạm (năm 2009: 7

trạm), thiết bị cho bộ Slickline, bộ thiết bị sửa chữa đầu giếng, casing, ống chống... Việc đầu tư vào các bộ thiết bị có giá trị cao từ những năm qua đã nâng dần tỷ lệ thực hiện của các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và thành quả cuối cùng là mức lợi nhuận tăng lên đáng kể (12%) mặc dù trong bối cảnh doanh thu và lợi nhuận bị giảm do một số dịch vụ đã chuyển qua Liên doanh.

Bên cạnh đó, không thể không kể đến sự nghiên cứu và phát triển các dịch vụ mới như MPD, Sampling Management, Filtration nhằm hướng đến cung cấp cho khách hàng một chu trình khoan khép kín, vừa tiết kiệm cho khách hàng, vừa nâng cao uy tín & lợi nhuận cho PV Drilling. Các dịch vụ mới này đã bước đầu đóng góp vào sự gia tăng lợi nhuận của PV Drilling và mở ra nhiều triển vọng trong tương lai.

## \* Dịch vụ cung ứng nhân lực

(chiếm 10% trong tổng DT & chiếm 13% tổng LN)

Đơn vị: tỷ đồng	2011	2010	% tăng/giảm
Doanh thu	942	405	+133%
Lợi nhuận trước thuế	156	127	+23%

Đi cùng với sự tăng trưởng của dịch vụ khoan cũng như việc tăng số lượng giàn khoan hoạt động, các chiến dịch khoan xuyên suốt của các nhà thầu dầu khí đã tạo đà tăng trưởng mạnh cho dịch vụ cung ứng nhân lực trong năm 2011.

Kinh nghiệm và chuyên môn của đội ngũ chuyên gia kỹ thuật khoan của PV Drilling đã được khẳng định với các nhà thầu khoan nước ngoài thông qua việc cam kết cung cấp nhân lực chất lượng tốt và chuyên nghiệp nhất. Rất nhiều hợp đồng cung cấp chuyên gia bậc cao đã được ký kết trong năm 2011 với các khách hàng như Cửu Long JOC, Vietsovpetro, Hoàng Long - Hoàn Vũ JOC, Premier Oil, BHP Billiton, PVEP POC... là nguyên nhân chính đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng doanh thu của dịch vụ cung ứng nhân lực so với năm 2010.

Tuy nhiên, thị trường cung ứng nhân lực đang đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt về đơn giá cung cấp dịch vụ cũng như áp lực về việc gìn giữ nhân tài bởi chính sách thu hút nhân tài của các Công ty dầu khí khác. Đứng trước khó khăn đó, từ giữa năm 2011, PV Drilling đã phải

điều chỉnh chế độ lương, thưởng nhằm ổn định tinh thần cho đội ngũ nhân lực khoan trước sự cạnh tranh của thị trường lao động. Điều này dẫn đến tăng trưởng lợi nhuận chỉ ở mức thấp hơn so với tăng trưởng doanh thu do chi phí nhân sự tăng nhưng đơn giá cung cấp cho các nhà thầu không thể tăng tương ứng.

**\* Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị**

(chiếm 9% trong tổng DT & chiếm 3% tổng LN)

Đơn vị: tỷ đồng	2011	2010	% tăng/giảm
Doanh thu	861	767	+12%
Lợi nhuận trước thuế	37	23	+60%

Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị tiếp tục duy trì được tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu và lợi nhuận trong các năm vừa qua, tương ứng 9% & 3% trong tổng doanh thu và lợi nhuận của PV Drilling. Đạt được kết quả này nhờ vào việc duy trì cung cấp các hợp đồng có giá trị lớn cho khách hàng như cung cấp sắt thép cho Hoàng Long, cung cấp phụ tùng cho Vietsovpetro và cung cấp ống conductor cho Biển Đông POC, Santos, Exxon Mobil & PTSC.

Tuy mức doanh thu đạt được của năm 2011 tăng tương đối (12%) so với năm 2010, nhưng lợi nhuận trước thuế vượt lên đáng kể, tăng 60% so với cùng kỳ năm trước đó là nhờ đạt được thỏa thuận giá tốt của một số hợp đồng, cụ thể có hợp đồng đạt được hơn 8% tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu so với trung bình 4 - 5% của năm 2010.

Dự kiến khi chiến dịch khoan cho Biển Đông POC bắt đầu được thực hiện vào đầu năm 2012, các hợp đồng cung cấp ống với giá trị lớn sẽ đem lại nhiều tiềm năng cho dịch vụ này trong các năm sau.

**\* Dịch vụ cơ khí sửa chữa**

(chiếm 5% trong tổng DT & chiếm 7% tổng LN)

Đơn vị: tỷ đồng	2011	2010	% tăng/giảm
Doanh thu	431	305	+41%
Lợi nhuận trước thuế	86	27	+223%

Năm 2011 là năm đột phá của dịch vụ cơ khí sửa chữa với mức tăng doanh thu 41% và lợi nhuận tăng đáng kể 223%, chủ yếu nhờ vào sự phát triển và nâng cao chất lượng của các dịch vụ thế mạnh. Thành công đầu tiên có được là nhờ vào công nghệ tiên tiến, PV Drilling đã được cấp bản quyền để tiến một số loại ren như Vam, Tanaris-Hydril... Để tăng cường khả năng phục vụ của dịch vụ này, PV Drilling đã đầu tư và chính thức đưa vào sử dụng máy cắt và tiện ren CNC có giá trị lớn từ quý 4/2011.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã từng bước nâng cao và sử dụng nội lực của mình để cung cấp dịch vụ Rope access - dịch vụ trước đây 100% được thực hiện bởi các Công ty nước ngoài. Tiếp sức thêm sự thành công trong năm 2011, Tổng Công ty đã có một số hợp đồng chế tạo đột biến như Trash kip cho Cửu Long, pipe spool cho Thái Bình VN, chế tạo bồn hóa chất (Chemical Injection Skid) cho PTSC...

Ngoài ra, dịch vụ hàn ống dù mới đưa vào thực hiện từ năm 2010, nhưng đã có những bước tiến rõ rệt và chiếm lĩnh thị phần tại Việt Nam. Hầu hết các hợp đồng hàn ống của Oil States đều được thực hiện thông qua PV Drilling.

**\* Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu**

(chiếm 1% trong tổng DT & chiếm 2% tổng LN)

Đơn vị: tỷ đồng	2011	2010	% tăng/giảm
Doanh thu	65	70	-6%
Lợi nhuận trước thuế	27	35	-23%

Tận dụng ưu thế sẵn có về kinh nghiệm trong lĩnh vực ứng cứu dầu tràn, dịch vụ truyền thống này của PV Drilling luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp và chiếm hơn 90% thị phần cung cấp cho các nhà thầu dầu khí hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong năm 2011 dịch vụ này đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn từ thị trường do một số công ty khác từ cung cấp dịch vụ nội bộ trước đây đã bắt đầu mở rộng cung cấp dịch vụ ra bên ngoài. Hơn nữa, sức ép giảm giá từ một số khách hàng cũng tác động đáng kể đến sự tăng trưởng của dịch vụ này. Với những khó khăn của năm 2011, dịch vụ ứng cứu tràn dầu đã giảm 6% doanh thu và 23% lợi nhuận trước thuế.

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



**Năm 2011 là một năm hoạt động khởi sắc của Dịch vụ khoan - dịch vụ chủ lực của PV Drilling thông qua việc hoạt động xuyên suốt của các giàn khoan sở hữu cũng như các giàn khoan đi thuê.**

## Các chỉ tiêu tài chính

### Tài sản và nguồn vốn:

Trải qua chặng đường 10 năm hình thành và phát triển, tổng tài sản của PV Drilling đã không ngừng lớn mạnh do tập trung đầu tư các giàn khoan công nghệ cao và nhiều trang thiết bị kỹ thuật giếng khoan tiên tiến. Trong vòng 6 năm kể từ năm 2006 là năm cổ phần hóa đến thời điểm cuối năm 2011, tổng tài sản của PV Drilling đã tăng 8,5 lần đưa Tổng Công ty lên một tầm cao mới, đó là nhờ vào sự quyết tâm và kiên trì thực thi các chiến lược phát triển kinh doanh có định hướng, nỗ lực học hỏi và lĩnh hội nhanh những kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong ngành khoan dầu khí.

So với năm 2010, tổng giá trị tài sản của PV Drilling năm 2011 tăng 27% chủ yếu do giàn PV Drilling V đã hoàn tất đầu tư và được kéo về Việt Nam từ tháng 10/2011. Tổng tài sản tăng đồng thời vẫn duy trì suất sinh lợi trên tài sản tốt. Năm 2011, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) của PV Drilling là 6,4% gần như không đổi so với năm 2010, đây là kết quả của vốn đầu tư đã được chuyển hóa tốt, mang lại hiệu quả hoạt động hơn mong đợi trong tình hình kinh tế hết sức khó khăn và cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Bên cạnh đó, cơ cấu tài sản của PV Drilling cũng thay đổi theo hướng được đánh giá hợp lý khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm dần và tỷ trọng tài sản dài hạn tăng dần một cách cân đối. Trong tương lai PV Drilling sẽ tiếp tục kiểm soát và sử dụng tốt nguồn tài sản để có thể phát triển ổn định và vững chắc.

Tính đến nay, PV Drilling đang sở hữu 5 giàn khoan hiện đại bậc nhất gồm 3 giàn khoan tự nâng PV DRILLING I, II, III, 1 giàn khoan nước sâu PV DRILLING V và 1 giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 cùng nhiều máy móc thiết bị khoan kỹ thuật cao hiện đại khác.

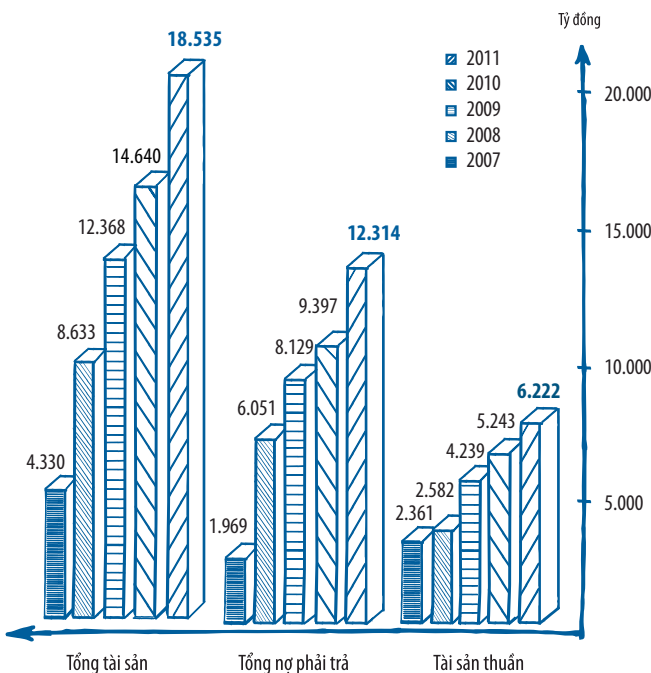
Nguồn vốn hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của PV Drilling giai đoạn 2006 - 2011 cũng gia tăng đáng kể, trong đó nguồn vốn chủ sở hữu tăng 7,9 lần và phần còn lại được tài trợ bằng các khoản nợ vay (tăng 8,9 lần). Cơ cấu nợ phải trả/ tổng nguồn vốn là 66% vào thời điểm cuối năm 2011 được xem là một cấu trúc vốn hợp lý đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoan dầu khí và đòi hỏi công nghệ cao như PV Drilling.

Trong nền kinh tế thị trường, quyết định cấu trúc nguồn vốn là một vấn đề hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, bởi nó là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể phải đối mặt.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2010	2009	2008	2007	2006
<b>Tổng tài sản</b>	tỷ đồng	<b>18.535</b>	<b>14.640</b>	<b>12.368</b>	<b>8.633</b>	<b>4.330</b>	<b>2.174</b>
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	3.915	3.211	2.565	2.065	1.659	680
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	14.620	11.429	9.803	6.568	2.671	1.494
<b>Nợ phải trả</b>	tỷ đồng	<b>12.314</b>	<b>9.397</b>	<b>8.129</b>	<b>6.051</b>	<b>1.969</b>	<b>1.383</b>
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	5.087	3.992	2.501	3.935	672	676
Nợ dài hạn	tỷ đồng	7.227	5.405	5.628	2.116	1.297	706
<b>Vốn chủ sở hữu bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số</b>	tỷ đồng	<b>6.222</b>	<b>5.243</b>	<b>4.239</b>	<b>2.582</b>	<b>2.361</b>	<b>792</b>

Cấu trúc vốn của PV Drilling hiện tại được xem là cân đối, khai thác được tối đa lợi thế cạnh tranh trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô, đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Điều này thể hiện qua mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của PV Drilling luôn ở mức cao cụ thể năm 2011 là 18,7% trong khi 15% là mức chuẩn quốc tế quy định để đánh giá đủ năng lực tài chính của một doanh nghiệp. Như thế việc cố gắng duy trì một cấu trúc vốn như hiện nay là hợp lý trong việc thực thi các chiến lược tăng trưởng của PV Drilling một cách bền vững.

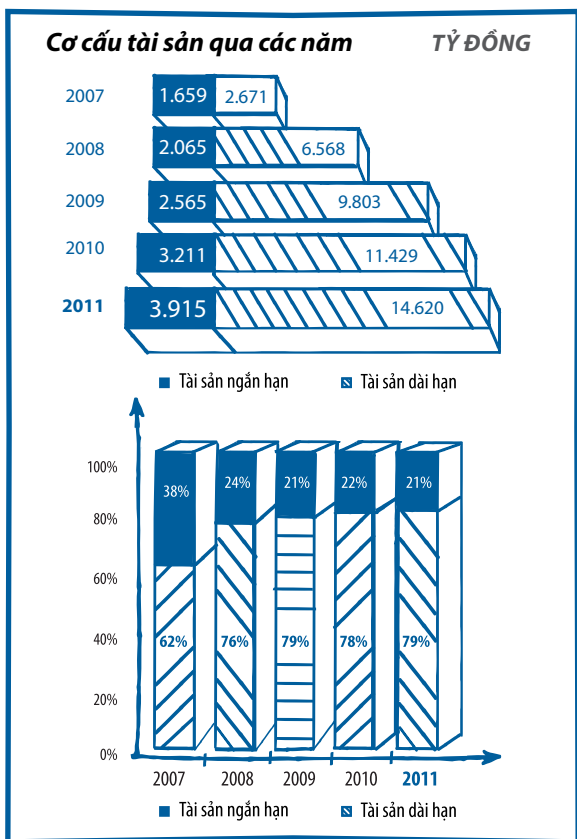
Tài sản và nguồn vốn



**Tài sản lưu động**

Tài sản lưu động của PV Drilling tính đến cuối năm 2011 là 3.915 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2010 và gấp khoảng 6 lần so với năm 2006. Trong cơ cấu tài sản lưu động của PV Drilling năm 2011, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng gấp 3 lần so với năm 2010 chủ yếu do lô hàng cung cấp ống casing, conductor cho Biển Đông POC và mua vật tư phụ tùng chuẩn bị cho quá trình vận hành của giàn khoan PV DRILLING V. Kế đến các khoản phải thu từ khách hàng tăng 5% bắt nguồn từ sự tăng trưởng mạnh về doanh thu của dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan trong năm 2011. Cũng giống như các doanh nghiệp khác, hai khoản mục hàng tồn kho và phải thu từ khách hàng làm tổn đọng vốn của PV Drilling tuy nhiên đây chỉ là tạm thời do thời điểm cuối năm 2011 PV Drilling đang trong giai đoạn chuẩn bị mọi nguồn lực cho giàn PV DRILLING V đi vào hoạt động. Vì thế PV Drilling hoàn toàn có thể điều chỉnh hợp lý chính sách và thực tiễn quản lý nguồn vốn lưu động của công ty một cách hiệu quả.

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

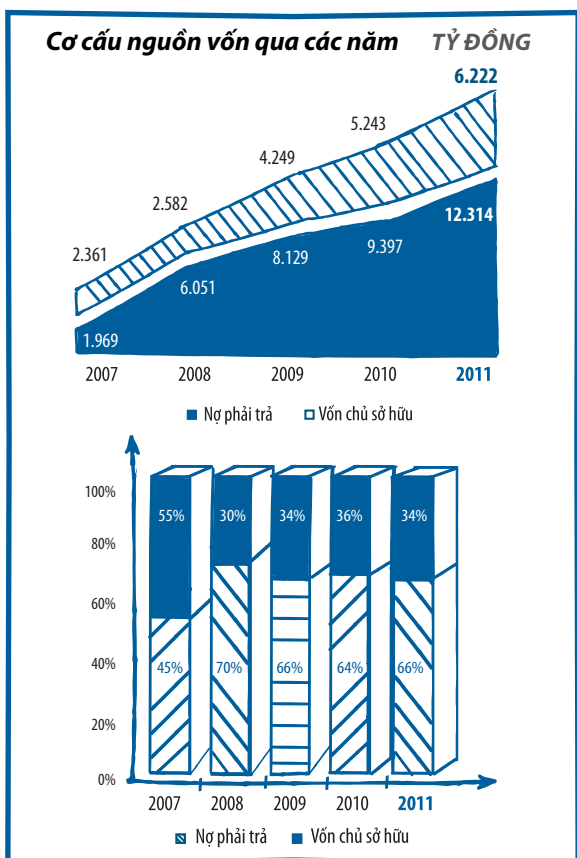


### Tài sản dài hạn

Trong cơ cấu tài sản dài hạn của PV Drilling, tài sản hữu hình chiếm tỷ trọng lớn và tăng nhanh trong các năm vừa qua do sự tăng trưởng mạnh và mở rộng hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, đặc biệt là các khoản đầu tư đóng mới các giàn khoan. Cụ thể tài sản dài hạn tại thời điểm cuối năm 2011 là 14.620 tỷ đồng, tăng 28% so với cuối năm 2010 do giàn PV DRILLING V đã hoàn thành và được kéo về Việt Nam từ tháng 10/2011 cùng với việc đầu tư thêm 02 trạm Mud Logging số 11 và 12 và gia tăng một số bộ thiết bị quan trọng khác như bộ Slickline số 4, 3 bộ cần khoan... Khoản mục tài sản dài hạn của PV Drilling hứa hẹn sẽ còn tăng trưởng mạnh trong các năm tới theo chiến lược phát triển không ngừng của PV Drilling.

### Nợ phải trả

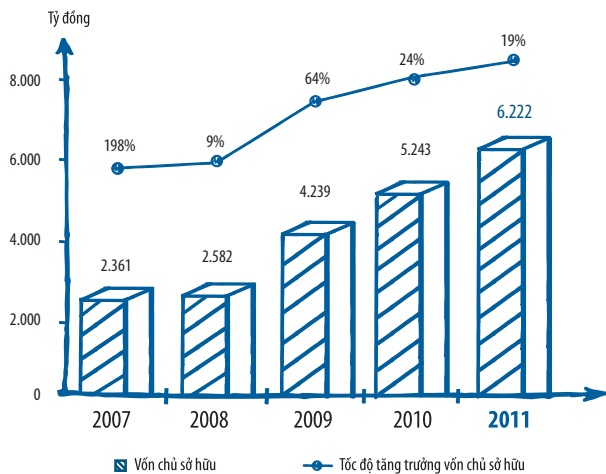
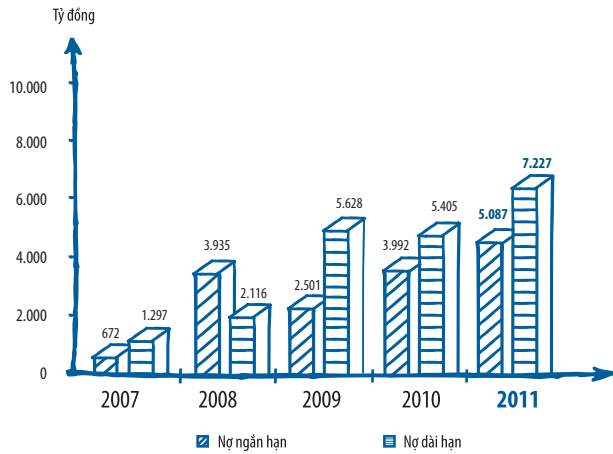
Cùng với sự gia tăng tài sản, tổng Nợ phải trả của PV Drilling cũng tăng qua các năm và đạt 12.314 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2011, trong đó Nợ vay là 7.901 tỷ đồng chiếm 64%, bao gồm Vay ngắn hạn và Nợ dài hạn đến hạn trả là 2.050 tỷ đồng (chiếm 26% tổng Nợ vay) và Vay dài hạn là 5.852 tỷ đồng (chiếm 74% tổng Nợ vay).



Nợ phải trả của PV Drilling năm 2011 tăng 31% so với năm 2010 chủ yếu do ghi nhận khoản thanh toán vốn góp của các bên tham gia hợp tác kinh doanh giàn khoan TAD theo hợp đồng BCC (1.188 tỷ đồng) và do PV Drilling đầu tư thêm máy móc thiết bị mở rộng sản xuất, tăng năng lực kinh doanh. Trong năm 2011 PV Drilling đã thực hiện thanh toán đúng hạn cho các khoản vay ngắn và dài hạn khoảng 1.742 tỷ đồng, góp phần giảm bớt áp lực chi trả cho các năm tiếp theo.

### Nguồn Vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31/12/2011, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling bao gồm lợi ích của cổ đông thiểu số đạt 6.222 tỷ đồng, tăng 979 tỷ đồng (tương đương khoảng 19%) so với cuối năm 2010 chủ yếu do đóng góp từ lợi nhuận chưa phân phối của cổ đông, và chiếm khoảng 34% trong tổng nguồn vốn. Nhờ giữ vững cơ cấu nguồn vốn với tỷ lệ vốn chủ sở hữu ổn định trong khoảng 34% - 36% qua các năm gần đây giúp Tổng Công ty kiểm soát được các rủi ro, đứng vững và vượt qua được những khó khăn trong thời điểm hiện tại đồng thời là nền tảng cho sự tăng trưởng một cách bền vững trong tương lai.



Tính đến thời điểm cuối năm 2011, vốn điều lệ của PV Drilling là 2.105 tỷ đồng, tương đương với 210,51 triệu cổ phiếu, không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2010. Trong khi đó qua các năm, quy mô vốn chủ sở hữu của PV Drilling đã tăng lên hơn 7 lần (bao gồm vốn điều lệ tăng hơn 3 lần từ 680 tỷ đồng năm 2006 lên 2.105 tỷ đồng năm 2011), là kết quả của sự phát triển liên tục, bền bỉ của PV Drilling ngay cả trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế toàn cầu.

**Đánh giá tình hình tài chính**

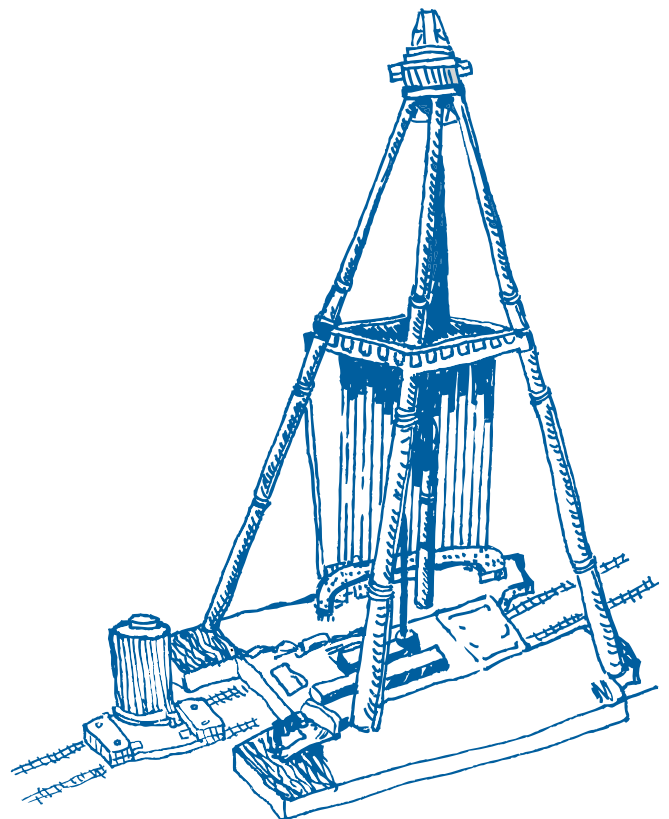
Trong bối cảnh tình hình tài chính thế giới rối ren với hàng loạt vụ vỡ nợ ở Châu Âu, trong nước thì với chính sách thắt chặt tiền tệ đẩy chi phí sử dụng vốn lên mức cao, hầu hết các chỉ tiêu tài chính của PV Drilling đều giữ nguyên và không thay đổi nhiều so với năm 2010 thể hiện tính ổn định trong chiến lược phát triển của

Tổng Công ty. Khả năng thanh toán của PV Drilling nằm ở mức an toàn, năng lực hoạt động và khả năng sinh lời ổn định. Tất cả chưa phải là đại diện đầy đủ cho tiềm năng tương lai từ hiệu quả do các khoản đầu tư mang lại nhưng cũng thể hiện được hình ảnh Giàn khoan PV Drilling đang mạnh mẽ và vững chắc trong gió bão để vươn mình tiến xa.

**Khả năng thanh toán**

Xét trên phương diện khả năng thanh toán có thể thấy các chỉ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện thời luôn nằm ở ngưỡng an toàn, trong đó khả năng thanh toán hiện thời xấp xỉ 1 lần và khả năng thanh toán nhanh luôn trên ngưỡng an toàn 0,5. Năm 2011 các chỉ số này giảm nhẹ do công ty tăng khoản nợ vay đầu tư các giàn PV DRILLING V.

Nhìn chung, PV Drilling vay nợ nhiều nhưng khả năng thanh toán các khoản nợ là khá tốt và có chiều hướng cải thiện trong giai đoạn từ 2008 - 2011. Cơ cấu nợ vốn của công ty nghiêng nhiều về cơ cấu nợ, tuy nhiên điều này là phù hợp khi công ty hoạt động trong lĩnh vực khoan dầu khí đòi hỏi sự đầu tư lớn cho tài sản trong thời gian ngắn.

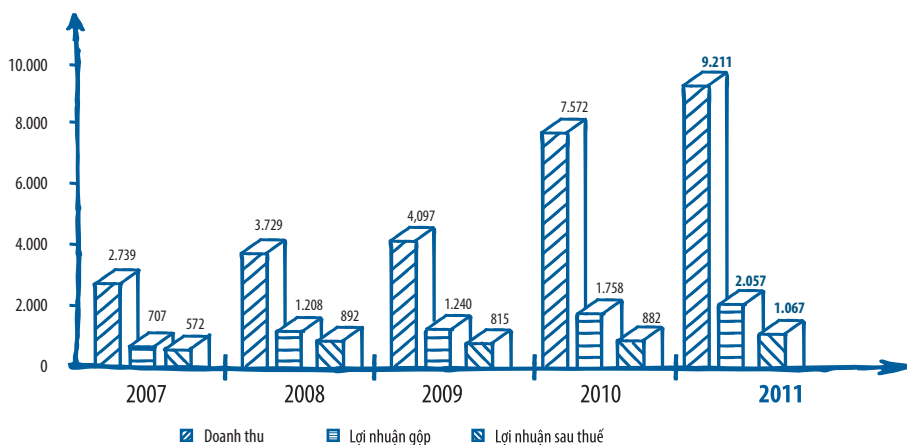




# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

## Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2010	2009	2008	2007
Lợi nhuận gộp/Tổng doanh thu	%	22,3	23,2	30,3	32,4	25,8
Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	%	13,3	13,5	22,6	24,9	21,2
Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	11,6	11,6	19,9	23,9	20,9
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,4	6,5	7,8	13,8	17,6
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,7	18,6	25,8	45,1	43,1
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	50,7	41,9	38,7	67,5	51,9



Năm 2011 giá dịch vụ khoan vẫn chưa thể khởi sắc do chịu tác động của yếu tố cung vượt cầu trên thị trường khoan và đang ở mức đáy. Tuy vậy, PV Drilling vẫn hoạt động ổn định các giàn khoan và đạt được kết quả kinh doanh khả quan, vượt kế hoạch đề ra.

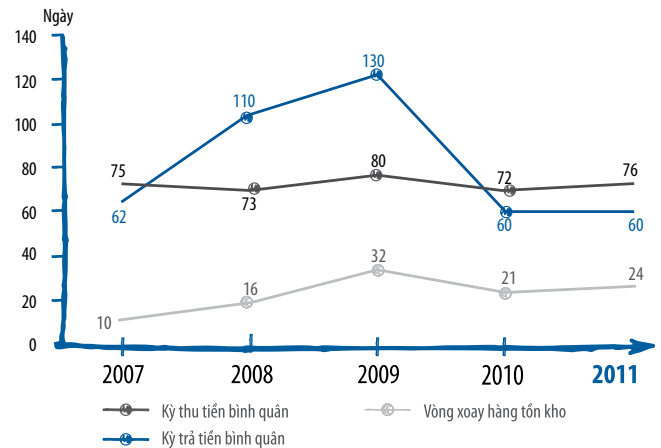
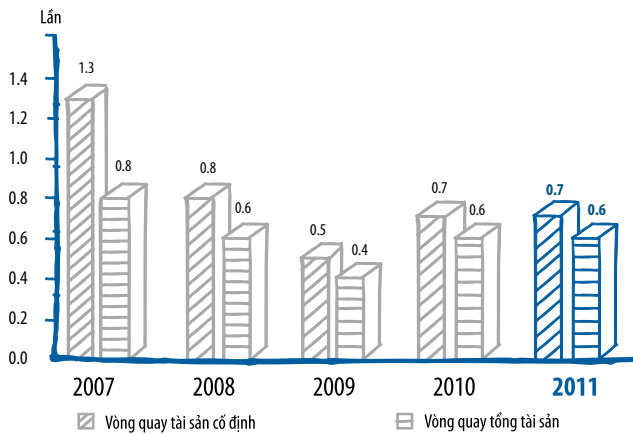
Doanh thu năm 2011 là 9.211 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2010; trong khi đó lợi nhuận sau thuế tăng 21% so với năm 2010, đạt 1.067 tỷ đồng. Bất chấp những khó khăn của nền kinh tế, doanh thu và lợi nhuận PV Drilling vẫn tăng trưởng đều theo từng năm, do nỗ lực duy trì 50% thị phần khoan tại thị trường Việt Nam, chủ động tìm kiếm, thu xếp công việc cho các giàn khoan, vận hành an toàn và hiệu quả các giàn khoan do PV Drilling sở hữu, đảm bảo hiệu suất hoạt động bình quân của các giàn khoan tự nâng đạt trên 98%, đóng mới giàn TAD đáp ứng nhu cầu thị trường, đầu tư mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng đối với các dịch vụ kỹ thuật cao cũng như duy trì thị phần các dịch vụ khác liên quan đến khoan ở tỷ lệ cao từ 50% - 90%. Bên cạnh đó, PV Drilling luôn nhận

thức, nỗ lực kiểm soát tốt chi phí, nhằm đem lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho công ty và lợi ích tốt nhất cho các cổ đông. Doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm 2011 tăng tương ứng 3,4 lần và 1,9 lần so với doanh thu và lợi nhuận năm 2007.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong năm qua nhưng các chỉ tiêu liên quan đến khả năng sinh lời của PV Drilling như Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROE), Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) và Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu gần như không thay đổi so với năm 2010 chủ yếu do giàn TAD chỉ mới chính thức đi vào hoạt động từ 14/2/2012 nên chưa đóng góp vào doanh thu năm 2011. Tuy vậy, với tiềm năng của thị trường dầu mỏ trong các năm tới, cùng với việc đưa vào vận hành giàn TAD và các giàn khoan biển của PV Drilling hoạt động ổn định với hiệu suất cao chắc chắn sẽ tiếp tục mang lại sự tăng trưởng và phát triển bền vững trong tương lai cho PV Drilling.

**Năng lực hoạt động**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2010	2009	2008	2007
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	76	72	80	73	75
Vòng quay hàng tồn kho	ngày	24	21	32	16	10
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	60	60	130	110	62
Vòng quay tài sản cố định	lần	0,7	0,7	0,5	0,8	1,3
Vòng quay tổng tài sản	lần	0,6	0,6	0,4	0,6	0,8



Đặt mục tiêu phát triển bền vững, PV Drilling tận dụng triệt để mọi nguồn lực nhằm tối đa hoá việc sử dụng tài sản. Các giàn khoan của PV Drilling sở hữu được vận hành an toàn và hiệu quả, đảm bảo hiệu suất hoạt động bình quân của các giàn khoan tự nâng trên 98%, giúp Công ty tăng trưởng về mặt doanh thu - lợi nhuận và các chỉ số năng lực hoạt động cải thiện qua các năm từ năm 2009 trở lại đây (vòng quay tài sản cố định tăng từ 0,5 năm 2009 lên 0,7 năm 2010 và giữ nguyên trong năm 2011, vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,4 năm 2009 lên 0,6 lần năm 2010 và giữ nguyên trong năm 2011).

Đón đầu xu thế phục hồi và phát triển của nền kinh tế, PV Drilling đang tiếp tục tập trung mở rộng đầu tư vào các dịch vụ kinh doanh cốt lõi, đặc biệt là việc hoàn thành đầu tư giàn khoan TAD trong những tháng cuối năm 2011. Tuy giàn vẫn chưa mang lại doanh thu nên phần nào ảnh hưởng đến những chỉ số năng lực hoạt động của PV Drilling trong năm 2011 nhưng lại là một

trong những giàn khoan được kỳ vọng sẽ mang đến sự đột phá về doanh thu và lợi nhuận trong tương lai.

Kỳ thu tiền bình quân của công ty trong năm 2011 là 76 ngày tăng nhẹ so với năm 2010, thấp hơn năm 2009 và vẫn giữ mức ổn định qua các năm thể hiện công tác thu hồi nợ hiệu quả, tránh nợ xấu và duy trì sự ổn định trong hoạt động của PV Drilling. Kỳ trả tiền bình quân vẫn duy trì 60 ngày so với năm 2010, ở thời buổi khó khăn chung của nền kinh tế, Tổng Công ty vẫn luôn cố gắng duy trì dòng tiền nhằm ưu tiên đảm bảo tính thanh khoản kịp tiến độ thanh toán cho nhà cung cấp.

Việc quản trị hàng tồn kho luôn được chú trọng đầu tư và nâng cao trong những năm qua nhằm đem lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho PV Drilling. Vòng quay hàng tồn kho cuối năm 2011 đạt 24 ngày, gần như ổn định so với 21 ngày năm 2010.

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

## Đòn cân nợ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2010	2009	2008	2007
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,66	0,64	0,66	0,70	0,45
Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	lần	1,99	1,80	1,92	2,89	1,06
Nợ vay/Nguồn vốn chủ sở hữu	lần	1,27	1,28	1,50	1,50	0,59
Nợ vay dài hạn/Tổng tài sản	lần	0,32	0,36	0,45	0,22	0,30
Nợ vay dài hạn/Nguồn vốn chủ sở hữu	lần	0,94	1,01	1,31	0,73	0,55

Trong tình hình kinh tế gặp khó khăn và cạnh tranh gay gắt, cấu trúc vốn là một vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, ảnh hưởng lớn đến tỷ suất lợi nhuận và đặc biệt là rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể phải đối mặt.

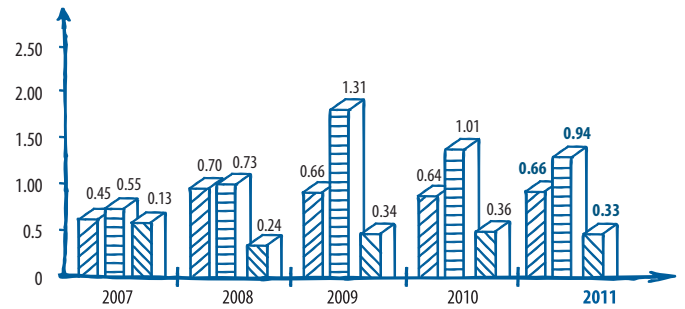
Để nâng cao hiệu quả hoạt động, cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất nhằm gia tăng thị phần, cũng như đón đầu sự phục hồi của nền kinh tế và tiềm năng của thị trường dầu khí trong các năm tới, PV Drilling



tiến hành tập trung đầu tư các giàn khoan công nghệ cao và nhiều trang thiết bị kỹ thuật giếng khoan tiên tiến. Nổi bật là việc hoàn thành và đưa giàn TAD vào chuẩn bị hoạt động trong năm qua đã làm các tỷ số đòn cân nợ tăng nhẹ so với năm 2010. Theo đó, hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản năm 2011 là 0,66, hệ số Nợ vay/Nguồn vốn chủ sở hữu ở mức 1,27 giữ mức ổn định so với năm 2010 cho thấy một sự ổn định và hợp lý trong cấu trúc vốn của PV Drilling đang trong giai đoạn tăng trưởng và phát triển.

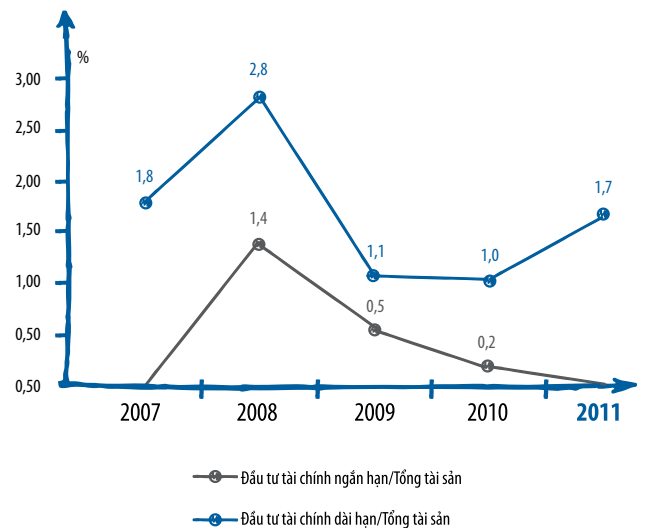
Cấu trúc vốn của PV Drilling hiện tại được xem là cân đối, cùng với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) của PV Drilling là 6,4% gần như không đổi so với năm 2010 thể hiện hiệu quả của vốn đầu tư trong tình hình kinh tế khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Theo đó, khai thác được tối đa lợi thế cạnh tranh trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô và đảm bảo kinh doanh hiệu quả.

Trong năm qua, hệ số Nợ vay dài hạn/Tổng tài sản giảm từ 0,36 lần năm 2010 xuống còn 0,32 lần, hệ số Nợ vay dài hạn/Nguồn vốn chủ sở hữu giảm từ 1,01 lần năm 2010 còn 0,94 lần năm 2011 thể hiện sự hoạt động hiệu quả tăng trưởng trong lợi nhuận, một phần nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên giúp cơ cấu nợ/vốn được ổn định và tốt hơn.



**Đầu tư tài chính**

PV Drilling luôn kiên định trong định hướng phát triển của mình, trong đó tập trung toàn lực cho hoạt động kinh doanh chính (core business). Giai đoạn thị trường tài chính Việt Nam bùng nổ vào năm 2007 - 2008, rất nhiều doanh nghiệp đã lấn sân sang các hoạt động ngoài ngành đặc biệt là đẩy mạnh đầu tư tài chính, riêng PV Drilling vẫn tuân thủ một nguyên tắc - phát triển bền vững bằng việc đầu tư thêm nhiều giàn khoan biển hiện đại và mở rộng thêm các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan. Giai đoạn 2010 - 2011, trước những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu và sự thắt chặt tín dụng trong nước, PV Drilling vẫn vững chãi bước những bước đi rất dài bằng việc tăng trưởng mạnh cả về doanh thu lẫn lợi nhuận. Việc duy trì một tỷ lệ đầu tư tài chính dài hạn rất nhỏ trong tổng tài sản (1,7%) và đầu tư tài chính ngắn hạn hầu như không có, PV Drilling hầu như không có bất kỳ rủi ro nào trong lĩnh vực đầu tư tài chính.



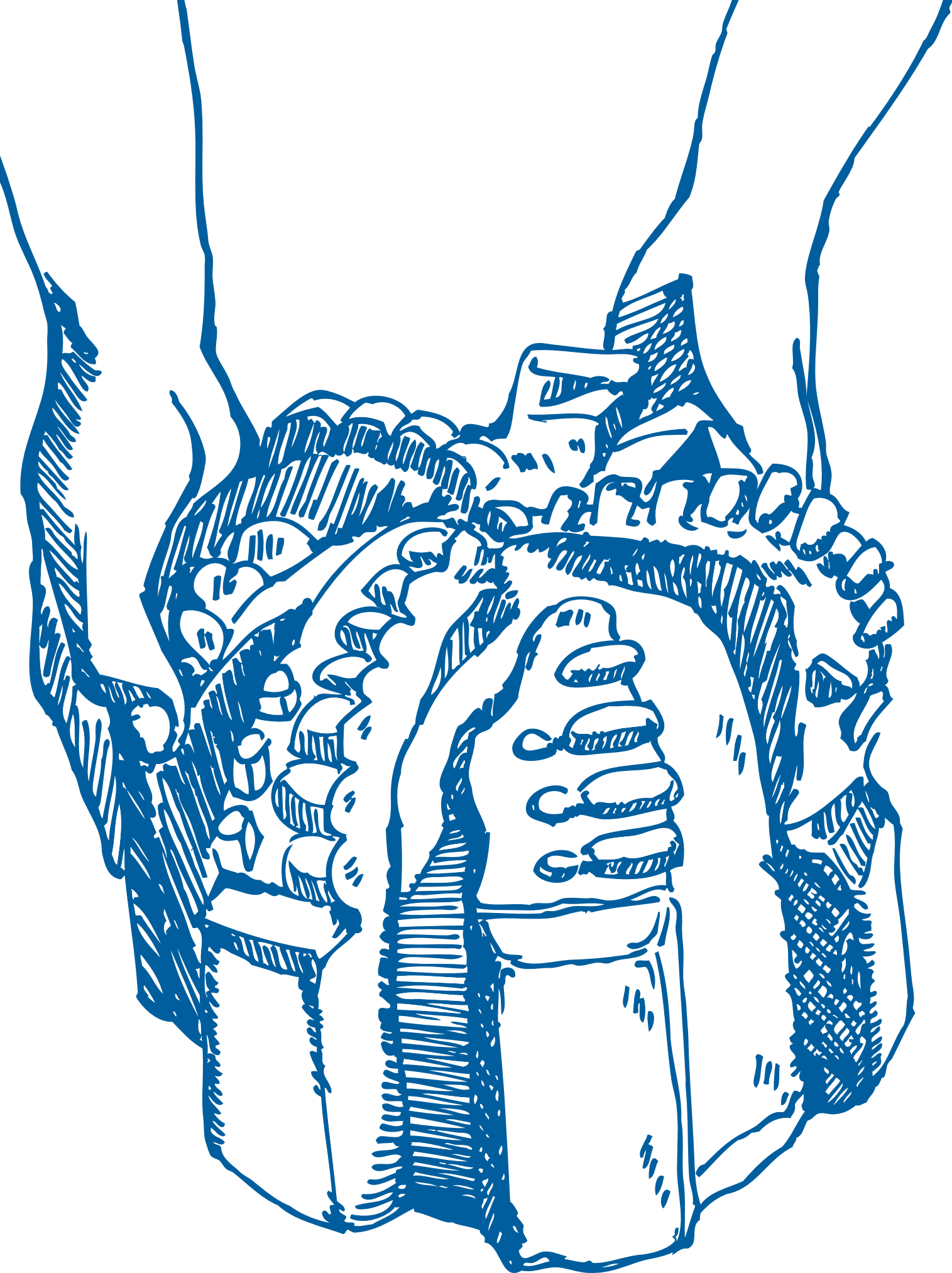
Như vậy, các chỉ số tài chính năm 2011 nêu trên đã ghi lại dấu ấn đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển PV Drilling. Sau 10 năm nỗ lực vươn lên, vượt qua thử thách, PV Drilling lần đầu tiên chính thức vượt mốc 1.000 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đánh dấu một sự chuyển mình nâng Người tiên phong trong lĩnh vực khoan dầu khí lên một tầm cao mới.

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dầu khí, những chỉ số tài chính trên cũng đã phản ánh rõ nét đặc thù trong lĩnh vực khoan, trong đó doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng bền vững trước những biến động của kinh tế trong nước và thế giới. Chiến lược của PV Drilling trong năm 2012 là hợp tác và liên kết nhằm phát huy sức mạnh nội lực kết hợp tận dụng nguồn lực bên ngoài, tăng cường quản trị rủi ro để nâng cao **giá trị bền vững**.



## Giá trị nội lực

Chú trọng đầu tư giàn khoan và máy móc thiết bị công nghệ cao, đội ngũ kỹ thuật chuyên nghiệp và nhiệt huyết... cùng với việc thực hiện toàn diện công tác quản trị rủi ro chính là giá trị cốt lõi của sự phát triển bền vững.





# Quản trị rủi ro - phát triển bền vững

Với PV Drilling, Ban lãnh đạo luôn tâm niệm gìn giữ giá trị và phát triển bền vững của Doanh nghiệp không thể thiếu công tác quản trị rủi ro.

Sự phát triển của một doanh nghiệp luôn đồng hành với những rủi ro đa dạng và phức tạp. Hay nói cách khác, rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là không thể loại trừ, mà ngược lại doanh nghiệp phải hiểu rõ bản chất, đặc tính của rủi ro để có thể phòng ngừa, đối phó, thậm chí tận dụng nó để hoàn thiện công tác quản trị, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp đều rất khác nhau, song mẫu số chung các doanh nghiệp đều nỗ lực kiểm soát các yếu tố rủi ro nhằm đạt mục tiêu một cách tối ưu nhất. Với nền kinh tế toàn cầu năng động hiện nay, đây là thử thách lớn đối với doanh nghiệp bởi rủi ro hiện diện ở khắp nơi, trong từng quyết định, từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày. Đối với chiến lược kinh doanh, rủi ro có thể xuất hiện khi đưa ra định hướng phát triển, lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực,... Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, rủi ro có thể xuất hiện ở các khâu sản xuất, vận hành, các quyết định về đầu tư hoặc phương án kinh doanh mới,... Đối với hoạt động tài chính, rủi ro là ở những yếu tố bên ngoài như tỷ giá, lãi suất hay trong yếu tố nội tại như tình thanh khoản, chi phí hoạt động,... Và trong việc tuân thủ các vấn đề đạo đức, các quy định pháp luật, quy chế, quy trình hoạt động của công ty, rủi ro vẫn tiềm ẩn.

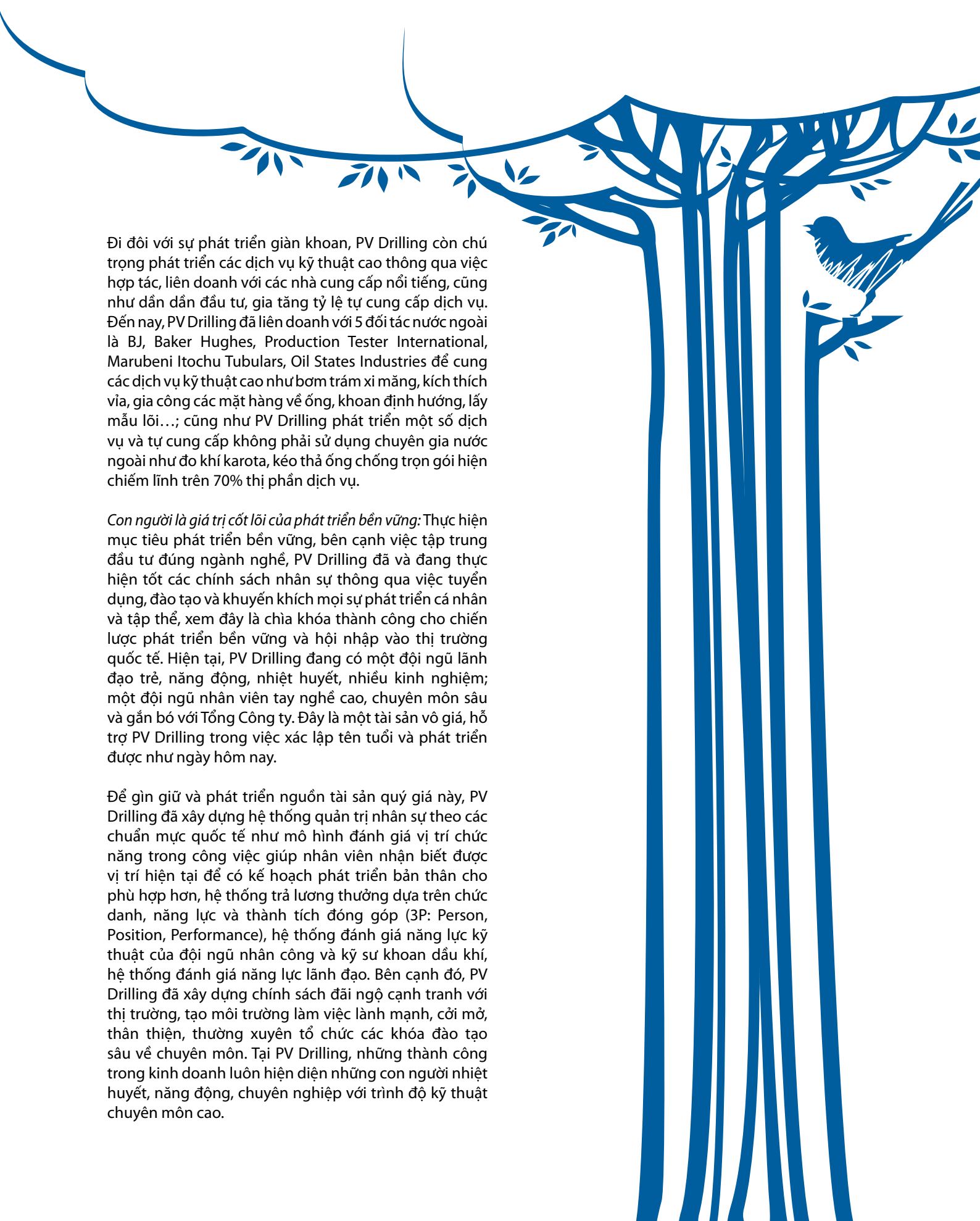
Thấu hiểu tầm quan trọng của quản trị rủi ro, PV Drilling đã, đang và sẽ tiếp tục cải thiện, nâng cao công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của Tổng Công ty và áp dụng một cách nghiêm ngặt các quy trình, quy định, các biện pháp để phòng và kiểm soát. Không dừng lại ở từng công tác quản trị, PV Drilling còn có kế hoạch xây dựng

hệ thống quản trị rủi ro toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Tổng Công ty nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển bền vững của PV Drilling.

## Thực tế triển khai công tác quản trị rủi ro tại PV Drilling

### Quản lý rủi ro trong chiến lược kinh doanh

*Hạn chế rủi ro thông qua việc xây dựng chiến lược phát triển đúng đắn:* Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực đặc thù khoan dầu khí, PV Drilling luôn tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí. Thực hiện điều này, PV Drilling đã xây dựng một chiến lược phát triển rõ ràng, phù hợp với với nguồn lực của Tổng Công ty trong từng giai đoạn cũng như thị trường, trong đó tập trung phát triển theo đúng lĩnh vực chuyên môn, không đầu tư phát triển ngoài ngành nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh. Năm 2007, PV Drilling trở thành đơn vị tiên phong mang về giàn khoan tự nâng PV DRILLING I và giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 đầu tiên do người Việt Nam làm chủ, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thị trường khoan trong nước. Kế thừa thành quả đó, các giàn khoan tự nâng PV DRILLING II, III và PV DRILLING V (TAD) lần lượt được đầu tư thành công, đồng thời còn có khả năng thuê thêm giàn bên ngoài để mở rộng thị trường. Đến nay, từ một phân xưởng nhỏ lẻ hoạt động cơ khí được tách ra từ Công ty PTSC năm 2001, sau 10 năm phát triển PV Drilling đã chiếm lĩnh hơn 50% thị trường dịch vụ giàn khoan trong nước với tổng tài sản của công ty đạt trên 18.000 tỷ đồng.



Đi đôi với sự phát triển giàn khoan, PV Drilling còn chú trọng phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao thông qua việc hợp tác, liên doanh với các nhà cung cấp nổi tiếng, cũng như dẫn dắt đầu tư, gia tăng tỷ lệ tự cung cấp dịch vụ. Đến nay, PV Drilling đã liên doanh với 5 đối tác nước ngoài là BJ, Baker Hughes, Production Tester International, Marubeni Itochu Tubulars, Oil States Industries để cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao như bơm trám xi măng, kích thích vỉa, gia công các mặt hàng về ống, khoan định hướng, lấy mẫu lõi...; cũng như PV Drilling phát triển một số dịch vụ và tự cung cấp không phải sử dụng chuyên gia nước ngoài như đo khí karota, kéo thả ống chống trọn gói hiện chiếm lĩnh trên 70% thị phần dịch vụ.

*Con người là giá trị cốt lõi của phát triển bền vững:* Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc tập trung đầu tư đúng ngành nghề, PV Drilling đã và đang thực hiện tốt các chính sách nhân sự thông qua việc tuyển dụng, đào tạo và khuyến khích mọi sự phát triển cá nhân và tập thể, xem đây là chìa khóa thành công cho chiến lược phát triển bền vững và hội nhập vào thị trường quốc tế. Hiện tại, PV Drilling đang có một đội ngũ lãnh đạo trẻ, năng động, nhiệt huyết, nhiều kinh nghiệm; một đội ngũ nhân viên tay nghề cao, chuyên môn sâu và gắn bó với Tổng Công ty. Đây là một tài sản vô giá, hỗ trợ PV Drilling trong việc xác lập tên tuổi và phát triển được như ngày hôm nay.

Để gìn giữ và phát triển nguồn tài sản quý giá này, PV Drilling đã xây dựng hệ thống quản trị nhân sự theo các chuẩn mực quốc tế như mô hình đánh giá vị trí chức năng trong công việc giúp nhân viên nhận biết được vị trí hiện tại để có kế hoạch phát triển bản thân cho phù hợp hơn, hệ thống trả lương thưởng dựa trên chức danh, năng lực và thành tích đóng góp (3P: Person, Position, Performance), hệ thống đánh giá năng lực kỹ thuật của đội ngũ nhân công và kỹ sư khoan dầu khí, hệ thống đánh giá năng lực lãnh đạo. Bên cạnh đó, PV Drilling đã xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh với thị trường, tạo môi trường làm việc lành mạnh, cởi mở, thân thiện, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo sâu về chuyên môn. Tại PV Drilling, những thành công trong kinh doanh luôn hiện diện những con người nhiệt huyết, năng động, chuyên nghiệp với trình độ kỹ thuật chuyên môn cao.





## Quản trị rủi ro và phát triển bền vững (tiếp theo)



### **Quản lý các rủi ro trong hoạt động**

*Nâng cao an toàn trong sản xuất kinh doanh:* Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Drilling luôn xem an toàn trong hoạt động dầu khí là một trong các yếu tố quan trọng hàng đầu để thực hiện kiểm soát và phòng ngừa các rủi ro. Sự kiện cháy nổ giàn khoan Deepwater Horizon tại vịnh Mexico là bài học rất có giá trị cho các nhà thầu dầu và thầu khoan. Cũng từ đây, khuyến khích các nhà thầu lựa chọn kỹ càng và ưu tiên các giàn khoan tiên tiến thế hệ mới có hiệu suất hoạt động cao và hoạt động an toàn, cũng như các nhà thầu khoan tăng cường hơn nữa công tác an toàn trong hoạt động quản lý và vận hành các giàn khoan.

Đối với PV Drilling, được sự cam kết mạnh mẽ từ cấp lãnh đạo cao nhất, hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (HSEQ) được xây dựng ngay từ những ngày đầu thành lập và áp dụng thành công thông qua việc đạt các chứng chỉ quốc tế như tiêu chuẩn về các dịch vụ chuyên ngành khoan của Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API), tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2008, tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường ISO 14001, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001,... Riêng các giàn khoan, ngoài việc thực hiện hệ thống quản lý an toàn trong hoạt động một cách triệt để, công tác bảo trì, sửa chữa cho các máy móc, thiết bị cho các giàn khoan cũng được đặc biệt chú trọng. PV Drilling hàng năm luôn có kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo các giàn khoan luôn trong tình trạng tốt nhất và vận hành an toàn và hiệu quả nhất.

Nhờ hệ thống quản lý an toàn duy trì áp dụng và liên tục cải tiến hàng năm, các dịch vụ của PV Drilling được đánh giá là chất lượng tốt, ổn định, phù hợp với các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Ngay trong những ngày đầu năm 2012, Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) đã công nhận giàn khoan PV DRILLING I với 5 năm liền không xảy ra LTI (Lost Time Incident). Đây là một sự kiện có ý nghĩa, khích lệ tinh thần lớn lao các công nhân, kỹ sư giàn khoan trong nỗ lực vận hành an toàn, vượt qua những khó khăn thời tiết khắc nghiệt ngoài biển khơi cũng như môi trường làm việc áp lực cao. Tương tự, các giàn khoan PV DRILLING II & III cũng thành công không kém với hai năm liên tục không xảy ra LTI kể từ khi vận hành.

Cũng nhờ hệ thống quản lý an toàn hiệu quả, hiệu suất hoạt động các giàn khoan trong suốt những năm qua luôn đạt ở mức cao trên 98%. Đây là con số mơ ước của nhiều nhà cung cấp dịch vụ giàn khoan, bởi trên thế giới ở mức 90% đã được xem là hiệu suất cao và mức 95% được xem là xuất sắc. Vì thế, hiệu suất hoạt động cao là niềm tự hào của CBCNV, cũng như là hình ảnh thương hiệu uy tín của PV Drilling.

*Mua bảo hiểm nhằm tăng cường phòng ngừa rủi ro:* Mặc dù các giàn khoan được vận hành liên tục an toàn và hiệu quả, việc phòng ngừa rủi ro về các sự cố bất ngờ xảy ra và không kiểm soát được là hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực khoan luôn hoạt động cường độ cao như PV Drilling. Hàng năm, PV Drilling đều dành một khoản chi phí không nhỏ để mua bảo hiểm

giàn khoan nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro. Bên cạnh đấy, chính sách bảo hiểm về con người, bảo hiểm các loại tài sản khác cũng được xem trọng và thực hiện đều đặn hàng năm.

*Lập và kiểm soát kế hoạch sản xuất kinh doanh:* Nhằm bảo đảm tăng trưởng hàng năm của Tổng Công ty, duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và đạt hiệu quả như mong đợi, PV Drilling luôn thực hiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm chi tiết đến từng công ty con và từng phòng ban. Công tác này không những giúp bảo đảm sự tăng trưởng mà còn giúp Ban Tổng Giám đốc có những giải pháp thích hợp trong công tác quản lý tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp phù hợp với năng lực của Tổng Công ty và thị trường trong từng giai đoạn, từ đó kiểm soát và hạn chế được các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

*Xem xét hiệu quả các dự án đầu tư và các phương án kinh doanh mới:* Đối với doanh nghiệp đang trong giai đoạn tăng trưởng và phát triển, việc đầu tư giàn khoan, máy móc, trang thiết bị hiện đại,... hay việc phát triển, mở rộng kinh doanh thông qua phát triển các dịch vụ mới là nhu cầu tất yếu nhằm nắm bắt các cơ hội, tiềm năng thị trường tương lai và bảo đảm phát triển bền vững. Tuy nhiên, để đảm bảo các dự án đầu tư và các phương án kinh doanh đạt hiệu quả khi thực hiện, tất cả các dự án đầu tư và kinh doanh của PV Drilling đều được quyết định dựa trên việc xem xét và phân tích kỹ lưỡng hiệu quả đầu tư, thời gian hoàn vốn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh và gia tăng giá trị công ty theo các báo cáo chuẩn về phân tích dự án khả thi. Từ 2007 - 2009, các giàn khoan PV DRILLING I, II, III ra đời dựa trên nhu cầu cao của thị trường trong nước, đồng thời các giàn đóng góp lợi nhuận chiếm trên 70%, thời gian thu hồi vốn 8 - 10 năm trong khi vòng đời hoạt động của giàn hơn 20 năm. Năm 2011, giàn PV DRILLING V cũng xây dựng thành công và cung cấp dịch vụ dài hạn cho khách hàng Biển Đông POC với giá thuê 205.000 USD/ngày, dự kiến sẽ đóng góp lợi nhuận đáng kể và gia tăng dòng tiền hoạt động trong năm 2012. Các kế hoạch đầu tư trong tương lai, PV Drilling sẽ luôn luôn xem xét đến các yếu tố khách hàng, thời gian hợp đồng, nhu cầu tương lai nhằm bảo đảm doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền đạt hiệu quả cao nhất.

*Thiết lập và hoàn thiện các quy định, quy trình trong quản lý hoạt động:* Bên cạnh các công tác quản trị rủi ro hoạt động nêu trên, PV Drilling còn xây dựng đầy đủ các quy trình, quy định cho tất cả lĩnh vực hoạt động và không ngừng hoàn thiện nhằm tạo sự nhất quán trong từng

hoạt động, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và giúp cho Ban lãnh đạo kiểm soát dễ dàng các hoạt động và hạn chế được các rủi ro phát sinh. Hiện nay, Tổng Công ty đã có hàng loạt quy chế, quy định, quy trình được ban hành như các quy trình thực hiện an toàn, quy trình thanh toán, mua sắm, đầu tư, kiểm toán nội bộ, quy trình quản lý ngân quỹ, quy chế quản lý tài chính, quy chế mua sắm vật tư thiết bị, phụ tùng, dịch vụ phục vụ hoạt động giàn khoan, quy chế quản trị công ty. Không dừng lại ở trên, trong năm 2012 PV Drilling có kế hoạch xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro trong toàn doanh nghiệp, tạo sự thống nhất trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Quản lý các rủi ro tài chính**

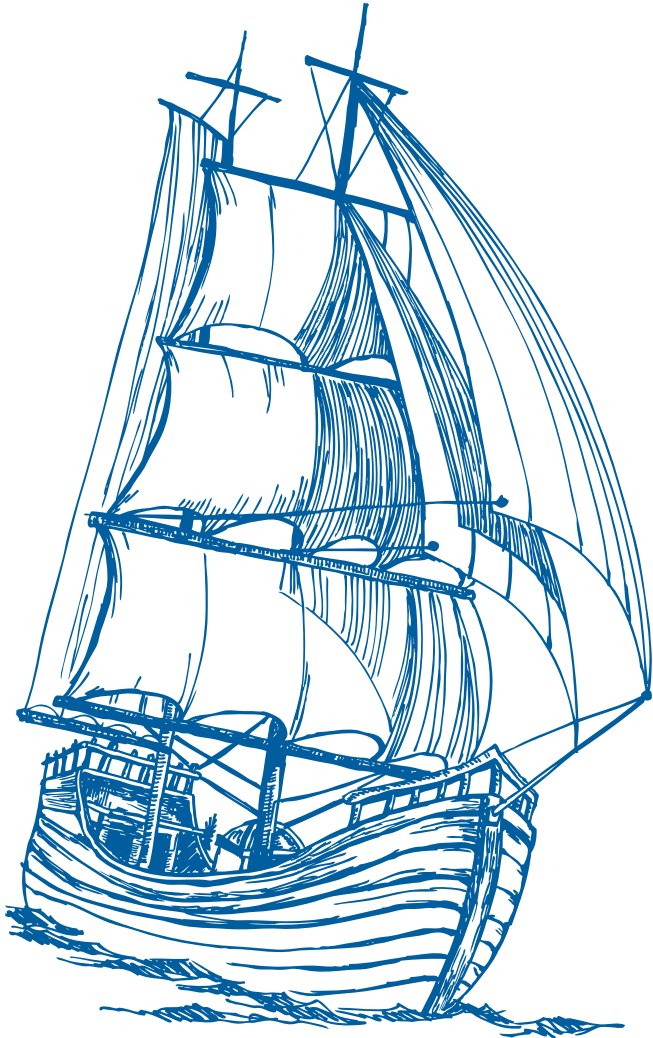
*Cân đối dòng tiền:* Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, vấn đề cân đối dòng tiền thường được các giám đốc tài chính đặc biệt quan tâm và theo dõi sát sao. Mất cân đối dòng tiền khiến doanh nghiệp không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, thiếu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, từ đó càng làm tình hình kinh doanh xấu hơn do sự sụt giảm sản xuất, giảm doanh thu và lợi nhuận.

Để kiểm soát yếu tố rủi ro này, một trong những công tác tài chính của PV Drilling được đặt lên hàng đầu là theo dõi thường xuyên, cân đối và quản lý chặt chẽ dòng tiền nhằm đảm bảo nhu cầu vốn phục vụ cho nhu cầu kinh doanh và đầu tư, đáp ứng về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn. Thực tế từ trước đến nay, các chỉ số tài chính về thanh toán của PV Drilling đều ở mức hợp lý, trên hoặc xấp xỉ 1 lần (sau khi loại trừ các khoản phải thanh toán cho nhà thầu đóng giàn khoan và các chi phí đầu tư cho các dự án được lấy từ nguồn vốn dài hạn). Chính vì thế, với các chỉ số tài chính đang ở mức kiểm soát tốt hiện nay, vấn đề đang được quan tâm trong việc quản lý dòng tiền là công tác thu hồi công nợ và điều phối dòng tiền một cách hiệu quả nhất.

Hiện nay, PV Drilling có một bộ phận ngân quỹ chuyên trách phối hợp cùng các đơn vị trong Tổng Công ty thường xuyên lập kế hoạch dòng tiền, cũng như theo dõi và thu hồi công nợ, phối hợp điều phối dòng tiền trong Tổng Công ty nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, tăng tối đa thu nhập và giảm thiểu chi phí tài chính. Bên cạnh đó, hệ thống ngân quỹ tập trung của Tổng Công ty áp dụng thành công từ tháng 4/2010 đến nay đã tối ưu được việc điều động dòng tiền, đảm bảo nguồn vốn kịp thời phục vụ công tác đầu tư và sản xuất kinh doanh.



## Quản trị rủi ro và phát triển bền vững (tiếp theo)



**Kiểm soát lãi suất các khoản vay:** Bên cạnh vấn đề cân đối dòng tiền, việc kiểm soát lãi suất các khoản vay cũng là một trong các công tác kiểm soát rủi ro quan trọng do đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh. Cuối năm 2011, PV Drilling có khoảng 350 triệu đô-la nợ dài hạn với lãi suất thả nổi LIBOR/SIBOR cộng lãi suất biên. Theo dự đoán, mặc dù lãi suất hiện nay vẫn đang ở mức thấp trong vòng 10 năm trở lại, khuynh hướng lãi suất sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Mỹ hồi phục cũng như FED (Cục dự trữ liên bang Mỹ) thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm chống lạm phát tăng cao. Vì thế, nhằm hạn chế rủi ro của yếu tố này, PV Drilling cũng đã thực hiện hoán đổi lãi suất cho một số khoản vay dài hạn với mức trần lãi suất hợp lý. Bên cạnh đó, PV Drilling cũng tiếp tục thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường nhằm dự báo và phản ứng kịp thời trước những biến động và xu thế của thị trường tài chính.

**Tỷ giá hối đoái:** Một trong những yếu tố rủi ro tài chính được quan tâm khác là tỷ giá hối đoái. Hiện nay, do cơ chế tỷ giá linh hoạt, diễn biến thay đổi từng ngày theo thị trường ngoại hối, sự biến động tỷ giá hối đoái tạo áp lực khá lớn cho doanh nghiệp không cân đối được nguồn ngoại tệ. Yếu tố này được đánh giá là một trong năm áp lực lớn của doanh nghiệp bên cạnh chính sách thuế, môi trường cạnh tranh, năng lực vốn và biến động thị trường.

Đối với PV Drilling, yếu tố rủi ro tỷ giá được hạn chế tối đa nhờ doanh thu chủ yếu nhận bằng đồng USD, đáp ứng được các nhu cầu chi tiêu bằng ngoại tệ, tránh ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá khi thiếu hụt và khan hiếm tiền USD. Đây cũng là cơ sở để PV Drilling được sử dụng đồng tiền kế toán USD kể từ ngày 01/01/2010 do hoạt động kinh doanh chủ yếu thu chi bằng ngoại tệ, từ đó góp phần giảm đáng kể các khoản chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản vay và các khoản nợ khác có gốc bằng ngoại tệ vào cuối niên độ kế toán.

**Rủi ro về chi phí hoạt động:** Đối với công tác quản trị tài chính thì các chi phí là yếu tố đặc biệt quan tâm, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của những chi phí đã chi ra. Do đó, kiểm soát chi phí hoạt động một cách chặt chẽ trở thành một công cụ phòng ngừa rủi ro hữu hiệu, giúp gia tăng rõ rệt kết quả kinh doanh.

Hiện nay, hệ thống kiểm soát chi phí trong Tổng Công ty được Ban lãnh đạo đánh giá hoạt động hiệu quả nhờ áp dụng các phần mềm quản lý tiên tiến Oracle kiểm soát hoạt động tài chính toàn Tổng Công ty, hệ thống Maximo để theo dõi hiệu quả việc sử dụng vật tư, phụ tùng, đảm bảo nhu cầu cấp thiết về vật tư phụ tùng, giúp các giàn khoan hoạt động liên tục. Thông qua các hệ thống này, PV Drilling đã kiểm soát được chi phí đến từng bộ phận (Cost Center Control), theo dõi sự thay đổi của từng chi phí phát sinh và hiệu quả kinh doanh của từng giàn khoan và từng loại dịch vụ trong toàn Tổng Công ty. Bằng cách hệ thống hóa các khoản mục chi phí, Ban Quản lý có thể thu thập thông tin về chi phí phát sinh ở nhiều bộ phận khác nhau trong cùng công ty và các công ty con khác nhau của toàn Tổng Công ty, kiểm soát ngân sách và kế hoạch hàng năm đến từng khâu quản lý của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo chi phí phát sinh hợp lý và đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

Đến nay, không ngừng hoàn thiện hệ thống hóa công tác quản lý, PV Drilling đang tiếp tục triển khai dự án

Business Intelligence - ERP Oracle Giai đoạn III để tăng cường công tác điều hành, nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tổng Công ty.

*Thực hiện tiết kiệm chi phí trong giai đoạn kinh tế khó khăn:* Nhằm duy trì hiệu quả kinh doanh trong giai đoạn kinh tế khó khăn do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, bên cạnh công tác kiểm soát chi phí phát sinh, PV Drilling đã triển khai thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần duy trì kinh doanh ổn định và phát triển.

Kế hoạch năm 2012, PV Drilling sẽ kiểm soát chi phí thông qua việc tiếp tục bổ sung và sửa đổi các định mức kỹ thuật về tiêu hao nhiên liệu - vật liệu, các định mức về khai thác và sử dụng máy móc cũng như phát động các phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm gia tăng lợi ích cho Tổng Công ty.

#### **Quản lý các rủi ro về việc tuân thủ các quy định**

Rủi ro về tuân thủ các quy định liên quan đến những sự cố, sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chủ yếu nguyên nhân những rủi ro này do con người không tuân thủ chặt chẽ các quy trình hoạt động, các quy định trong công tác có liên quan do không nắm bắt toàn diện thông tin về những chuẩn mực, quy định và luật pháp vốn thay đổi thường xuyên như hiện nay.

Nhận diện được vấn đề này, PV Drilling đã xây dựng Ban Kiểm toán nội bộ (Ban KTNB) với một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao thực hiện đánh giá thường xuyên các vấn đề về tuân thủ các quy trình đã ban hành. Hiện nay, Ban KTNB thực hiện định kỳ hay đột xuất việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế nội bộ trong Tổng Công ty cũng như việc thực thi các quy định, các chính sách thuế,... của Nhà nước, đồng thời đánh giá công tác quản lý điều hành tại các đơn vị nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả. Bên cạnh đó, Ban KTNB cũng đánh giá các rủi ro về hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán, thuế, nghiên cứu các chính sách nhà nước để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và đề xuất các biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp với mục tiêu sử dụng hiệu quả các nguồn lực Tổng Công ty. Việc thực hiện chuyển đổi đồng tiền hạch toán kế toán từ đồng Việt Nam sang đồng đô la Mỹ cũng là một dự án được thực hiện bởi đội ngũ Kế toán Tài chính, là kết quả của việc nghiên cứu và áp dụng đúng các quy định của chuẩn mực kế toán, thể hiện đúng bản chất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro về tỷ giá và nâng cao hiệu quả hoạt động của PV Drilling.

Bên cạnh đó, PV Drilling cũng nghiên cứu kỹ các chính sách thuế để áp dụng phù hợp với hiện trạng của Tổng Công ty, tối đa hóa các ưu đãi về miễn giảm thuế, đồng thời PV Drilling cũng xin Bộ Tài chính xem xét giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê và vận hành giàn khoan nhằm đảm bảo sự cạnh tranh công bằng với các nhà cung cấp nước ngoài, cũng như đang thực hiện việc xin miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư và vận hành giàn khoan PV DRILLING V trong lĩnh vực công nghệ cao.

#### **Thực hiện việc quản trị rủi ro nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững**

Việc quản trị rủi ro chặt chẽ và hiệu quả trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh là một trong những yếu tố giúp PV Drilling hoạt động ổn định và phát triển bền vững trong những năm qua. Hiện nay, PV Drilling tự hào là đơn vị cung cấp dịch vụ giàn khoan hàng đầu có 3 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan đất liền và 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, chiếm 50% thị phần dịch vụ khoan tại Việt Nam.

Nhìn lại chặng đường 10 năm phát triển mạnh mẽ, đến cuối năm 2011, PV Drilling đã là một thương hiệu vững mạnh, khẳng định đẳng cấp trong và ngoài nước mà Huân chương lao động hạng Nhất là một trong những minh chứng, cùng với các chỉ số tài chính tăng trưởng mạnh qua các năm như tổng tài sản đạt 18.400 tỷ đồng, tăng gấp 138 lần; doanh thu đạt 9.211 tỷ đồng, tăng gấp 26 lần; lợi nhuận đạt 1.067 tỷ đồng, tăng gấp 66 lần so với năm đầu thành lập 2001.

Trải qua nhiều năm hoạt động với những bước phát triển vững chắc trong lĩnh vực khoan và dịch vụ khoan dầu khí ở vùng biển Việt Nam, từ khi hình thành đến nay, cổ phiếu của PV Drilling luôn là một trong những bluechips trên thị trường chứng khoán - một mã cổ phiếu nhận được nhiều sự tín nhiệm của cổ đông và sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Để duy trì và gia tăng những thành quả đạt được trên, PV Drilling sẽ tiếp tục nâng cao công tác quản trị rủi ro nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành hiệu quả hoạt động giàn khoan, cung ứng kịp thời các dịch vụ liên quan khác với chất lượng dịch vụ cao, cũng như hợp tác kinh doanh với các đối tác quốc tế nhằm mở rộng thị phần cung cấp dịch vụ khoan ra thị trường khu vực.

Với PV Drilling, Ban lãnh đạo luôn tâm niệm gìn giữ giá trị và phát triển bền vững của Doanh nghiệp không thể thiếu công tác quản trị rủi ro.



## Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của PV Drilling



PV Drilling là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao trong ngành dầu khí, cho nên nguồn nhân lực về kỹ thuật là nền tảng cơ bản nhất đối với quá trình hình thành phát triển của công ty hơn 10 năm qua.

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của PV Drilling lao động hăng say và sáng tạo để chứng minh năng lực của mình dù đang làm việc ở một công ty còn non trẻ so với các nhà thầu khoan danh tiếng trên thế giới như Transocean, Seadrill... Lực lượng lao động kỹ thuật của PV Drilling đã được các khách hàng công nhận năng lực trong quá trình cung cấp dịch vụ suốt 10 năm qua bằng việc đáp ứng những yêu cầu khắt khe của khách hàng trong từng dịch vụ. Với nền tảng kiến thức kỹ thuật tốt, PV Drilling đã đem đến cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất và làm hài lòng những điều họ đã kỳ vọng. Năm 2005, chỉ vài năm sau khi thành lập, một trong những dịch vụ kỹ thuật của PV Drilling là bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị khoan đã được Viện Dầu khí Hoa kỳ (API) cấp giấy phép được quyền thực hiện và đóng dấu API trong việc tiện cắt ren theo tiêu chuẩn API cho các loại cần khoan dầu khí. PV Drilling là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam có được giấy phép của API cho lĩnh vực dịch vụ này

vào thời điểm đó. Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cung cấp nhiều loại hình kỹ thuật dầu khí khác nhau, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của PV Drilling có khả năng tiếp nhận và vận hành các công nghệ mới và thực hiện các công việc mà trước đây chỉ các chuyên gia nước ngoài đảm trách.

Song song với việc đầu tư trang thiết bị, PV Drilling luôn dành khoản ngân sách đáng kể cho việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, trong đó việc đào tạo nhân lực kỹ thuật chiếm phần lớn trong ngân sách. Nhân lực kỹ thuật của PV Drilling thường được cử đi đào tạo tại các quốc gia có nền công nghiệp và công nghệ dầu khí tiên tiến như Hoa Kỳ, Châu Âu và trong khu vực lân cận như Singapore, Malaysia. Mỗi vị trí công việc trong dịch vụ kỹ thuật của PV Drilling luôn phải đáp ứng yêu cầu khắt khe của khách hàng cũng như tiêu chuẩn của ngành công nghiệp dầu khí về năng lực và chứng chỉ đào tạo, cho nên các cán bộ kỹ thuật luôn phải tham gia các khóa đào tạo và tái đào tạo liên tục do các trường, trung tâm, hay tổ chức đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện.

Bên cạnh các khóa đào tạo tại lớp, các chương trình đào tạo kèm cặp theo thực tế công việc (on job training) và các chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp (vocational training) cũng góp phần quan trọng trong quá trình trưởng thành và phát triển của đội ngũ cán bộ kỹ thuật PV Drilling. Từ những chương trình đào tạo thực tế này, rất nhiều kỹ sư hay cán bộ kỹ thuật trẻ đã nắm giữ những vị trí giám sát hay điều hành trong các dịch vụ kỹ thuật chỉ sau vài năm gia nhập công ty. Không chỉ được đào tạo đầy đủ và bài bản về kỹ thuật, các chương trình đào tạo về kỹ năng giao tiếp hay thuật lãnh đạo cũng là những nội dung đào tạo được tổ chức cho những đối tượng là cán bộ kỹ thuật để họ sẵn sàng khi tiếp nhận vai trò quản lý sau này.

Tại Vũng Tàu, PV Drilling có một đơn vị thành viên là Công ty đào tạo kỹ thuật PVD Training, cơ sở này là cơ sở hỗ trợ và thực các chương trình đào tạo cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật trong toàn tổng công ty PV Drilling .

Trong quá trình hoạt động và phát triển, PV Drilling đã thu hút được rất nhiều chuyên gia kỹ thuật hàng đầu trong mỗi lĩnh vực dịch vụ đang làm việc cho các công ty đa quốc gia nổi tiếng về gia nhập. Lực lượng chuyên

gia hàng đầu này cũng đã mang về PV Drilling rất nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực kỹ thuật để chia sẻ và đào tạo lại cho những người liên quan. PV Drilling có một môi trường làm việc cởi mở và khuyến khích sự sáng tạo, phát huy các sáng kiến về kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, dịch vụ, vì vậy đội ngũ kỹ thuật của PV Drilling có “mảnh sân lớn” để thực hiện các ý tưởng sáng tạo của mình. Từ đó, đội ngũ kỹ thuật của PV Drilling cũng cho ra đời nhiều sáng kiến cải tiến nhằm tối ưu hóa và cải tiến chất lượng dịch vụ kỹ thuật của PV Drilling rất nhiều để đạt được uy tín về chất lượng như ngày hôm nay.

Năm 2006, một năm trước khi nhận bàn giao và vận hành giàn khoan PV DRILLING I, PV Drilling đã tuyển dụng những chuyên gia kỹ thuật cao người nước ngoài để cùng đội ngũ kỹ thuật người Việt tham gia vận hành giàn khoan đầu tiên của PV Drilling. Hiện nay, với năm giàn khoan đang sở hữu và tự vận hành, PV Drilling đang có khoảng 100 chuyên gia kỹ thuật cao người nước ngoài đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Sự hòa hợp về văn hóa giữa đội ngũ kỹ sư trẻ Việt Nam với các chuyên gia nước ngoài làm việc trên các giàn khoan luôn tạo cho PV Drilling một môi trường làm việc đầy thử thách, đòi hỏi sự năng động và sáng tạo.

Trong số hơn 1.810 lao động hiện nay của PV Drilling, 70% là những người tốt nghiệp hoặc đào tạo từ những trường kỹ thuật, đang đảm trách những công việc từ cơ sở đến quản lý cấp cao. Đối với PV Drilling, tri thức kỹ thuật là khả năng nội tại quý nhất mà công ty đang có và nội lực này sẽ giúp cho PV Drilling vững bước trên con đường phát triển bền vững.

Có thể nói rằng, PV Drilling luôn tự hào và tự tin với đội ngũ nhân lực kỹ thuật hiện có, PV Drilling có thể chinh phục bất kỳ thử thách nào trong lĩnh vực khoan và dịch vụ khoan dầu khí.

## Giàn khoan TAD Hướng đến công nghệ cao



Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm có tên tiếng Anh Semi - Submersible Tender Assist Drilling Rig (TAD) là giàn khoan biển dùng để hỗ trợ khoan tại những nơi có mực nước biển khoảng 120 - 2.000m nước theo công nghệ hiện nay.



Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (Semi - Submersible Tender Assist Drilling Rig - viết tắt là TAD) là giàn khoan biển dùng để hỗ trợ khoan tại những nơi có mực nước biển khoảng 120 - 2.000m nước theo công nghệ hiện nay. Đặc biệt sử dụng hiệu quả ở những vùng nước sâu trung bình nơi có thể đặt được các Fixed Platform khai thác nơi giàn khoan tự nâng (jack-up) không thể đặt chân để khoan được.

Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm là loại giàn khoan tích hợp nhiều ưu điểm, là sự kết hợp những tính năng ưu việt của công nghệ khoan nước sâu của giàn bán chìm Semi - submersible và sự ổn định trong khi khoan của giàn khoan tự nâng. Do vậy, giàn khoan tiếp trợ vừa đảm bảo tính linh động trong khi sử dụng, lại vừa đảm bảo tính ổn định hiệu quả khi để thi công khoan các giếng khoan phát triển mở. Do vậy, ở các khoảng nước sâu trung bình và điều kiện thời tiết ngoài khơi khó khăn, đây là sự lựa chọn tối ưu nhất về kinh tế và kỹ thuật do giàn nửa nổi nửa chìm (Semi Submersible) không thể cập vào Platform cố định để khoan được hoặc rất tốn kém nếu dùng subsea wellhead để có thể khoan bằng giàn Semi Submersible dẫn đến hiệu quả kinh tế không cao.

Theo thông tin của ODS Petrodata và Rigzone, hiện nay trên thế giới đang có 8 giàn TAD tham gia vào thị trường khoan. Giàn khoan PV DRILLING V của PV Drilling là giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm thứ 9 trên thế giới và là thế hệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm hiện đại nhất hiện nay với Model SSDT 3600 E HP. Đây là giàn khoan nước sâu đầu tiên được đầu tư ở Việt Nam áp dụng công nghệ cao. Với việc sở hữu giàn khoan nước sâu này, Việt Nam sẽ có sự chủ động về công nghệ, mở ra một hướng phát triển mới cho ứng dụng công nghệ khoan nước sâu ở nước ta. Vì thế, đầu tư giàn khoan nước sâu TAD là phù hợp với chiến lược phát triển ngành dầu khí của Petrovietnam, là hướng việc tìm kiếm thăm dò dầu khí ra các vùng nước sâu, đặt nền móng cho sự phát triển của công nghệ khoan nước sâu tại Việt Nam và phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực dầu khí của đất nước. Qua đó thể hiện sự đi tắt, đón đầu công nghệ khoan của PV Drilling đối với sự phát triển của ngành công nghiệp khoan, đồng thời đa dạng hóa dịch vụ cung cấp giàn khoan của PV Drilling.





# Giàn khoan TAD

## Hướng đến công nghệ cao

Với việc sở hữu giàn khoan nước sâu, PV Drilling đã làm chủ về công nghệ, mở ra một hướng phát triển mới cho ứng dụng khoan nước sâu ở nước ta.

### Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD)

Giàn TAD này là giàn khoan đầu tiên trên thế giới sử dụng công nghệ cao với các đặc tính ưu việt và cực kỳ hiện đại như:

- Cụm thiết bị Khoan (DES) được thiết kế chịu được tải trọng lên đến 1,500,000lbs (750 T), cho phép thi công các giếng khoan có chiều sâu lên đến 30,000 ft (9100 m).
- Trang bị hệ thống đối áp chống phun trào (BOP) với áp suất làm việc lên đến 15,000 psi (tương đương 1020 atm), đặc biệt phù hợp cho việc thi công các giếng khoan có nhiệt độ và áp suất cao (HPHT).
- Hệ thống tời khoan (Drawworks) và động cơ khoan (Top-Drive) thuộc thế hệ mới nhất được chế tạo bởi công ty NOV là công ty lớn nhất thế giới trong lĩnh vực chế tạo thiết bị khoan.

Điểm đặc biệt là các hệ thống thiết bị khoan này được liên kết với nhau và điều khiển bởi một hệ thống phần mềm tích hợp Amphion Drilling Control, đây là hệ thống

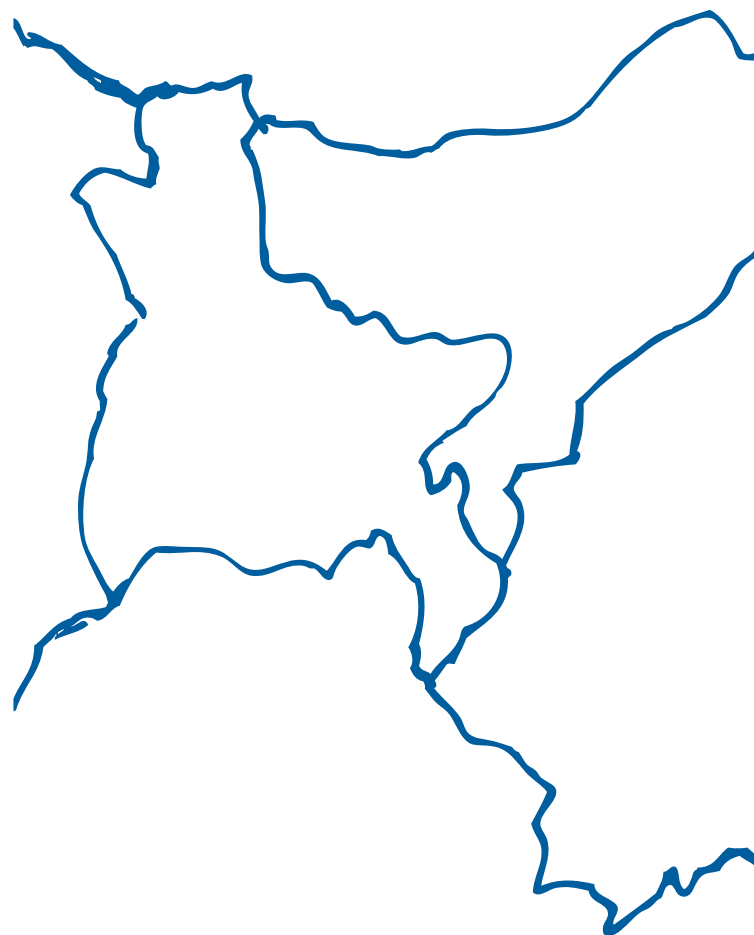
điều khiển khoan hiện đại bậc nhất thế giới của công ty NOV. Giúp cho việc điều khiển, kiểm soát hoạt động khoan của toàn bộ hệ thống thiết bị khoan trên giàn diễn ra một cách đồng bộ, chính xác, an toàn, và hiệu quả nhất với độ tin cậy cao nhất.

Hơn thế nữa, trong quá trình vận hành hệ thống khoan, nếu xảy ra vấn đề hỏng hóc hoặc trục trặc cần phải thao tác hoặc xử lý trên hệ thống, các chuyên gia ở trong văn phòng điều hành Khoan hoặc ở trung tâm hỗ trợ kỹ thuật của nhà sản xuất có thể truy cập vào hệ thống khoan trên giàn theo đường truyền tín hiệu vệ tinh thông qua một hệ thống quản lý bảo dưỡng e-Hawk, điều này cực kỳ tiện lợi trong vấn đề giải quyết hỏng hóc bằng việc cho phép can thiệp vào hệ thống thiết bị khoan trên giàn một cách từ xa cho dù giàn khoan ở bất kỳ vị trí nào trên biển, giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian dừng so với việc phải cử các chuyên gia bay ra giàn để trực tiếp thao tác và giải quyết sự cố tại chỗ như cách làm truyền thống. Tất cả những hệ thống với công nghệ cực kỳ hiện đại này được kết nối với nhau một cách khoa học và đồng bộ giúp nâng cao hiệu suất và tăng cường độ tin cậy cho hoạt động của giàn khoan TAD.



Bên cạnh cụm thiết bị khoan DES với các hệ thống thiết bị khoan hiện đại và công nghệ cao như thế, một nửa còn lại của giàn TAD là phần Tender với các hệ thống được thiết kế cực kỳ hiện đại tương ứng để tạo nên một thể thống nhất và đồng bộ. Phần Tender là một thân giàn bán chìm được trang bị các hệ thống thiết bị cần thiết để hỗ trợ cho phần DES trong quá trình thực hiện công tác khoan như: cung cấp năng lượng, dung dịch khoan, công tác nâng hạ, nhà ở, các dịch vụ thông tin liên lạc, truyền tải và chuyển giao dữ liệu... Giàn khoan TAD của PVD Deepwater có thể hoạt động ở vùng nước có độ sâu lên đến 2.000 m nước nhờ hệ thống neo định vị và kiểm soát cân bằng giàn hiện đại. Hệ thống cân bằng giàn sẽ phân tích, tính toán độ ổn định để phân bố tải trọng trên giàn khoan, đảm bảo cho giàn khoan hoạt động an toàn và hiệu quả ở các điều kiện khí tượng thủy văn biển và địa chất đáy biển khác nhau. Để đảm bảo giàn hoạt động an toàn và hiệu quả, hệ thống kiểm soát cân bằng giàn được kết hợp với hệ thống neo định vị giàn. Hệ thống neo này được thiết kế với 8 điểm neo

với tời neo thế hệ mới nhất hiện nay để đảm bảo định vị vị trí của giàn khoan trong những điều kiện thời tiết gió bão lớn không chỉ ở các vùng biển Việt Nam, mà còn ở khu vực Đông Nam Á, Nam Á, Trung Âu và vịnh Mexico. Giàn khoan TAD là giàn khoan đầu tiên trên thế giới được trang bị hệ thống neo thế hệ mới nhất MK6 Stevpris với đường kính dây neo lên đến 8.255 cm (3 - 1/4") tạo ra lực giữ neo rất lớn (tối thiểu là 611 MT) để đảm bảo giàn làm việc an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Để thực hiện công tác nâng hạ các mã thiết bị có tải trọng rất lớn trong quá trình lắp ráp các module của cụm thiết bị khoan DES từ Tender lên giàn đầu giếng (WHP) một cách an toàn và hiệu quả, giàn khoan TAD của PVD Deepwater được trang bị một cần cẩu chuyên dụng PC400 với tải trọng tối đa lên tới 300 MT. Đây là cần cẩu có tải trọng lớn nhất so với các giàn khoan TAD hiện hữu trên thế giới nên sẽ giúp việc nâng hạ các mã thiết bị một cách an toàn, nhanh chóng, giảm thiểu thời gian không sản xuất.



## Chiến lược phát triển

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng tăng, việc thiết lập nền tảng vững chắc để PV Drilling vươn ra thị trường các nước trong khu vực là điều kiện tất yếu để phát triển bền vững.



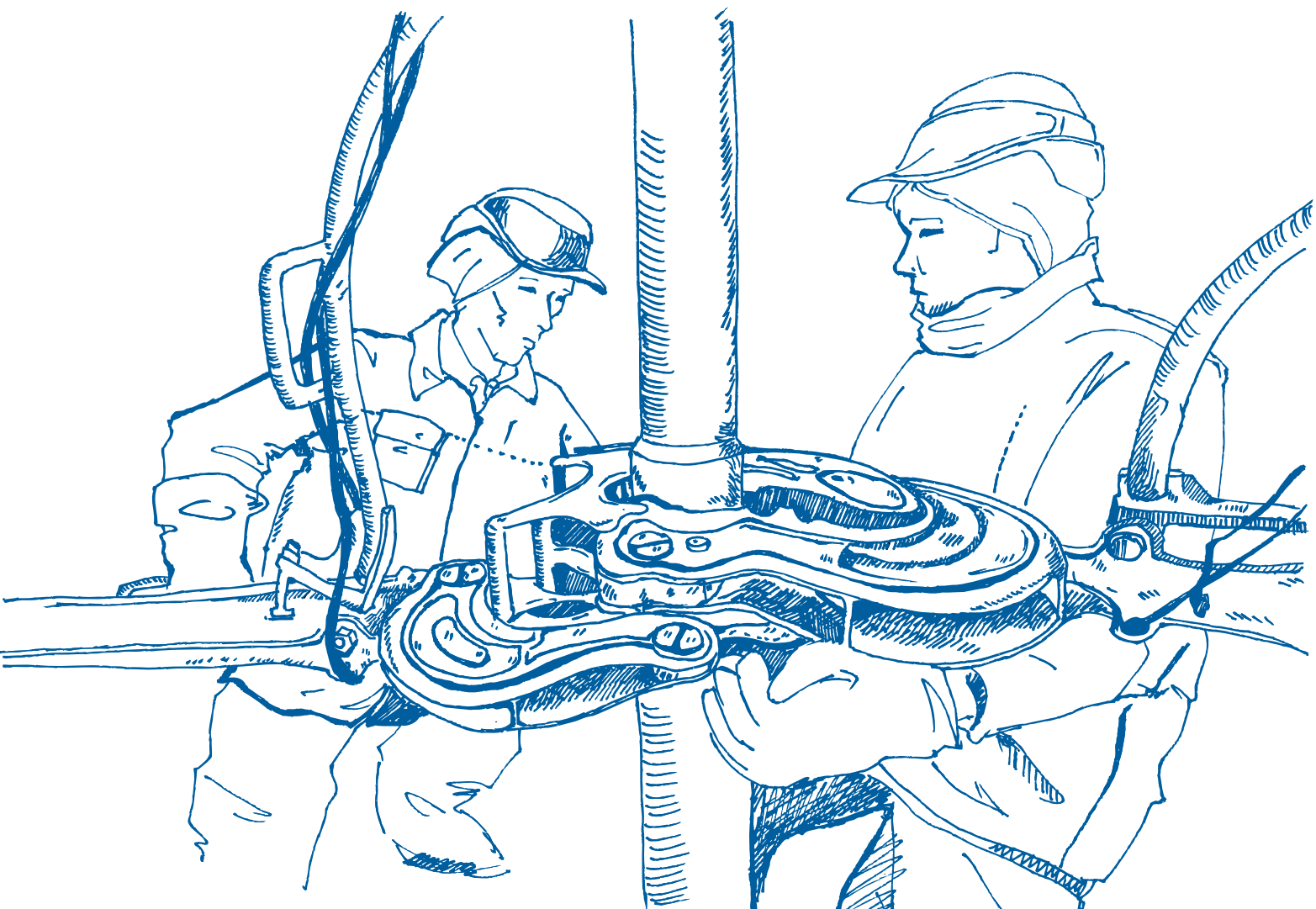


## Thị trường khoan và thị phần của PV Drilling

Để giữ vững, mở rộng, phát triển và gia tăng thị phần, PV Drilling cần phải nỗ lực hợp tác đầu tư thêm các giàn khoan khác để chủ động hơn trong việc cung cấp giàn khoan tại Việt Nam cũng như tiến tới việc cung cấp giàn khoan cho các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Kết thúc năm 2011, nền kinh tế thế giới bước vào năm 2012 trong bối cảnh kinh tế Mỹ có dấu hiệu khởi sắc nhưng một số quốc gia Châu Âu tiếp tục đối mặt với khủng hoảng nợ công khiến cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu có dấu hiệu tăng chậm lại. Mặc dù vậy, nhu cầu năng lượng toàn cầu không vì vậy mà giảm đà tăng trưởng. Nếu như tăng trưởng nhu cầu năng lượng trong năm 2011 tăng 0,9%, giá dầu thô ở mức từ 85 USD/thùng đến 95 USD/thùng (dầu WTI) thì năm 2012 mức tăng trưởng nhu cầu năng lượng được dự đoán tăng

ở mức 1,6%, giá dầu thô có xu hướng tăng và đạt mức từ 95 USD/thùng đến 105 USD/thùng. Mặt khác, giá dầu có thể tăng đột biến ở mức cao trong trường hợp khủng hoảng chính trị gia tăng hoặc chiến tranh nổ ra ở Trung Đông. Ngay trong những giai đoạn hiện nay, nhiều nước đã buộc phải tìm nguồn cung cấp dầu ở một số khu vực khác, do lệnh cấm nhập khẩu dầu từ Iran của Mỹ đã có hiệu lực. Điều này làm cho nhu cầu gia tăng sản lượng dầu khí và nhu cầu khoan ở một số khu vực khác, trong đó có Đông Nam Á ngày càng nhiều hơn.



Những dấu hiệu nêu trên sẽ có tác động lớn đối với thị trường cung cấp giàn khoan. Nhu cầu các giàn khoan tự nâng thế hệ mới, giàn khoan nước sâu và tàu khoan trong năm 2012 tiếp tục duy trì ở mức cao trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Hơn thế nữa, các chương trình khoan đã được tái khởi động từ năm 2011 của các Công ty Dầu khí trong khu vực Đông Nam Á, bao gồm cả các Công ty Dầu khí Việt Nam sẽ tiếp tục được phát triển và mở rộng trong năm 2012.

Theo số liệu thống kê, mặc dù số lượng giàn tự nâng trên thế giới hoàn thành đóng mới đưa vào thị trường năm 2012 là 25 giàn, cao hơn 39% so với năm 2011 (18 giàn) nhưng tốc độ tăng nhu cầu về giàn (tăng 15% từ 353 giàn vào tháng 01/2012 lên đến 406 giàn vào tháng 12/2012) lớn hơn so với tốc độ tăng về số lượng giàn tham gia thị trường (tăng 7,7% từ 404 giàn vào tháng 01/2012 lên đến 435 giàn vào tháng 12/2012) sẽ làm cho giá thuê giàn có xu hướng tăng. Tỷ lệ giàn khoan tự nâng được sử dụng trên thế giới tính đến thời điểm cuối năm 2012 dự báo ở mức 93,4% và giá thuê giàn trung bình trên thế giới được dự đoán trong năm 2012 sẽ tăng khoảng 5 - 10%. (Nguồn: Theo ODS PetroData).

Đặc biệt, các dấu hiệu cho thấy năm 2012 được đánh dấu như năm tăng tốc trong xu thế chuyển đổi từ giàn thế hệ cũ sang giàn thế hệ mới. Trải qua một thời gian, ngày nay các nhà thầu dầu khí đã hoàn toàn xác định được tính ưu việt và vượt trội của các giàn thế hệ mới. Rất nhiều nhà thầu đã không còn nhu cầu sử dụng giàn cũ. Bản thân các công ty khoan cũng không tỏ ra mạnh dạn khi đầu tư thêm vào việc nâng cấp, cải tạo các giàn đã quá nhiều tuổi. Thay vào đó là tiến hành việc đầu tư, mua các giàn khoan mới. Điều này dẫn đến một sự thiếu hụt nguồn cung tạm thời trong năm 2012 do rất nhiều giàn khoan thế hệ mới đều đang trong quá trình đóng mới, xuất xưởng vào năm 2013 - 2014 với khoảng 52 giàn trên toàn thế giới.

Sự cạnh tranh của thị trường giàn khoan tại khu vực Đông Nam Á không nằm ngoài tình hình chung của thị trường thế giới khi nguồn cung giàn khoan trong tình trạng vượt so với cầu. Khó khăn đối với những nhà thầu khoan vẫn còn khi sự cạnh tranh của thị trường khoan trên thế giới vẫn nóng và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Tỷ lệ giàn khoan được sử dụng trong khu vực năm 2011 mặc dù tăng so với tỷ lệ năm 2010 nhưng không nhiều (1,95%) và đạt ở mức 88,99% nên các nhà thầu khoan tiếp tục cạnh tranh gay gắt về giá, thậm chí chấp nhận cung cấp giàn khoan trong thời gian ngắn để có được hợp đồng khoan.

Tuy nhiên, các nhà thầu dầu khí có nhu cầu sử dụng giàn khoan mới đưa vào hoạt động với những đặc tính

kỹ thuật hiện đại, an toàn để thay thế những giàn cũ và việc sử dụng giàn mới sẽ đem lại hiệu suất hoạt động và hiệu quả kinh tế cao cho các nhà thầu này. Do vậy, giá cho thuê giàn tự nâng 300 - 400 feet nước được ký mới trong năm 2011 ở Đông Nam Á trong khoảng 120,000 - 130,000 USD/ngày và sẽ có xu hướng tăng 5 - 10% trong năm 2012.

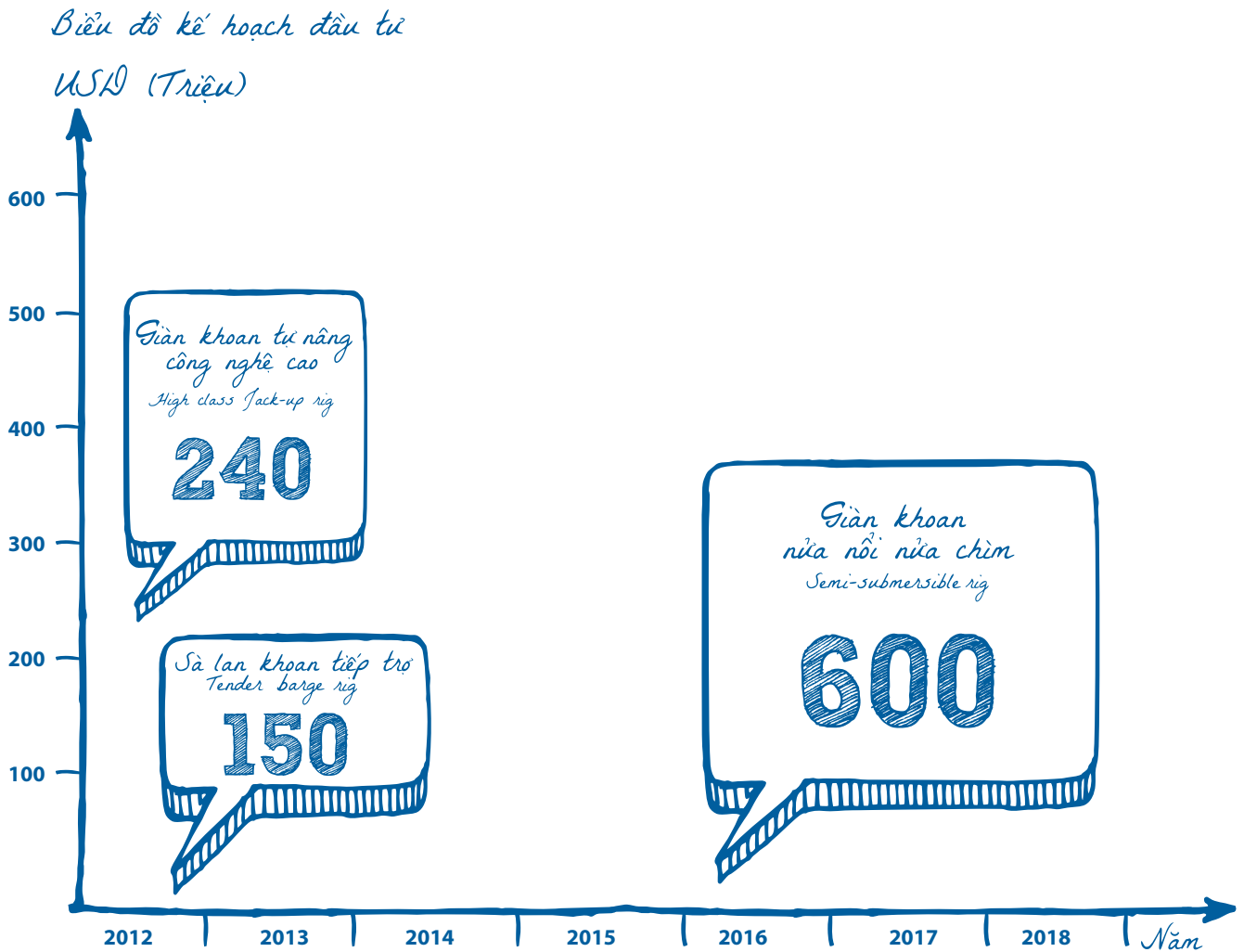
Trong giai đoạn thị trường còn nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, nhưng với sự nỗ lực hết mình, PV Drilling tin tưởng sẽ vượt qua những khó khăn này để duy trì việc chiếm lĩnh 50% thị phần giàn khoan tự nâng tại Việt Nam, với mục tiêu tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài để thuê thêm giàn, bên cạnh việc điều hành hiệu quả 3 giàn khoan sở hữu. PV Drilling sẽ tiếp tục phát triển hình thức hợp tác này nhằm giữ vững và mở rộng thị trường dịch vụ khoan trong nước, tiếp cận với thị trường trong khu vực nhằm tăng doanh thu và giảm cạnh tranh. Tuy nhiên, do nhu cầu giàn khoan trên thế giới đang tăng mạnh, dẫn đến thiếu hụt nguồn cung giàn khoan trong năm 2012, các nhà thầu khoan quốc tế đã phải sử dụng tối đa các giàn khoan hiện hữu, rút các giàn khoan đang cho PV Drilling thuê ra khỏi thị trường Việt Nam. Vì vậy, với lợi thế là công ty khoan trong nước và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV Drilling sẽ tích cực làm việc với các nhà thầu dầu khí trong nước để kết nối được các chương trình khoan ngắn hạn thành một chương trình dài, tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc hợp tác và thuê thêm giàn khoan hoạt động tại thị trường Việt Nam.

Để giữ vững, mở rộng, phát triển và gia tăng thị phần, PV Drilling cần phải nỗ lực hợp tác đầu tư thêm các giàn khoan khác để chủ động hơn trong việc cung cấp giàn khoan tại Việt Nam cũng như tiến tới việc cung cấp giàn khoan cho các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Trên bước đường phát triển với mục tiêu trở thành nhà thầu khoan chuyên nghiệp, bên cạnh việc duy trì và mở rộng thị phần khoan của giàn khoan tự nâng tại Việt Nam, sự tham gia của giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V khi thực hiện khoan cho chương trình khoan dài hạn của Công ty Biển Đông POC năm 2012 đã ghi nhận sự thâm nhập của PV Drilling vào thị trường khoan nước sâu tại Việt Nam. Hơn thế nữa, PV Drilling hiện đang hợp tác chặt chẽ với Diamond Offshore trong việc cung cấp giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho các nhà thầu dầu khí tại Việt Nam để tạo thêm giá trị gia tăng và tính chủ động trong hoạt động điều hành, đồng thời cũng nâng cao vị thế và năng lực của PV Drilling trong lĩnh vực khoan nước sâu.



## Định hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh dài hạn



Liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới.

Trước xu hướng phát triển của thị trường khoan, cũng như xác định được vị thế của mình trên thị trường, PV Drilling tin tưởng trong những năm tới sẽ có nhiều cơ hội tốt cho sự phát triển và gia tăng thị phần. Trong kế hoạch phát triển trung và dài hạn, PV Drilling tiếp tục hướng đến sự phát triển bền vững thông qua tập trung đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật cao liên quan đến khoan, trong đó PV Drilling xác định rõ những định hướng như sau:

- Xây dựng PV Drilling thành một thương hiệu có uy tín bằng cách tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, phát triển và triển khai các chiến lược tiếp thị và chăm sóc khách hàng, tìm kiếm, quản lý theo dõi và phát triển quan hệ đối tác bền vững với các khách hàng tiềm năng, lấy đó làm cơ sở định hướng nâng cao chất lượng và phát triển sản xuất dịch vụ.
- Phát triển đi đôi với quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực, tạo điều kiện phát triển toàn diện trong lĩnh vực khoan dầu khí, đặc biệt chú trọng phát triển các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, nhất là các dịch vụ do PV Drilling tự thực hiện và các dịch vụ chế tạo, đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ.
- Liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới.
- Củng cố và phát triển đội ngũ nhân lực vững mạnh, xây dựng một hệ thống quản lý nhân sự mang tính chuyên nghiệp, xem xét và tái cấu trúc hệ thống lương bổng và phúc lợi cho phù hợp với thị trường và chính sách của Tổng Công ty để thu hút các chuyên gia, cán bộ có kinh nghiệm, làm nền tảng cho sự phát triển của PV Drilling, xây dựng bản sắc và văn hóa của PV Drilling trên cơ sở nhân lực năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và quản lý chuyên nghiệp.
- Tăng cường mối quan hệ với khách hàng và đối tác hiện hữu và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác khác trên thế giới để phát triển nhanh, chiếm lĩnh và đứng vững ở thị trường trong nước, đồng thời đẩy mạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh trên thị trường quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo huy động được mọi nguồn lực.
- PV Drilling phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân đối với các chỉ tiêu tài chính trong giai đoạn 2013 - 2015 như sau:
  - + Doanh thu: tăng trưởng bình quân 20%/năm
  - + Lợi nhuận sau thuế: tăng trưởng bình quân 15%/năm

**Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững và thực hiện kế hoạch kinh doanh dài hạn nói trên, PV Drilling cần tập trung triển khai và thực hiện các nhóm giải pháp như sau:**

#### **Mở rộng thị trường ra nước ngoài:**

Mở rộng thị trường ra nước ngoài là một trong những định hướng trọng tâm của PV Drilling trong giai đoạn phát triển mới, cùng nhịp với xu thế hội nhập ngày càng sâu và rộng của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Cho đến nay, dịch vụ cung cấp giàn khoan của PV Drilling đã chiếm lĩnh khoảng 50% thị phần trong nước; một số dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan đã chiếm tỷ lệ rất cao tại thị trường Việt Nam (80% - 100%). Trước áp lực cạnh tranh ngày càng tăng thì việc mở rộng và phát triển dịch vụ ra nước ngoài là điều kiện tất yếu để tồn tại và phát triển bền vững của PV Drilling, trong đó PV Drilling cần chú trọng:

- Khai thác tối đa lợi thế sẵn có ở thị trường trong nước, sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên trong, trong đó nguồn lực về giá trị công nghệ cao, nguồn nhân lực trình độ cao và kinh nghiệm quản lý kinh tế sẽ là những giá trị cốt lõi của PV Drilling.
- Duy trì hoạt động có hiệu quả của các giàn khoan là yếu tố quyết định. Với uy tín đã được khẳng định của PV Drilling trong lĩnh vực khoan dầu khí, PV Drilling đã trở thành một thương hiệu và là một trong những lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực khoan dầu khí tại Việt Nam. Việc đảm bảo hiệu suất cao trong quá trình hoạt động cũng như chú trọng thực hiện tốt và thường xuyên công tác bảo trì và bảo dưỡng, đáp



## Kế hoạch kinh doanh dài hạn



ứng mọi yêu cầu của sản xuất, đặt biệt chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành giàn khoan cũng như trong toàn doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính ổn định và xuyên suốt của cả hệ thống. Điều này sẽ là nền tảng của PV Drilling trong lộ trình vươn ra biển lớn.

- Tiếp tục tăng cường hợp tác với các nhà thầu khoan lớn trên thế giới để cung cấp các giàn khoan dưới hình thức liên doanh, liên kết... nhằm giữ vững và mở rộng thị trường, đồng thời học hỏi và tiếp thu kinh nghiệm, trình độ và năng lực quản lý theo hướng chuyên nghiệp, đạt chuẩn quốc tế.
- Song song với dịch vụ cung cấp giàn khoan, PV Drilling sẽ đẩy mạnh phát triển các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan mà PV Drilling đã làm chủ công nghệ như đo địa vật lý giếng khoan, kiểm định sửa chữa thiết bị khoan, thử vỉa v.v... Các dịch vụ này ngoài việc tập trung phát triển trong khu vực, sẽ được tăng

cường sang các thị trường xa hơn như Châu Mỹ La Tinh, Trung Đông, Bắc Phi hòa chung trong chiến lược và chương trình mở rộng thăm dò và khai thác dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

### ***Đẩy mạnh liên kết và hợp tác đầu tư, mua đóng mới giàn khoan:***

PV Drilling sẽ tiếp tục tăng cường và mở rộng đội ngũ giàn khoan, đặc biệt là giàn khoan tự nâng. Số lượng giàn khoan tự nâng do PV Drilling sở hữu chỉ đáp ứng khoảng 1/4 nhu cầu giàn khoan ngay tại Việt Nam. Trong giai đoạn tới, việc sở hữu thêm từ một đến hai giàn khoan hoặc nhiều hơn là thực sự rất cần thiết và phù hợp với năng lực của PV Drilling. Một điều có tính khẳng định chắc chắn là, với số lượng giàn khoan tăng lên hợp lý, PV Drilling hoàn toàn có thể đảm bảo hiệu quả sử dụng giàn ở mức cao, củng cố và mở rộng thị trường trong nước bằng chính nội lực của mình, đồng thời đảm bảo đủ nguồn lực để cung cấp ra nước ngoài.

Ngoài ra, PV Drilling sẽ tiếp tục thâm nhập vào thị trường cung cấp giàn khoan tiếp trợ, đặc biệt là xà lan khoan đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và trong khu vực trong giai đoạn mới.

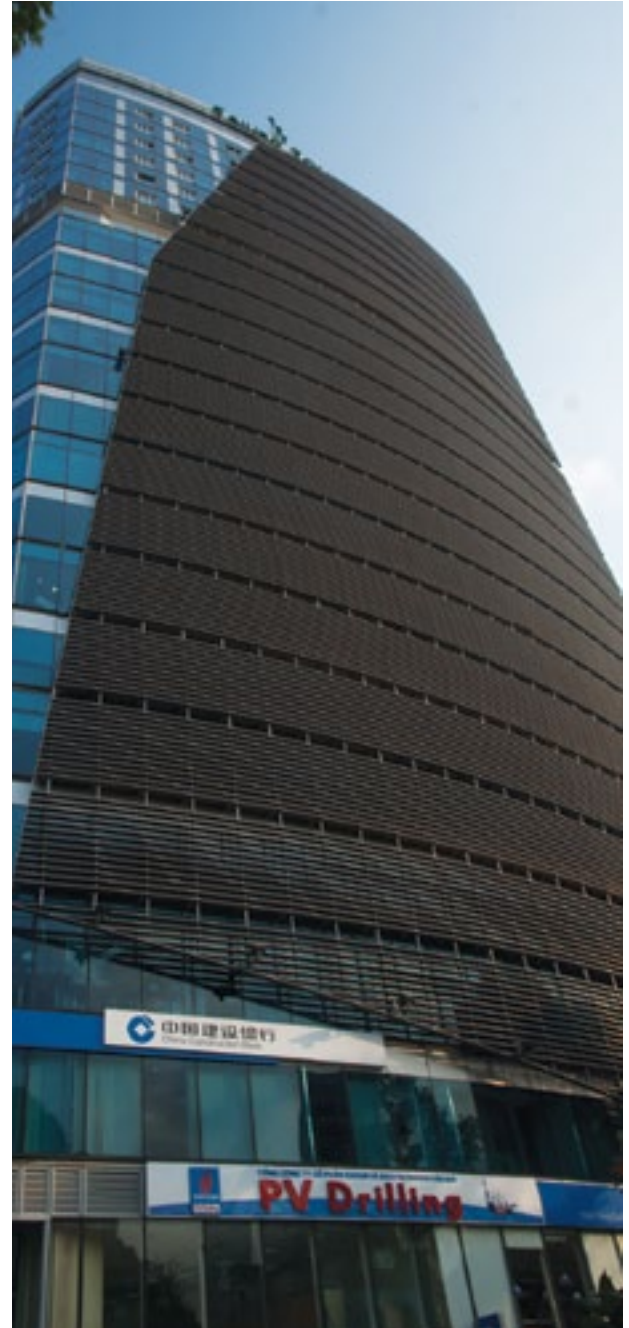
PV Drilling sẽ không ngừng hợp tác với các đối tác khách hàng và nhà thầu dầu khí để kịp thời nắm bắt nhu cầu các loại hình giàn khoan mới, công nghệ hiện đại đồng thời triển khai các phương án đầu tư có tính hiệu quả, bắt kịp với xu thế phát triển của ngành khoan dầu khí. Việc phát triển đội ngũ giàn khoan sẽ được PV Drilling thực hiện bằng nhiều phương án. Ngoài việc tự đầu tư, PV Drilling sẽ thực hiện các phương án liên doanh, liên kết, hoặc thực hiện quản lý điều hành các giàn khoan do các đối tượng khác đầu tư và sở hữu.

***Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong việc phát triển kinh doanh:***

Trong kế hoạch phát triển trung và dài hạn của mình, PV Drilling tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các giàn khoan mới nhất, hiện đại nhất, phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao. PV Drilling liên tục cập nhật và áp dụng kỹ thuật tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực khoan, nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư thiết bị hiện đại, phát triển dịch vụ chuyên ngành khoan như cắt tiện ren ống chống và ống khai thác dầu khí, nghiên cứu đầu tư các loại hình giàn khoan mới phục vụ công tác khoan, thử vỉa, sửa chữa giếng khoan, khai thác sớm và chứa dầu... cũng như đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ kỹ sư khoan.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng tại thị trường trong nước cũng như thị trường khu vực và thế giới, PV Drilling đã và đang chủ động đầu tư trang thiết bị hiện đại. Việc đầu tư thêm các thiết bị chuyên ngành khoan với kỹ thuật cao, có xác định mục tiêu, sẽ làm tăng hiệu quả kinh doanh của các loại dịch vụ, nâng cao ưu thế cạnh tranh của PV Drilling trên thị trường quốc tế.

Mặc khác, PV Drilling cũng tăng cường mối quan hệ với đối tác hiện hữu và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín, có khả năng về công nghệ và dịch vụ tốt trên thế giới để phát triển dịch vụ tại thị trường Việt Nam. Cho đến nay, PV Drilling đã đạt được những thành công đáng kể trong quá trình hợp tác, liên doanh với các công ty dịch vụ như Baker Hughes, BJ, PTI... Các hình thức hợp tác này tiếp tục được duy trì, phát triển và mở rộng trong thời gian tới.





## Mục tiêu năm 2012



### Các chỉ tiêu kế hoạch

Kinh tế thế giới năm 2012 được dự đoán về nhiều mặt vẫn tiếp tục khó khăn nhưng có điểm sáng tăng trưởng và cải thiện hơn so với năm 2011. Khủng hoảng nợ công Châu Âu có dấu hiệu hạ nhiệt. Châu Á được dự báo là sẽ giữ vai trò thúc đẩy kinh tế toàn cầu.

Thị trường giàn khoan khu vực Đông Nam Á và tại Việt Nam đang hồi phục và có dấu hiệu sôi động trở lại cùng với nhu cầu giàn khoan tăng. Ước tính từ năm 2012 - 2015, bình quân các nhà thầu dầu sẽ khoan từ 65 - 75 giếng khoan/năm và hơn 100 giếng khoan thân nhỏ/năm, với ngân sách khoảng 1,5 - 1,7 tỷ USD/năm.

Hiện nay giá dầu thế giới đang có xu hướng tăng một cách ổn định từ quý 4/2011, đạt ngưỡng trên 100 USD/thùng và đạt cao nhất là 125 USD/thùng vào ngày 24/2/2012. Dự báo giá dầu sẽ còn tăng trong tương lai.

Dựa trên tình hình kinh tế và thị trường khoan, PV Drilling phấn đấu đạt mức tăng trưởng cho năm 2012 là:

**Chỉ tiêu tăng trưởng 2012**

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2011	2012 VS 2011
Doanh thu	Tỷ đồng	10.100	9.211	9,65%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.314	1.229	6,90%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.150	1.067	7,77%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.316	2.105	10,00%
Tỷ suất LNST/VĐL bình quân %		52,03%	50,69%	
Tỷ suất LNST/Vốn CSH %		16,43%	18,70%	

**GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2012**

Thực thi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 nêu trên, PV Drilling tiếp tục thực hiện các định hướng đúng đắn đã đề ra, khẳng định hình ảnh Người tiên phong trong lĩnh vực Khoan dầu khí. Năm 2012, PV Drilling xây dựng chiến lược nâng cao giá trị bền vững, trong đó chú trọng vào các giải pháp sau:

**Đối với hoạt động SXKD**

Trong các giải pháp đề ra năm 2012, PV Drilling đặc biệt chú trọng đến đầu tư trọng điểm vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi để đón đầu tương lai, bao gồm:

- **Đầu tư một Giàn khoan tự nâng thế hệ mới (Jack-up)** để đáp ứng nhu cầu khoan tại Việt Nam và trong khu vực. Tại Việt Nam nhu cầu giàn khoan tự nâng khá ổn định từ 10 - 15 giàn hoạt động liên tục hàng năm, trong đó gồm 3 giàn khoan tự phục vụ của Vietsovpetro và 3 giàn khoan cung cấp dịch vụ của PV Drilling, các giàn còn lại phải thuê từ các nhà thầu khoan nước ngoài, vì thế việc đầu tư loại giàn khoan này sẽ đáp ứng được nhu cầu rất cần thiết hiện nay của khách hàng.
- **Đầu tư một Sà lan khoan tiếp trợ (Tender Barge)** là loại giàn khoan có tính chuyên dụng và có tiềm năng phát triển rất lớn trong tương lai. Trước mắt giàn khoan này dự kiến sẽ phục vụ dự án phát triển tìm kiếm thăm dò và khai thác dài hạn 10 - 20 năm của Công ty Chevron.

Ngoài ra, để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, PV Drilling bảo đảm các mục tiêu được thực thi một cách hiệu quả nhất:

- **Vận hành an toàn và hiệu quả các giàn khoan** do PV Drilling sở hữu, đảm bảo hiệu suất hoạt động bình quân của các giàn khoan tự nâng đạt trên 98% và giàn TAD đạt 95%. Tích cực chủ động hợp tác với các nhà thầu khoan có tiềm lực và uy tín trên thế giới để cung cấp giàn khoan cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam.
- **Tăng cường và phát triển các dịch vụ kỹ thuật khoan** thuộc thế mạnh của PV Drilling, đồng thời nâng cao phát triển dịch vụ mới nhằm tăng cường năng lực dịch vụ của PV Drilling.
- **Đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ ra nước ngoài** nhằm mở rộng thị trường, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài và bền vững của PV Drilling.
- Đầu tư, cải tiến kỹ thuật công nghệ, tiếp tục **hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật**.
- Chủ động nắm bắt thông tin về kế hoạch khoan, **tích cực tìm kiếm khách hàng** bằng cách tăng cường công tác marketing cho các giàn khoan, tích cực tạo mối quan hệ tốt với các công ty dầu khí để tìm hiểu về các chương trình khoan của họ.
- **Tăng cường sử dụng dịch vụ trong nội bộ PV Drilling** nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh (DV cung cấp nhân lực, cơ khí, đào tạo...).

# Mục tiêu năm 2012



## **Đối với công tác quản trị nguồn nhân lực**

PV Drilling đã xác định giải pháp đột phá về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015 là hoàn thiện và phát triển hệ thống quản trị nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế, triển khai áp dụng đồng bộ trong toàn Tổng Công ty.

Để thực hiện giải pháp đột phá nói trên, Tổng Công ty đưa ra một số trọng tâm hoạt động về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong năm 2012 như sau:

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn: số lao động của PV Drilling năm 2012 dự kiến chỉ tăng khoảng 8% so với năm 2011 (ước khoảng 1.950 người), chủ yếu tập trung tăng ở khối chuyên gia, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao chiếm gần 70% tổng số lao động của Tổng Công ty.
- Phát triển Mô hình tiêu chuẩn lãnh đạo PV Drilling: để có nền tảng lựa chọn, đánh giá, phát triển đội ngũ quản lý có chất lượng đảm đương các vị trí trọng yếu

của Tổng Công ty, PV Drilling tiến hành xây dựng Mô hình tiêu chuẩn lãnh đạo phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi của tổ chức, đồng thời cũng xây dựng Lộ trình phát triển lãnh đạo của PV Drilling cho các cấp độ quản lý. Mô hình tiêu chuẩn lãnh đạo và Lộ trình phát triển lãnh đạo PV Drilling dự kiến sẽ được triển khai áp dụng tại Tổng Công ty từ quý II năm 2012.

- Chính sách đãi ngộ: Năm 2011, PV Drilling đã ban hành và áp dụng hệ thống lương thưởng và phúc lợi mới: có xem xét các yếu tố thị trường lương trong và ngoài ngành, gắn kết thu nhập với hiệu quả công việc của mỗi cá nhân cũng như vai trò đóng góp của vị trí công việc trong cơ cấu chung của Tổng Công ty. Năm 2012, PVD sẽ tập trung đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc có kết nối với hệ thống lương thưởng phúc lợi, hệ thống tiêu chuẩn năng lực để làm cơ sở đánh giá, tuyển chọn và đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

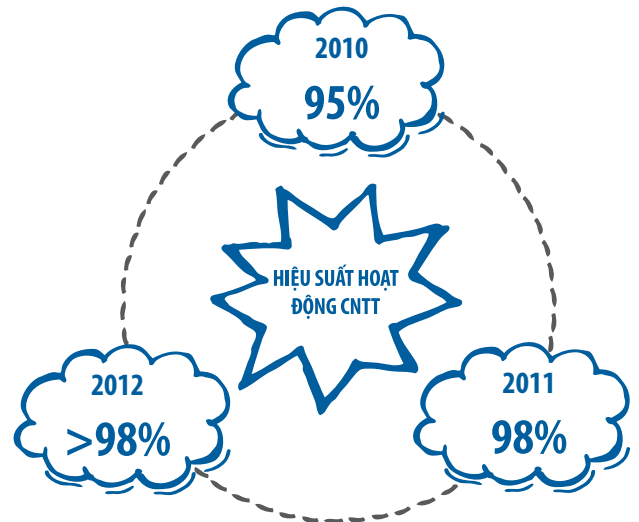
### Quản trị tài chính để phát triển và bền vững

Có thể thấy rằng, PV Drilling là một doanh nghiệp có tình hình tài chính ổn định và hoàn toàn minh bạch. Đây là điều kiện tiên quyết giúp cho hoạt động kinh doanh của PV Drilling diễn ra một cách nhịp nhàng, đồng bộ, đạt hiệu quả cao. Sự ổn định đó có được là phụ thuộc phần lớn vào khả năng quản trị tài chính của Ban lãnh đạo PV Drilling, bởi vì kể từ khi thành lập đến nay Ban lãnh đạo PV Drilling luôn chú trọng công tác quản trị tài chính với mục tiêu duy nhất là đưa PV Drilling phát triển một cách bền vững nhằm gia tăng giá trị và tối đa hóa lợi nhuận cho PV Drilling cũng như cho cổ đông của mình. Để theo đuổi mục tiêu này, PV Drilling kiên trì thực hiện các công tác sau:

- Quản lý, kiểm soát & hoạch định nguồn vốn một cách tối ưu nhất, bao gồm thực hiện công tác quản trị dòng tiền một cách hiệu quả, quản lý được dòng tiền trong tương lai; kiểm soát ngân sách chặt chẽ; hoạch định kế hoạch huy động vốn một cách rõ ràng và khả thi.
- Kiểm soát tài chính: nâng cao công tác kiểm soát tài chính thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ của PV Drilling bằng cách thường xuyên kiểm tra hệ thống đánh giá, giám sát song song với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của các nhà quản lý PV Drilling trước thực trạng tình hình kinh tế ngày càng khó khăn và một số tập đoàn kinh tế hoạt động kém hiệu quả, đầu tư dàn trải, nợ nần chồng chất đã dẫn đến sự đổ vỡ do yếu kém trong kiểm soát tài chính.
- Giám sát và hỗ trợ việc lập Kế hoạch tài chính dài hạn: Năm 2012 sẽ là năm đầu tiên PV Drilling triển khai thực hiện công tác lập kế hoạch tài chính dài hạn trong toàn PV Drilling. Công tác này đóng một vai trò rất quan trọng vì nó định hướng tương lai phát triển của PV Drilling, từ đó hoạch định các nguồn lực tài chính để thực thi các chiến lược phát triển mở rộng, sẵn sàng cho các kế hoạch đầu tư lớn đồng thời vẫn đảm bảo nguồn vốn lưu động trong sản xuất kinh doanh.

### Tiếp tục phát triển hệ thống Công nghệ thông tin, hỗ trợ đắc lực trong quản lý kinh doanh

Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) của năm vừa qua đã phát huy tối đa vai trò hỗ trợ trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu suất hoạt động của hệ thống lên đến 98%.



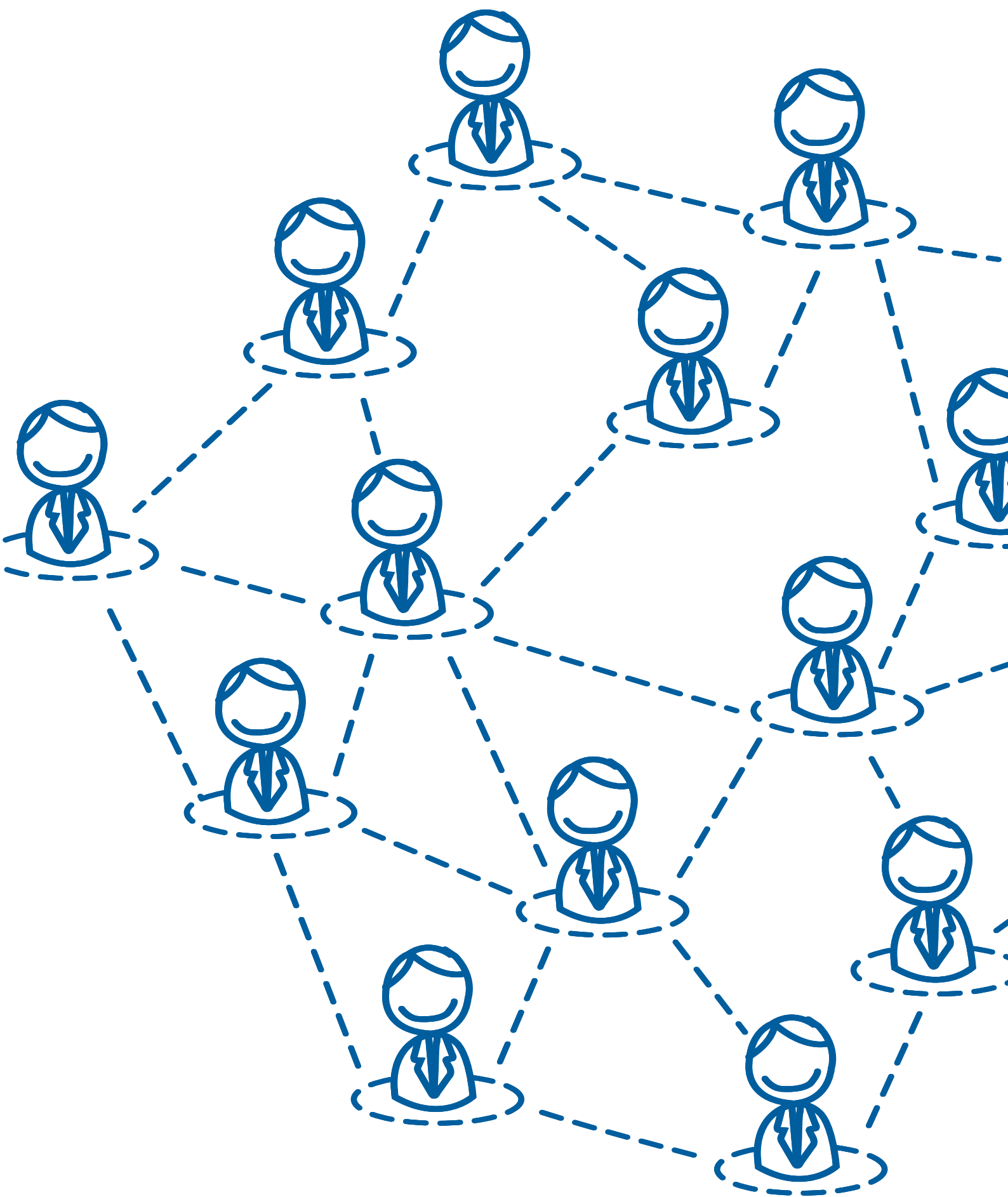
Năm 2012, PV Drilling tiếp tục phát triển hệ thống CNTT với các nhiệm vụ sau:

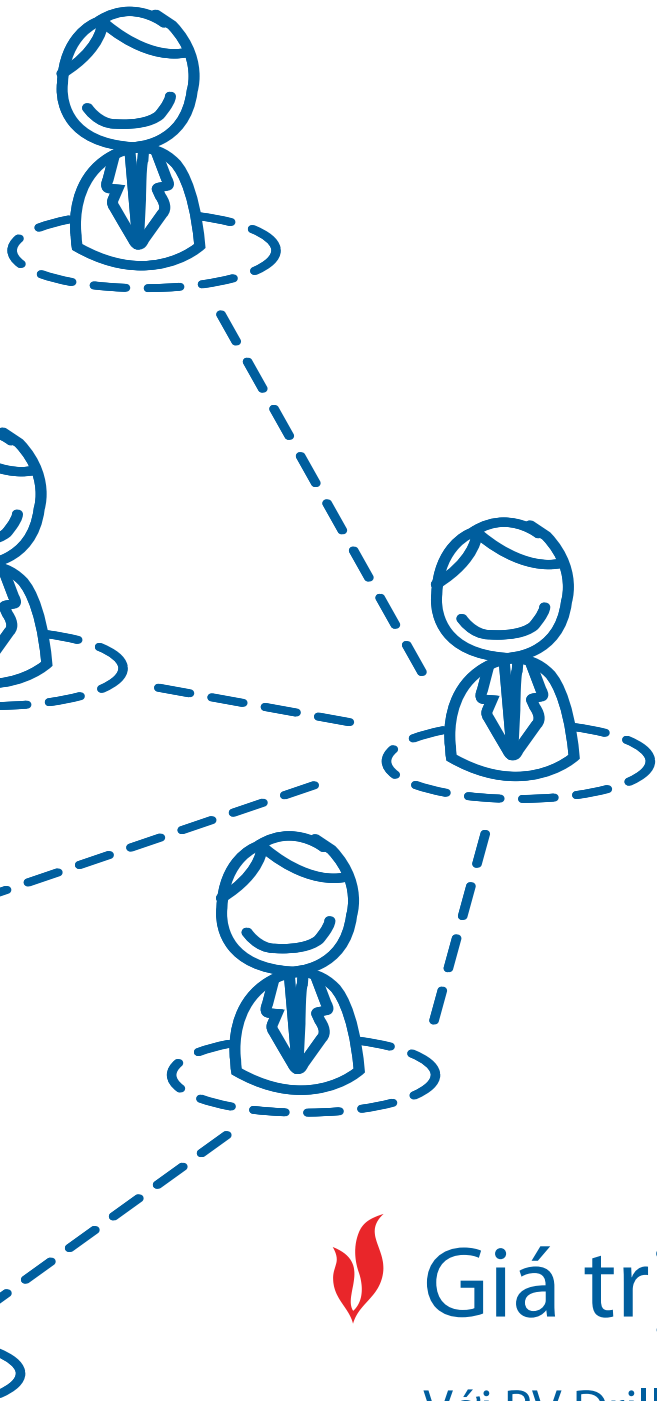
Quy hoạch hợp nhất hệ thống hạ tầng CNTT tạo ra nền tảng điện toán đám mây (cloud computing) cho các ứng dụng CNTT tại PV Drilling và phát triển mới hệ thống hạ tầng CNTT đảm bảo khai thác thông tin hoạt động liên tục có tính dự phòng cao.

Tiếp tục dự án Business Intelligence - Oracle Hyperion để nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tổng Công ty.

Xây dựng cổng thông tin nội bộ (intranet) trên nền tảng Microsoft Sharepoint Portal để phát triển các hệ thống ứng dụng quản lý: hệ thống quản lý công văn (IDoc), hệ thống văn phòng số, hệ thống số hóa tài liệu (ECM)

Đảm bảo vận hành ổn định hệ thống CNTT đạt hiệu suất trên 98% để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là bảo đảm hệ thống CNTT của các giàn khoan được hoạt động liên tục.





## Giá trị cộng đồng

Với PV Drilling, bên cạnh việc tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, việc tự nguyện thực hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội cũng là hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.





## Các hoạt động hướng đến cộng đồng



## Trong năm 2012, Tổng Công ty PV Drilling cam kết sẽ tiếp tục thực hiện và thực hiện nhiều hơn nữa các công tác an sinh xã hội để việc hướng về cộng đồng, hướng về xã hội thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV PV Drilling.

Với bề dày 10 năm hình thành và phát triển, PV Drilling luôn đề cao ý thức trách nhiệm của mình với cộng đồng, với xã hội và dành một phần không nhỏ lợi nhuận để đồng hành cùng cộng đồng. Với PV Drilling, bên cạnh việc tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, việc tự nguyện thực hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội cũng là hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Đặc biệt, để hưởng ứng chương trình “Thực hiện chiến lược an sinh xã hội của Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020” của Chính phủ cũng như chương trình an sinh xã hội của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong năm vừa qua Tổng Công ty đã đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai các chương trình an sinh xã hội, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng chăm sóc y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, tăng cường đóng góp sức người, sức của tạo động lực tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội vì mục tiêu phát triển con người, phát huy tối đa nguồn lực con người. Với mục tiêu cao đẹp nói trên và với tấm lòng nhiệt huyết, sự tận tâm của Công đoàn, Đoàn Thanh Niên cùng toàn thể CBCNV Tổng Công ty, các công tác an sinh xã hội đã được thực hiện liên tục, hiệu quả xuyên suốt năm 2011, bao gồm:

- 🕒 Tiếp tục tổ chức và tài trợ toàn bộ kinh phí Giải bóng đá thiếu nhi các làng trẻ SOS toàn quốc; tài trợ chương trình “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam” do Trung Ương Đoàn Thanh Niên tổ chức;
- 🕒 Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống giáo dục trong nước thông qua việc hỗ trợ xây dựng trường Mầm non Nhan Biểu, Triệu Phong - Quảng Trị; hỗ trợ

trang thiết bị dạy học cho trường Mầm non Đại Hòa, Quảng Nam; tài trợ học bổng cho 2 trường Tiểu học Thụy Ninh & THCS Thụy Trường, tỉnh Thái Bình; tài trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc năm cuối các trường Đại học Mở Địa chất, Bách Khoa Hà Nội, Bách Khoa TP.HCM, Khoa học Tự nhiên, Luật TP.HCM, Kinh tế TP.HCM và Ngoại Thương TP.HCM; hỗ trợ kinh phí cho Hội Phật giáo Việt Nam, trường Đại học Dầu khí; tặng 900 cặp sách và 5.000 cuốn tập cho học sinh nghèo nhân dịp năm học mới 2011 - 2012;

- 🕒 Xây dựng trạm y tế xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân; nâng cao chất lượng y tế cộng đồng;
- 🕒 Hỗ trợ đồng bào nghèo tỉnh Kiên Giang, Long An, nông dân nghèo Tp.HCM trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Thìn 2012;
- 🕒 Ủng hộ “Quý vì người nghèo” xây nhà Đại đoàn kết tại các tỉnh Hà Nam, Trà Vinh, Điện Biên, Hưng Yên, Đà Nẵng, Lai Châu, Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Quảng Bình, Quảng Trị, Nam Định;
- 🕒 Hỗ trợ kinh phí xây dựng “Mái ấm tình thương” cho phụ nữ nghèo Thanh Hóa; hỗ trợ Quý thiên tai Miền Trung.



## Danh hiệu và Giải thưởng

Ngày 14/11/2011 PV Drilling đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho những thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.





## Một số các danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu mà Tổng Công ty đã đạt được trong năm 2011:


- Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng vì những thành quả xuất sắc của tập thể người lao động tại Tổng Công ty trong 10 năm xây dựng và phát triển.

Bên cạnh những Huân chương danh giá do Chủ tịch nước trao tặng, Tổng Công ty cũng tự hào được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế cấp chứng nhận:

- Giàn khoan PV DRILLING I đạt 4 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra sự cố làm mất thời gian, hiệu suất vận hành đạt 99,4%.
- Giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 2 năm liên tiếp hoạt động an toàn, từ khi đưa vào vận hành năm 2009, đạt hiệu suất tương ứng 99,5% và 96,9%.





 Báo cáo tài chính theo  
chuẩn mực kế toán  
Việt Nam (VAS) bằng USD

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty Mẹ”) và các công ty con (được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tờng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2011)

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012



Số: 1125/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty Mẹ”) và các công ty con (được gọi chung là “Tổng Công ty”) từ trang 106 đến trang 142. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 106 và 107, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**Võ Thái Hòa**

**Phó Tổng Giám đốc kiểm**

Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**Nguyễn Thị Thu Sang**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

MẪU B 01-DN/HN


**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>187.964.262</b>	<b>169.585.641</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>32.081.462</b>	<b>45.138.885</b>
1. Tiền	111		17.920.702	21.717.958
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.160.760	23.420.927
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>1.356.412</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.356.412
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.577.644</b>	<b>102.885.888</b>
1. Phải thu khách hàng	131		93.973.521	98.530.559
2. Trả trước cho người bán	132		2.799.064	425.932
3. Các khoản phải thu khác	135		8.153.703	4.344.361
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(348.644)	(414.964)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>48.160.479</b>	<b>18.087.528</b>
1. Hàng tồn kho	141		48.241.565	18.197.276
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(81.086)	(109.748)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.144.677</b>	<b>2.116.928</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.588.108	1.171.614
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.260.061	535.336
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		296.508	409.978
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>701.963.614</b>	<b>603.695.927</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>677.194.906</b>	<b>580.090.030</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	668.541.291	494.509.351
- Nguyên giá	222		769.577.888	562.497.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.036.597)	(67.987.849)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	7.626.681	7.843.827
- Nguyên giá	228		8.932.253	8.781.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.305.572)	(937.513)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.026.934	77.736.852
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.869.483</b>	<b>7.903.894</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10	13.274.595	6.260.923
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.594.888	1.642.971
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.779.788</b>	<b>15.558.679</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.803.352	14.291.484
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	178.019	481.400
3. Tài sản dài hạn khác	268		798.417	785.795
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>270</b>	<b>15</b>	<b>119.437</b>	<b>143.324</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>889.927.876</b>	<b>773.281.568</b>

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>591.211.128</b>	<b>496.345.290</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>244.221.330</b>	<b>210.854.825</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	98.406.710	75.366.746
2. Phải trả người bán	312		93.663.120	84.990.527
3. Người mua trả tiền trước	313		7.799.286	142.301
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	8.612.406	10.246.281
5. Phải trả người lao động	315		2.748.519	482.853
6. Chi phí phải trả	316	18	26.463.251	31.069.978
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.185.276	8.083.336
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	3.071.172	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.271.590	472.803
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>346.989.798</b>	<b>285.490.465</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	11	57.065.700	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	280.948.422	279.520.817
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.812.411	1.848.265
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		182.724	249.168
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	6.980.541	3.872.215
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>297.779.780</b>	<b>276.088.987</b>
<b>I. Vốn cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>297.779.780</b>	<b>276.088.987</b>
1. Vốn điều lệ	411		117.333.602	117.333.602
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.037.828	77.037.828
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.342.963)	(1.965.071)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.746.136)	427.503
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.729.918	17.374.910
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.230.241	8.566.920
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		73.537.290	57.313.295
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>24</b>	<b>936.968</b>	<b>847.291</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>889.927.876</b>	<b>773.281.568</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	31/12/2010
Ngoại tệ các loại		
Đồng Việt Nam ("VND")	404.051.323.354	498.129.142.897
Euro ("EUR")	18.765	16.530
Bảng Anh ("GBP")	3	1.189
Dinars ("DZD")	50.384.373	7.866.320
Singapore ("SGD")	30.058	3.603



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		449.550.304	406.638.135
2. Doanh thu thuần	10	25	449.550.304	406.638.135
3. Giá vốn hàng bán	11	25	(349.133.796)	(312.229.816)
4. Lợi nhuận gộp	20		100.416.508	94.408.319
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.439.932	9.431.108
6. Chi phí tài chính	22	28	(21.809.099)	(25.819.234)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(13.049.749)</i>	<i>(16.792.899)</i>
7. Chi phí bán hàng	24		(1.533.227)	(157.357)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.201.347)	(24.153.183)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.312.767	53.709.653
10. Thu nhập khác	31		4.492.509	4.627.720
11. Chi phí khác	32		(5.327.622)	(6.374.164)
12. Lỗ khác	40		(835.113)	(1.746.444)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	3.525.465	2.740.017
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	60		60.003.119	54.703.226
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	29	(7.376.377)	(7.367.251)
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	(276.043)	220.129
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		52.350.699	47.556.104
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		24	271.700	192.985
- Cổ đông của Tổng Công ty			52.078.999	47.363.119
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>	<b>30</b>	<b>0,25</b>	<b>0,23</b>



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đoàn Khắc Tùng**  
**Kế toán trưởng**

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>60.003.119</b>	<b>54.703.226</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	34.653.473	32.764.389
Các khoản dự phòng	03	2.976.190	171.114
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(659)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.871.860)	(5.248.646)
Chi phí lãi vay	06	13.049.749	16.792.899
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>104.810.671</b>	<b>99.182.323</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(2.644.764)	(38.859.386)
Biến động hàng tồn kho	10	(30.044.289)	(186.753)
Biến động các khoản phải trả	11	69.923.271	33.218.181
Biến động chi phí trả trước	12	804.582	(1.328.408)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.244.213)	(12.637.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.932.693)	(8.380.248)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	172.062
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.367.530)	(4.952.469)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>114.305.035</b>	<b>66.228.047</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(132.012.007)	(79.857.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	378.190	320.649
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	9.581.224
4. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(5.960.000)	(1.207.342)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.656.412	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.495.590	3.898.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(131.441.815)</b>	<b>(67.264.203)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(377.892)	(1.974.084)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	114.524.880	51.011.804
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.052.327)	(51.429.684)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(20.323.943)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.770.718</b>	<b>(2.391.964)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(13.366.062)</b>	<b>(3.428.120)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>45.138.885</b>	<b>48.742.924</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	308.639	(175.919)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>32.081.462</b>	<b>45.138.885</b>

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 22.078.546 đô la Mỹ (năm 2010: 24.409.881 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 24.409.881 đô la Mỹ (2010: 16.039.119 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm này.

Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm và còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.601.716 đô la Mỹ (2010: 2.497.210 đô la Mỹ). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm này là 2.497.210 đô la Mỹ.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 147.391 đô la Mỹ là số cổ tức đã công bố nhưng chưa trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đoàn Đắc Tùng**  
**Kế toán trưởng**

# Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bốn công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Mẹ là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức công ty cổ phần tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty Mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 1 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 10 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Deep Water”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD Deep Water đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deep Water được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OCB”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi (“TAD”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

#### Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là “PVD-PTI”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 7 tháng 10 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD-Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 1 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và công ty liên doanh được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

#### Thuê tài sản

*Tổng Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### *Tổng Công ty là bên đi thuê*

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 20 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ, phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

### **Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh, bao gồm cả số liệu so sánh, được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS10”) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Nếu áp dụng VAS10, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 116.103 đô la Mỹ (năm 2010: tăng 878.958 đô la Mỹ) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “lợi nhuận chưa phân phối” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm và tăng lần lượt là 33.465 đô la Mỹ (2010: giảm và tăng lần lượt là 149.568 đô la Mỹ).

## **Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	USD	USD
Tiền mặt	141.581	247.218
Tiền gửi ngân hàng	17.779.121	21.470.740
Các khoản tương đương tiền	14.160.760	23.420.927
	<b>32.081.462</b>	<b>45.138.885</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Hàng mua đang đi đường	4.465.089	3.744.720
Nguyên liệu, vật liệu	15.780.321	13.061.896
Công cụ, dụng cụ	44.737	100.509
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.108.296	517.502
Hàng hoá	19.564.806	137.937
Hàng gửi đi bán	1.278.316	634.712
	<b>48.241.565</b>	<b>18.197.276</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(81.086)	(109.748)
	<b>48.160.479</b>	<b>18.087.528</b>

### 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	15.329.027	541.661.534	2.469.112	3.028.806	8.721	562.497.200
Tăng trong năm	90.616	5.063.915	473.409	55.435	49.751	5.733.126
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	4.267.056	-	-	-	4.267.056
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	87.733	203.598.976	31.958	-	-	203.718.667
Phân loại lại	-	(8.485)	(4.673)	13.158	-	-
Thanh lý	(12.389)	(254.844)	(61.260)	-	-	(328.493)
Giảm khác	(207.262)	-	-	-	-	(207.262)
Chênh lệch tỷ giá	(348.344)	(5.602.273)	(75.205)	(76.263)	(321)	(6.102.406)
Tại ngày 31/12/2011	<b>14.939.381</b>	<b>748.725.879</b>	<b>2.833.341</b>	<b>3.021.136</b>	<b>58.151</b>	<b>769.577.888</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2010	1.819.113	63.688.363	1.027.992	1.450.398	1.983	67.987.849
Khấu hao trong năm	916.497	32.374.423	478.140	510.699	5.476	34.285.235
Phân loại lại	-	543	(543)	-	-	-
Giảm do thanh lý	(12.141)	(159.805)	(56.681)	-	-	(228.627)
Chênh lệch tỷ giá	(80.498)	(840.446)	(43.464)	(43.257)	(195)	(1.007.860)
Tại ngày 31/12/2011	<b>2.642.971</b>	<b>95.063.078</b>	<b>1.405.444</b>	<b>1.917.840</b>	<b>7.264</b>	<b>101.036.597</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>12.296.410</b>	<b>653.662.801</b>	<b>1.427.897</b>	<b>1.103.296</b>	<b>50.887</b>	<b>668.541.291</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>13.509.914</b>	<b>477.973.171</b>	<b>1.441.120</b>	<b>1.578.408</b>	<b>6.738</b>	<b>494.509.351</b>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 367.028.831 đô la Mỹ (2010: 388.936.501 đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 4.508.162 đô la Mỹ (2010: 4.024.940 đô la Mỹ).


**Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	6.121.918	1.056.646	1.602.776	8.781.340
Tăng trong năm	-	151.706	-	151.706
Chênh lệch tỷ giá	-	(793)	-	(793)
Tại ngày 31/12/2011	6.121.918	1.207.559	1.602.776	8.932.253
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	50.616	496.428	390.469	937.513
Khấu hao trong năm	38.919	249.286	80.033	368.238
Chênh lệch tỷ giá	-	(179)	-	(179)
Tại ngày 31/12/2011	89.535	745.535	470.502	1.305.572
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2011	<b>6.032.383</b>	<b>462.024</b>	<b>1.132.274</b>	<b>7.626.681</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>6.071.302</b>	<b>560.218</b>	<b>1.212.307</b>	<b>7.843.827</b>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo công trình:

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	712.683	308.821
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	265.517	265.517
Công trình đóng mới giàn khoan TAD	-	76.404.638
Các công trình xây dựng cơ bản khác	48.734	757.876
	<b>1.026.934</b>	<b>77.736.852</b>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp	
			31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
BJ-PVD	5.000.000	49	2.399.255	439.255
PVD-PTI	4.000.000	51	1.908.398	1.908.398
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.702.734	1.702.734
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	4.000.000	-



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
BJ-PVD	3.591.559	1.418.064
PVD-PTI	3.188.796	2.751.378
PVD Tubulars	2.494.240	2.091.481
PVD-Baker Hughes	4.000.000	-
	<b>13.274.595</b>	<b>6.260.923</b>

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2010	Góp vốn trong năm	Lợi nhuận được chia	Lợi nhuận đã nhận	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 31/12/2011
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
BJ-PVD	1.418.064	1.960.000	1.843.605	(1.630.110)	-	3.591.559
PVD-PTI	2.751.378	-	1.236.463	(778.920)	(20.125)	3.188.796
PVD Tubulars	2.091.481	-	445.397	-	(42.638)	2.494.240
PVD-Baker Hughes	-	4.000.000	-	-	-	4.000.000
	<b>6.260.923</b>	<b>5.960.000</b>	<b>3.525.465</b>	<b>(2.409.030)</b>	<b>(62.763)</b>	<b>13.274.595</b>

Tại ngày lập báo cáo này, PVD-Baker Hughes vẫn chưa hoàn tất báo cáo tài chính, do đó Tổng Công ty vẫn hạch toán khoản đầu tư vào liên doanh này theo phương pháp giá gốc. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, việc này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của PVD Logging và PVD Tech, các công ty con trực tiếp quản lý khoản đầu tư vào công ty liên doanh PVD-PTI và PVD Tubulars.

### 11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi ("giàn khoan TAD") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Petro Việt Nam chiếm tỷ lệ:	23%
Phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ:	62%
Phần vốn góp của MB chiếm tỷ lệ:	10%
Phần vốn góp của OCB chiếm tỷ lệ:	5%

MẪU B 09-DN/HN


**Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:

	<b>31/12/2011</b>
	USD
Tổng tài sản	213.129.922
<i>Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định – giàn khoan TAD</i>	<u>197.657.106</u>
Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:	
- PVN	46.574.834
- MB	6.915.000
- OCB	3.457.500
- Khác	118.366
	<u><b>57.065.700</b></u>
	<b>2011</b>
	USD
Doanh thu	7.414.097
Giá vốn	(5.844.896)
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	(2.064.479)
Chi phí tài chính	(959.173)
Lỗ thuần	(1.454.451)
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>	
Petro Việt Nam	(334.524)
Tổng Công ty	(901.760)
MB	(145.445)
OCB	<u>(72.722)</u>

Giá trị giàn khoan TAD tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 197.657.106 đô la Mỹ chưa được kiểm tra quyết toán giá trị công trình đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty tạm ghi tăng tài sản cố định theo chi phí thực tế phát sinh và nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh khi quyết toán giá trị công trình được chính thức phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, giàn khoan TAD chưa chính thức đi vào hoạt động, do đó Tổng Công ty chưa ghi nhận khấu hao tài sản cố định trong năm 2011. Số lỗ thuần của PVD Deep Water là 1.454.451 đô la Mỹ, bao gồm các chi phí hoạt động là 1.097.176 đô la Mỹ và dự phòng 17% quỹ lương là 357.275 đô la Mỹ.

## 12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	USD	USD
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí	1.114.765	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	528.206	528.206
Chênh lệch tỷ giá	(48.083)	-
	<u><b>1.594.888</b></u>	<u><b>1.642.971</b></u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Lỗi chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	4.248.521	5.814.831
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	1.885.904	3.023.267
Chi phí trả trước dài hạn cho ống khoan (Drill Pipe)	18.261	4.596.011
Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I	77.098	540.450
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn TAD	2.148.795	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	424.773	316.925
	<b>8.803.352</b>	<b>14.291.484</b>

### 14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác USD	Chênh lệch tỷ giá hối đổi chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 1/1/2010	312.356	(36.821)	275.535
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	51.165	168.964	220.129
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(13.746)	(518)	(14.264)
Tại ngày 31/12/2010	349.775	131.625	481.400
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(105.463)	(170.580)	(276.043)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(18.104)	(9.234)	(27.338)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>226.208</b>	<b>(48.189)</b>	<b>178.019</b>

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	31/12/2011				31/12/2010			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	50.000.000.000	2.786.913	2.786.913
PVD Tech	100	100.000.000.000	5.573.825	5.573.825	100	100.000.000.000	5.573.825	5.573.825
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	51	26.354.650.000	749.174	1.096.066
PVD Deep Water	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846	100	100.000.000.000	-	-
				<b>22.743.896</b>				<b>16.494.004</b>


**Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2011, do thay đổi vốn điều lệ và cơ cấu vốn tại PVD Training, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PVD Training tăng từ 51% lên 52%.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 đô la Mỹ.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	<b>Lợi thế thương mại</b> USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2011 và 31/12/2011	238.874
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2011	95.550
Khấu hao trong năm	23.887
Tại ngày 31/12/2011	119.437
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>119.437</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>143.324</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2011</b> USD	<b>31/12/2010</b> USD
Vay ngắn hạn	25.433.582	16.142.677
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	72.973.128	59.224.069
	<b>98.406.710</b>	<b>75.366.746</b>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>31/12/2011</b> USD	<b>31/12/2010</b> USD
Ngân hàng JP Morgan	-	13.343.185
Ngân hàng Vietcombank	9.433.582	2.799.492
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.000.000	-
Ngân hàng DBS	7.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	8.000.000	-
	<b>25.433.582</b>	<b>16.142.677</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng JP Morgan thể hiện khoản vay bằng đô la Mỹ theo hình thức tín dụng thư nhằm thanh toán cho các chi phí đầu tư xây dựng giàn khoan TAD. Khoản vay này được Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) bảo lãnh và đã được thanh toán toàn bộ và đáo hạn trong năm 2011.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank là khoản vay tín chấp bằng đồng Việt Nam hoặc USD tương đương với hạn mức 1.000 tỷ đồng, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Citibank, N.A – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là khoản vay tín chấp bằng đô la Mỹ, với hạn mức tín dụng là 5.000.000 đô la Mỹ, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng DBS là khoản vay tín chấp bằng đô la Mỹ với tổng hạn mức tín dụng là 32.000.000 đô la Mỹ và thời hạn vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Standard Chartered là khoản vay tín chấp bằng đô la Mỹ với hạn mức 15.000.000 đô la Mỹ hoặc ngoại tệ khác tương đương, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Thuế giá trị gia tăng	2.871.240	3.699.851
Thuế nhập khẩu	2.860	2.861
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.026.175	3.589.621
Thuế thu nhập cá nhân	2.019.166	1.258.926
Thuế nhà thầu	489.167	1.683.053
Các loại thuế khác	1.203.798	11.969
	<b>8.612.406</b>	<b>10.246.281</b>

### 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	10.582.501	4.354.857
Trích trước chi phí lãi vay	3.609.082	4.805.149
Trích bổ sung theo quy chế lương mới	172.448	-
Các khoản chi phí phải trả khác	12.099.220	21.909.972
	<b>26.463.251</b>	<b>31.069.978</b>

### 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Cổ tức phải trả	147.391	-
Phải trả PVFC, nhận chuyển nhượng vốn trong dự án TAD	-	5.281.481
Các khoản phải trả khác	1.037.885	2.801.855
	<b>1.185.276</b>	<b>8.083.336</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng cho năm 2012 đã trích vào chi phí năm 2011 với tỷ lệ 17% quỹ lương thực hiện trong năm của các giàn khoan theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và theo hướng dẫn tại thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 2 năm 2011 sửa đổi bổ sung thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Các khoản vay dài hạn	353.921.550	338.744.886
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(72.973.128)	(59.224.069)
	<b>280.948.422</b>	<b>279.520.817</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Vietcombank	36.188.952	41.453.921
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	4.184.775	7.322.502
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	151.388.277	174.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	74.750.000	97.750.000
MB và Vietinbank	57.593.018	17.830.186
MB và OCB	11.816.528	-
SCB	18.000.000	-
	<b>353.921.550</b>	<b>338.744.886</b>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Hạn mức tín dụng USD	Dư nợ 31/12/2011 USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	80.237.605	35.868.357
PVFC	Giàn PVDrilling 11	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling 11	18.599.000	4.184.775
BIDV - Vay đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	155.000.000	127.988.277
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	35.000.000	23.400.000
HSBC - Vay đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	115.000.000	74.750.000
MB và Vietinbank	Giàn khoan TAD	SIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn khoan TAD và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC.	57.593.018	57.593.018
MB và OCB	Giàn khoan TAD	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn khoan TAD và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC.	24.000.000	11.816.528
SCB	Giàn khoan TAD	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn khoan TAD và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC.	18.000.000	18.000.000
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Lãi suất thỏa thuận vào từng đợt giải ngân	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	480.123	320.595
					<b>353.921.550</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Trong vòng một năm	72.973.128	59.224.069
Trong năm thứ hai	71.566.372	64.224.069
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	142.196.827	156.108.471
Sau năm năm	67.185.223	59.188.277
	<b>353.921.550</b>	<b>338.744.886</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(72.973.128)	(59.224.069)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>280.948.422</b>	<b>279.520.817</b>

### 22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông đã ra nghị quyết phê duyệt việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế của Tổng Công ty từ năm 2010. Theo đó, Tổng Công ty đã tạm trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận tính thuế trong năm với số tiền 3.694.091 đô la Mỹ (năm 2010: 3.872.215 đô la Mỹ). Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### 23. VỐN CỔ ĐÔNG

#### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.105.082.150.000 đồng.

#### Cổ phần

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	988.580	768.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	209.519.635	209.740.215
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và năm 2010 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 1/1/2010	117.333.602	77.046.841	-	72.507	12.684.556	6.233.160	22.146.162	235.516.828
Chi trả cho cổ đông	-	(9.013)	-	-	-	-	-	(9.013)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.965.071)	-	-	-	-	(1.965.071)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	354.996	-	-	-	354.996
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	47.363.119	47.363.119
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	168.551	168.551
Phân phối quỹ	-	-	-	-	4.690.354	2.333.760	(12.212.516)	(5.188.402)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đồng tiền hạch toán	-	-	-	-	-	-	(152.021)	(152.021)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>117.333.602</b>	<b>77.037.828</b>	<b>(1.965.071)</b>	<b>427.503</b>	<b>17.374.910</b>	<b>8.566.920</b>	<b>57.313.295</b>	<b>276.088.987</b>
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(20.471.334)	(20.471.334)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(377.892)	-	-	-	-	(377.892)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.173.639)	-	-	-	(2.173.639)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	52.078.999	52.078.999
Phân phối quỹ	-	-	-	-	5.355.008	2.663.321	(15.383.670)	(7.365.341)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>117.333.602</b>	<b>77.037.828</b>	<b>(2.342.963)</b>	<b>(1.746.136)</b>	<b>22.729.918</b>	<b>11.230.241</b>	<b>73.537.290</b>	<b>297.779.780</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty và nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt là 20% vốn điều lệ. Trong năm, Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức với số tiền là 20.348.311 đô la Mỹ tương đương 419.480.430.000 đồng cho cổ đông.

Theo nghị quyết số 109A/PVD Training ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, PVD Training công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt là 20% vốn điều lệ. Trong năm, PVD Training đã công bố chia cổ tức với số tiền là 5.270.930.000 đồng tương đương 255.168 Đô la Mỹ cho cổ đông. Trong đó, chia cho cổ đông thiếu số với số tiền 2.544.271.915 đồng tương đương 123.023 Đô la Mỹ.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con USD	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ USD	Tổng USD
Tại ngày 1/1/2010	801.897	-	(729.390)	72.507
Phát sinh trong năm	231.697	(755.659)	878.958	354.996
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>1.033.594</b>	<b>(755.659)</b>	<b>149.568</b>	<b>427.503</b>
Phát sinh trong năm	(48.094)	(2.009.442)	(116.103)	(2.173.639)
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>985.500</b>	<b>(2.765.101)</b>	<b>33.465</b>	<b>(1.746.136)</b>



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VND	Tương đương USD
Vốn điều lệ của công ty con, PVD Training	28.958.670.000	1.606.508
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000	831.970
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	774.538
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>48%</b>	<b>48%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 như sau:

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Tổng tài sản	2.566.757	2.283.153
Tổng nợ phải trả	(626.122)	(553.978)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>1.940.635</b>	<b>1.729.175</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	1.606.508	1.468.962
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	-
Các quỹ khác	(118.516)	(26.538)
Lợi nhuận chưa phân phối	436.137	286.751
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>936.968</b>	<b>847.291</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	775.144	719.788
Thặng dư vốn cổ phần	6.643	-
Các quỹ khác	(57.927)	(13.004)
Lợi nhuận chưa phân phối	213.108	140.507

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:

	2011 USD	2010 USD
Lợi nhuận trong năm	563.547	393.849
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	271.700	192.985

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (“DV khoan”): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (“Thương mại”): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (“Dịch vụ khác”): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

#### Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	725.071.976	62.271.049	763.615.985	(661.031.134)	889.927.876
Tài sản không phân bổ					-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>889.927.876</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	720.371.863	56.055.224	453.691.261	(638.907.220)	591.211.128
Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>591.211.128</b>

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu thuần	250.594.664	64.205.799	160.147.311	(25.397.470)	449.550.304
Giá vốn hàng bán	(188.497.296)	(58.158.667)	(121.528.740)	19.050.907	(349.133.796)
Lợi nhuận gộp	62.097.368	6.047.132	38.618.571	(6.346.563)	100.416.508
Doanh thu hoạt động tài chính	598.248	1.099.323	26.463.905	(20.721.544)	7.439.932
Chi phí tài chính	(14.205.358)	(1.391.733)	(6.212.008)	-	(21.809.099)
Chi phí bán hàng	-	(93.419)	(1.439.808)	-	(1.533.227)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.948.611)	(2.382.988)	(21.192.424)	6.322.676	(27.201.347)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.541.647	3.278.315	36.238.236	(20.745.431)	57.312.767
Thu nhập khác	511.481	486.680	3.494.348	-	4.492.509
Chi phí khác	(2.378.420)	(228.805)	(2.720.397)	-	(5.327.622)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(1.866.939)	257.875	773.951	-	(835.113)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	3.525.465
Lợi nhuận kế toán trước thuế					60.003.119
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(7.376.377)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(276.043)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>52.350.699</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

**Bảng cân đối kế toán**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	529.649.569	24.230.231	754.589.267	(535.187.499)	773.281.568
Tài sản không phân bổ					-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>773.281.568</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	528.691.228	17.843.114	468.928.845	(519.117.897)	496.345.290
Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>496.345.290</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu thuần	192.071.871	56.224.431	175.354.094	(17.012.261)	406.638.135
Giá vốn hàng bán	(136.261.349)	(52.063.636)	(136.597.280)	12.692.449	(312.229.816)
Lợi nhuận gộp	55.810.522	4.160.795	38.756.814	(4.319.812)	94.408.319
Doanh thu hoạt động tài chính	1.465.595	1.145.296	24.683.412	(17.863.195)	9.431.108
Chi phí tài chính	(18.060.094)	(1.018.948)	(6.740.192)	-	(25.819.234)
Chi phí bán hàng	-	-	(157.357)	-	(157.357)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.980.204)	(1.929.197)	(20.539.707)	4.295.925	(24.153.183)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.235.819	2.357.946	36.002.970	(17.887.082)	53.709.653
Thu nhập khác	469.599	462.485	3.695.636	-	4.627.720
Chi phí khác	(3.143.814)	(272.858)	(2.957.492)	-	(6.374.164)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(2.674.215)	189.627	738.144	-	(1.746.444)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					2.740.017
Lợi nhuận kế toán trước thuế					54.703.226
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(7.367.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					220.129
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>47.556.104</b>

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.


**Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2011 USD	2010 USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.763.009	17.383.446
Chi phí nhân công	97.962.982	67.112.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.744.407	30.571.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.675.713	167.993.295
Chi phí khác	17.391.869	13.345.952
Giá vốn thương mại	32.330.390	40.134.117
	<b>377.868.370</b>	<b>336.540.356</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011 USD	2010 USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.074.633	2.176.459
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.765
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.268.357	6.936.625
Doanh thu hoạt động tài chính khác	96.942	313.259
	<b>7.439.932</b>	<b>9.431.108</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2011 USD	2010 USD
Chi phí lãi vay	13.049.749	16.792.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.858.552	8.958.565
Chi phí tài chính khác	900.798	63.664
	<b>21.809.099</b>	<b>25.819.234</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2011 USD	2010 USD
Lợi nhuận trước thuế	60.003.119	54.703.226
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(21.606.587)	(3.356.103)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	(55.556)	-
Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	(365.430)	236.890
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.279.463	3.537.907
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>40.255.009</b>	<b>55.121.920</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.348.661	7.165.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	27.716	201.695
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.376.377</b>	<b>7.367.251</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Offshore được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2007 và 2008) và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2011).
- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 USD	2010 USD
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	52.078.999	47.363.119
Trừ: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(220.129)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.078.999	47.142.990
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	209.700.367	207.284.292
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>0,25</b>	<b>0,23</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty Mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.081.462	45.138.885
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.778.580	102.459.956
Các khoản đầu tư khác	1.594.888	2.999.383
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.094.925	1.195.773
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.549.855</b>	<b>151.793.997</b>
Các khoản vay và nợ	379.355.132	354.887.563
Phải trả người bán và phải trả khác	94.848.397	93.073.863
Chi phí phải trả	26.463.251	31.069.978
<b>Tổng cộng</b>	<b>500.666.780</b>	<b>479.031.404</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
VND	39.701.198	23.754.236	70.828.841	91.885.813
DZD	849.981	51.867	1.434.331	683.916
SGD	263.465	154.880	24.114	2.906
EUR	68.119	308.983	23.077	145.516
Norwegian krone (NOK)	38.107	24.222	-	-
Bạt Thái (THB)	5.152	8.118	-	-
GBP	3.176	7.319	4	1.915
JPY	19.074	-	-	-

##### Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

##### Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	USD	USD	USD	USD
Các khoản vay và nợ	98.406.710	213.763.199	67.185.223	379.355.132
Phải trả người bán và phải trả khác	94.848.397	-	-	94.848.397
Chi phí phải trả	26.463.251	-	-	26.463.251
<b>Tổng cộng</b>	<b>219.718.358</b>	<b>213.763.199</b>	<b>67.185.223</b>	<b>500.666.780</b>

<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	USD	USD	USD	USD
Các khoản vay và nợ	75.366.746	220.332.540	59.188.277	354.887.563
Phải trả người bán và phải trả khác	93.073.863	-	-	93.073.863
Chi phí phải trả	31.069.978	-	-	31.069.978
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.510.587</b>	<b>220.332.540</b>	<b>59.188.277</b>	<b>479.031.404</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	USD	USD	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.081.462	-	-	32.081.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.778.580	-	-	101.778.580
Các khoản đầu tư khác	-	480.123	1.114.765	1.594.888
Các khoản ký quỹ, ký cược	296.508	798.417	-	1.094.925
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.156.550</b>	<b>1.278.540</b>	<b>1.114.765</b>	<b>136.549.855</b>

<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	USD	USD	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.138.885	-	-	45.138.885
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.459.956	-	-	102.459.956
Các khoản đầu tư khác	1.356.412	528.206	1.114.765	2.999.383
Các khoản ký quỹ, ký cược	409.978	785.795	-	1.195.773
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.365.231</b>	<b>1.314.001</b>	<b>1.114.765</b>	<b>151.793.997</b>



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

### 33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 USD	2010 USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.461.415	1.013.714

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
Trong vòng một năm	1.186.659	1.353.322
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.274.266	3.635.899
Sau năm năm	11.391.192	19.146.727
	<b>15.852.117</b>	<b>24.135.948</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu, và tiền chi phí dịch vụ phải trả cho tòa nhà Sailing Tower trong suốt thời gian thuê. Thời gian thuê văn phòng thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.

### 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 USD	2010 USD
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	10.433.352	16.173.959
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	192.892.198	211.765.595
<b>Mua hàng</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	10.948.117	15.534.542
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	6.954.076	-
<b>Vay từ PVFC</b>		
Lãi vay đã trả	143.389	214.830
Hoàn trả trong năm	3.111.291	-

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 USD	2010 USD
Lương	324.019	360.419
Tiền thưởng	173.823	225.535
Các khoản phúc lợi khác	11.128	11.666
	<b>508.970</b>	<b>597.620</b>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	31/12/2011 USD	31/12/2010 USD
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	684.112	2.797.270
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	31.917.995	44.580.343
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	51.035.135	3.539.611
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	2.909.101	-
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
PVFC	4.184.775	7.322.502
<b>Lãi vay phải trả</b>		
PVFC	13.956	21.473
<b>Phải trả khác</b>		
PVFC, chuyển nhượng vốn trong dự án TAD	-	5.281.481
Petro Việt Nam	147.391	1.957.342

### 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT GÓP VỐN

#### Góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Vietubes, tỷ lệ tham gia 51%

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, PVD Tech đã ký biên bản ghi nhớ với Công ty Citra Summit Valind Investments Pte Ltd (“CSV”) và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”) về việc trở thành thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Vietubes (“Vietubes”). PVD Tech cam kết trở thành một thành viên mới của Vietubes bằng cách góp bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ tham gia là 21%.

Ngày 29 tháng 9 năm 2011, PVD Tech đã ký Hợp đồng số 186A/2011/PVD-PVC và phụ lục sửa đổi bổ sung số 1 ngày 15 tháng 12 năm 2011 với PVC nhằm mua thêm 30% cổ phần tại Vietubes. Giá hợp đồng là 2.200.000 đô la Mỹ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán Công ty đã đặt cọc số tiền 440.000 đô la Mỹ cho PVC để cam kết thực hiện việc chuyển nhượng này. PVD Tech sẽ tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 1.760.000 đô la Mỹ khi thủ tục chuyển nhượng được hoàn tất.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, PVD Tech đã ký kết hợp đồng liên doanh với CSV về việc trở thành thành viên liên doanh với CSV trong Vietubes, thay thế PVC đồng thời nắm giữ 51% quyền sở hữu tại Vietubes với số vốn điều lệ cam kết góp là 1.890.900 đô la Mỹ.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

### 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT GÓP VỐN (tiếp theo)

#### Góp vốn liên doanh vào PVD-OIS, tỷ lệ tham gia 51%

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil State Industries (PVD-OIS) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 5.000.000 đô la Mỹ. Hoạt động kinh doanh chính của PVD-OIS là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Đến tại ngày lập báo cáo này, PVD Tech chưa thực hiện góp vốn vào liên doanh này.

### 36. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2012.



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đoàn Đắc Tùng**  
**Kế toán trưởng**

 Báo cáo tài chính theo  
chuẩn mực kế toán  
Việt Nam (VAS) bằng VND




**Báo cáo kết quả kiểm tra**


Số: 1126/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty Mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được trình bày kèm theo từ trang 145 đến trang 181. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính hợp nhất đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Vi các thủ tục nêu trên không lập thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến đảm bảo cho báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Nếu chúng tôi thực hiện các thủ tục bổ sung hoặc thực hiện một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi theo chuẩn mực kiểm toán thì chúng tôi có thể phát hiện được các vấn đề khác để báo cáo cho Tổng Công ty.



  
**Vũ Thái Hòa**  
**Phó Tổng Giám đốc kiểm**  
**Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh**  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**Nguyễn Thị Thu Sang**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

MẪU B 01-DN/HN


**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.914.919.645.004</b>	<b>3.210.595.355.412</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>668.192.690.536</b>	<b>854.569.370.820</b>
	1. Tiền	111		373.252.381.256	411.164.380.856
	2. Các khoản tương đương tiền	112		294.940.309.280	443.404.989.964
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>25.679.591.984</b>
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	25.679.591.984
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.178.143.165.300</b>	<b>1.947.835.631.616</b>
	1. Phải thu khách hàng	131		1.957.280.495.388	1.865.380.542.988
	2. Trả trước cho người bán	132		58.298.904.992	8.063.744.624
	3. Các khoản phải thu khác	135		169.825.322.152	82.247.442.452
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.261.557.232)	(7.856.098.448)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>1.003.086.456.612</b>	<b>342.433.080.096</b>
	1. Hàng tồn kho	141		1.004.775.315.820	344.510.829.232
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.688.859.208)	(2.077.749.136)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>65.497.332.556</b>	<b>40.077.680.896</b>
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.077.113.424	22.180.996.248
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.244.550.508	10.134.981.152
	3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.175.668.624	7.761.703.496
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.620.498.152.392</b>	<b>11.429.171.289.964</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.104.615.502.168</b>	<b>10.982.264.447.960</b>
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	13.924.378.008.948	9.362.051.033.132
	- Nguyên giá	222		16.028.768.251.264	10.649.196.990.400
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.104.390.242.316)	(1.287.145.957.268)
	2. Tài sản cố định vô hình	227	8	158.848.511.868	148.499.332.764
	- Nguyên giá	228		186.040.965.484	166.248.328.880
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.192.453.616)	(17.748.996.116)
	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	21.388.981.352	1.471.714.082.064
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>309.701.591.924</b>	<b>149.636.521.208</b>
	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10	276.483.264.660	118.531.794.236
	2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	33.218.327.264	31.104.726.972
<b>III.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>203.693.424.464</b>	<b>294.556.910.828</b>
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	183.356.215.456	270.566.375.088
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	3.707.779.732	9.113.864.800
	3. Tài sản dài hạn khác	268		16.629.429.276	14.876.670.940
<b>IV.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>270</b>	<b>15</b>	<b>2.487.633.836</b>	<b>2.713.409.968</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>280</b>		<b>18.535.417.797.396</b>	<b>14.639.766.645.376</b>

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

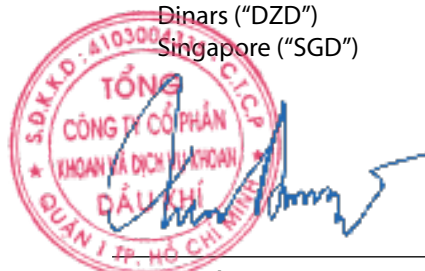
MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.313.745.373.984</b>	<b>9.396.809.030.280</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.086.641.861.240</b>	<b>3.991.903.546.900</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	2.049.614.955.880	1.426.843.235.272
2. Phải trả người bán	312		1.950.815.463.360	1.609.040.657.164
3. Người mua trả tiền trước	313		162.443.528.808	2.694.042.532
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	179.379.192.168	193.982.591.892
5. Phải trả người lao động	315		57.246.153.732	9.141.372.996
6. Chi phí phải trả	316	18	551.176.591.828	588.216.823.496
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	24.686.928.528	153.033.717.152
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	63.966.370.416	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		47.312.676.520	8.951.106.396
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.227.103.512.744</b>	<b>5.404.905.483.380</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	11	1.188.564.399.600	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	5.851.593.733.416	5.291.888.107.444
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		37.748.896.308	34.991.352.980
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.805.775.472	4.717.248.576
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	145.390.707.948	73.308.774.380
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.202.157.253.908</b>	<b>5.226.916.701.884</b>
<b>I. Vốn cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>6.202.157.253.908</b>	<b>5.226.916.701.884</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.130.231.854	1.382.130.231.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(44.395.487.786)	(36.492.366.851)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		742.857.627.650	253.826.437.681
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		424.631.464.467	314.912.705.555
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		209.854.853.452	155.286.069.483
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.381.996.414.271	1.052.171.474.162
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>24</b>	<b>19.515.169.504</b>	<b>16.040.913.212</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>18.535.417.797.396</b>	<b>14.639.766.645.376</b>


### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	31/12/2010
Ngoại tệ các loại		
Euro ("EUR")	18.765	16.530
Bảng Anh ("GBP")	3	1.189
Dinars ("DZD")	50.384.373	7.866.320
Singapore ("SGD")	30.058	3.603



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012

  
**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

  
**Đoàn Khắc Tùng**  
**Kế toán trưởng**

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

MẪU B 02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		9.210.836.178.656	7.572.008.711.835
2. Doanh thu thuần	10	25	9.210.836.178.656	7.572.008.711.835
3. Giá vốn hàng bán	11	25	(7.153.402.346.244)	(5.814.031.403.736)
4. Lợi nhuận gộp	20		2.057.433.832.412	1.757.977.308.099
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	152.436.766.748	175.616.662.068
6. Chi phí tài chính	22	28	(446.846.629.411)	(480.779.956.314)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(267.376.307.261)	(312.700.572.279)
7. Chi phí bán hàng	24		(31.414.288.003)	(2.930.144.697)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(557.328.398.683)	(449.756.420.643)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.174.281.283.063	1.000.127.448.513
10. Thu nhập khác	31		92.047.016.901	86.172.774.120
11. Chi phí khác	32		(109.157.647.158)	(118.693.307.844)
12. Lỗ khác	40		(17.110.630.257)	(32.520.533.724)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	72.233.252.385	51.021.856.557
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	60		1.229.403.905.191	1.018.628.771.346
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	29	(151.134.588.353)	(137.185.580.871)
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	(5.655.845.027)	4.099.022.109
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		<b>1.072.613.471.811</b>	<b>885.542.212.584</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		24	5.566.867.339	3.593.574.381
- Cổ đông của Tổng Công ty			1.067.046.604.472	881.948.638.203
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>	30	<b>5.088</b>	<b>4.235</b>



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đoàn Đắc Tùng**  
**Kế toán trưởng**



# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.229.403.905.191</b>	<b>1.018.628.771.346</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	710.015.008.297	610.105.687.569
Các khoản dự phòng	03	60.979.156.910	3.186.313.794
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(12.271.239)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(120.308.539.540)	(97.735.037.166)
Chi phí lãi vay	06	267.376.307.261	312.700.572.279
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.147.465.838.119</b>	<b>1.846.874.036.583</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(54.188.569.596)	(723.563.384.706)
Biến động hàng tồn kho	10	(615.577.437.321)	(3.477.527.613)
Biến động các khoản phải trả	11	1.432.657.899.519	618.555.748.401
Biến động chi phí trả trước	12	16.485.080.598	(24.736.285.368)
Tiền lãi vay đã trả	13	(291.849.680.157)	(235.318.325.355)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(183.021.946.877)	(156.048.598.008)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.203.966.502
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(109.975.322.170)	(92.257.167.249)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.341.995.862.115</b>	<b>1.233.232.463.187</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.704.794.011.423)	(1.487.025.259.893)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	7.748.734.910	5.970.805.029
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	178.411.972.104
4. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(122.114.440.000)	(22.481.915.382)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	33.938.225.468	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.110.143.510	72.597.674.079
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.693.111.347.535)</b>	<b>(1.252.526.724.063)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(7.742.629.188)	(36.759.418.164)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.346.500.266.320	949.890.802.284
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.845.082.127.903)	(957.672.145.764)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(418.987.180.733)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>74.688.328.496</b>	<b>(44.540.761.644)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(276.427.156.924)</b>	<b>(63.835.022.520)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>854.569.370.820</b>	<b>874.496.810.546</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	6.428.333.092	(3.275.787.699)
Ảnh hưởng của chuyển đổi đồng tiền hạch toán		83.622.143.548	47.183.370.493
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>668.192.690.536</b>	<b>854.569.370.820</b>

MẪU B 03-DN/HN

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 459.851.956.088 đồng (năm 2010: 462.127.867.092 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 462.127.867.092 đồng (2010: 287.757.832.649 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm này.

Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm và còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 75.016.540.848 đồng (2010: 47.277.179.720 đồng). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm này là 47.277.179.720 đồng.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 3.038.469.000 đồng là số cổ tức đã công bố nhưng chưa trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đoàn Đắc Tùng**  
**Kế toán trưởng**

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bốn công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Mẹ là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức công ty cổ phần tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty Mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 1 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 10 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Deep Water”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD Deep Water đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deep Water được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OCB”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi (“TAD”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

### **Các công ty liên doanh**

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là “PVD-PTI”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 7 tháng 10 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD-Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 1 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đô la Mỹ sang đồng Việt Nam ("VND") theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ đô la Mỹ sang đồng VND đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

## **Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và công ty liên doanh được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

###### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

### **Thuê tài sản**

#### Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

#### Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 20 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ, phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

### **Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh, bao gồm cả số liệu so sánh, được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS10”) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Nếu áp dụng VAS10, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 2.584.092.428 đồng (năm 2010: tăng 16.367.072.449 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “lợi nhuận chưa phân phối” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm và tăng lần lượt là 697.010.720 đồng (2010: giảm và tăng lần lượt là 3.281.103.148 đồng).

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	VND	VND
Tiền mặt	2.948.849.068	4.680.331.176
Tiền gửi ngân hàng	370.303.532.188	406.484.049.680
Các khoản tương đương tiền	294.940.309.280	443.404.989.964
	<b><u>668.192.690.536</u></b>	<b><u>854.569.370.820</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

### **6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	92.998.873.692	70.895.039.040
Nguyên liệu, vật liệu	328.672.525.788	247.287.815.072
Công cụ, dụng cụ	931.782.236	1.902.836.388
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	148.051.589.088	9.797.347.864
Hàng hoá	407.495.779.368	2.611.423.284
Hàng gửi đi bán	26.624.765.648	12.016.367.584
	<b><u>1.004.775.315.820</u></b>	<b><u>344.510.829.232</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.688.859.208)	(2.077.749.136)
	<b><u>1.003.086.456.612</u></b>	<b><u>342.433.080.096</u></b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	290.209.139.164	10.254.736.161.688	46.745.228.384	57.341.355.192	165.105.972	10.649.196.990.400
Tăng trong năm	1.856.631.224	103.754.554.435	9.699.677.001	1.135.807.715	1.019.348.239	117.466.018.614
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	87.427.710.384	-	-	-	87.427.710.384
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.797.561.437	4.171.539.419.264	654.787.462	-	-	4.173.991.768.163
Phân loại lại	-	(173.849.165)	(95.745.097)	269.594.262	-	-
Giảm khác	(4.246.591.118)	-	-	-	-	(4.246.591.118)
Thanh lý	(253.838.221)	(5.221.498.716)	(1.255.156.140)	-	-	(6.730.493.077)
Chênh lệch tỷ giá	21.794.524.982	982.400.109.922	3.264.034.738	4.177.463.439	26.714.817	1.011.662.847.898
Tại ngày 31/12/2011	311.157.427.468	15.594.462.607.812	59.012.826.348	62.924.220.608	1.211.169.028	16.028.768.251.264
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	34.439.447.316	1.205.748.088.316	19.461.944.544	27.458.934.936	37.542.156	1.287.145.957.268
Khấu hao trong năm	18.778.107.033	663.319.552.847	9.796.610.460	10.463.711.811	112.197.764	702.470.179.915
Phân loại lại	-	11.125.527	(11.125.527)	-	-	-
Giảm do thanh lý	(248.756.949)	(3.274.244.645)	(1.161.337.009)	-	-	(4.684.338.603)
Chênh lệch tỷ giá	2.079.002.588	114.169.266.539	1.186.495.164	2.022.124.773	1.554.672	119.458.443.736
Tại ngày 31/12/2011	55.047.799.988	1.979.973.788.584	29.272.587.632	39.944.771.520	151.294.592	2.104.390.242.316
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2011	<b>256.109.627.480</b>	<b>13.614.488.819.228</b>	<b>29.740.238.716</b>	<b>22.979.449.088</b>	<b>1.059.874.436</b>	<b>13.924.378.008.948</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>255.769.691.848</b>	<b>9.048.988.073.372</b>	<b>27.283.283.840</b>	<b>29.882.420.256</b>	<b>127.563.816</b>	<b>9.362.051.033.132</b>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 7.644.476.492.068 đồng (2010: 7.363.345.836.932 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 93.895.998.136 đồng (2010: 79.822.610.080 đồng).

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	115.900.151.576	20.004.422.072	30.343.755.232	166.248.328.880
Tăng trong năm	-	606.120.300	-	606.120.300
Chênh lệch tỷ giá	11.607.156.528	4.540.496.480	3.038.863.296	19.186.516.304
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>127.507.308.104</b>	<b>25.151.038.852</b>	<b>33.382.618.528</b>	<b>186.040.965.484</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	958.262.112	9.398.374.896	7.392.359.108	17.748.996.116
Khấu hao trong năm	797.411.391	5.107.620.854	1.639.796.137	7.544.828.382
Chênh lệch tỷ giá	109.161.477	1.022.007.230	767.460.411	1.898.629.118
Tại ngày 31/12/2011	<b>1.864.834.980</b>	<b>15.528.002.980</b>	<b>9.799.615.656</b>	<b>27.192.453.616</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>125.642.473.124</b>	<b>9.623.035.872</b>	<b>23.583.002.872</b>	<b>158.848.511.868</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>114.941.889.464</b>	<b>10.606.047.176</b>	<b>22.951.396.124</b>	<b>148.499.332.764</b>

### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo công trình:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	14.843.761.524	5.846.599.172
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	5.530.188.076	5.026.767.844
Công trình đóng mới giàn khoan TAD	-	1.446.492.606.616
Các công trình xây dựng cơ bản khác	1.015.031.752	14.348.108.432
	<b>21.388.981.352</b>	<b>1.471.714.082.064</b>

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
BJ-PVD	5.000.000	49	48.039.113.955	7.880.673.955
PVD-PTI	4.000.000	51	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	30.548.750.000	30.548.750.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	81.956.000.000	-

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
BJ-PVD	74.804.990.852	26.846.787.648
PVD-PTI	66.416.243.088	52.089.088.296
PVD Tubulars	51.950.030.720	39.595.918.292
PVD-Baker Hughes	83.312.000.000	-
	<b>276.483.264.660</b>	<b>118.531.794.236</b>

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2010	Góp vốn trong năm	Lợi nhuận được chia	Lợi nhuận đã nhận	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 31/12/2011
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BJ-PVD	26.846.787.648	40.158.440.000	37.773.622.845	(33.399.323.790)	3.425.464.149	74.804.990.852
PVD-PTI	52.089.088.296	-	25.333.890.407	(15.959.291.880)	4.952.556.265	66.416.243.088
PVD Tubulars	39.595.918.292	-	9.125.739.133	-	3.228.373.295	51.950.030.720
PVD-Baker Hughes	-	81.956.000.000	-	-	1.356.000.000	83.312.000.000
	<b>118.531.794.236</b>	<b>122.114.440.000</b>	<b>72.233.252.385</b>	<b>(49.358.615.670)</b>	<b>12.962.393.709</b>	<b>276.483.264.660</b>

Tại ngày lập báo cáo này, PVD-Baker Hughes vẫn chưa hoàn tất báo cáo tài chính, do đó Tổng Công ty vẫn hạch toán khoản đầu tư vào liên doanh này theo phương pháp giá gốc. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, việc này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của PVD Logging và PVD Tech, các công ty con trực tiếp quản lý khoản đầu tư vào công ty liên doanh PVD-PTI và PVD Tubulars.

### 11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi ("giàn khoan TAD") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Petro Việt Nam chiếm tỷ lệ:	23%
Phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ:	62%
Phần vốn góp của MB chiếm tỷ lệ:	10%
Phần vốn góp của OCB chiếm tỷ lệ:	5%

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:

	<b>31/12/2011</b>
	VND
Tổng tài sản	4.439.070.007.692
<i>Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định – giàn khoan TAD</i>	<u>4.116.802.211.454</u>
Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận phải trả dài hạn khác:	
- PVN	970.060.642.552
- MB	144.025.620.000
- OCB	72.012.810.000
- Khác	2.465.327.048
	<b><u>1.188.564.399.600</u></b>

	<b>31/12/2011</b>
	VND
Doanh thu	151.907.433.433
Giá vốn	(119.756.074.144)
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	(42.299.110.231)
Chi phí tài chính	(19.652.495.597)
Lỗ thuần	(29.800.246.539)
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>	
Petro Việt Nam	(6.854.062.236)
Tổng Công ty	(18.476.160.640)
MB	(2.980.022.605)
OCB	<u>(1.490.001.058)</u>

Giá trị giàn khoan TAD tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.116.802.211.454 đồng chưa được kiểm tra quyết toán giá trị công trình đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty tạm ghi tăng tài sản cố định theo chi phí thực tế phát sinh và nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh khi quyết toán giá trị công trình được chính thức phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, giàn khoan TAD chưa chính thức đi vào hoạt động, do đó Tổng công ty chưa ghi nhận giá trị hao mòn của tài sản trong năm 2011. Số lỗ thuần PVD Deep Water là 29.800.246.539 đồng bao gồm các chi phí hoạt động là 22.480.039.064 đồng và dự phòng 17% quỹ lương là 7.320.207.475 đồng.

## 12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	23.218.327.264	21.104.726.972
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b><u>33.218.327.264</u></b>	<b><u>31.104.726.972</u></b>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	88.488.195.388	110.086.380.492
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	39.279.608.512	57.236.490.844
Chi phí trả trước dài hạn cho ống khoan (Drill Pipe)	380.340.108	87.011.680.252
Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I	1.605.797.144	10.231.799.400
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn TAD	44.755.102.260	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.847.172.044	6.000.024.100
	<b>183.356.215.456</b>	<b>270.566.375.088</b>

### 14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2010	5.603.976.998	(660.606.515)	4.943.370.483
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	952.743.465	3.146.278.644	4.099.022.109
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	65.219.837	6.252.371	71.472.208
Tại ngày 31/12/2010	6.621.940.300	2.491.924.500	9.113.864.800
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(2.160.831.407)	(3.495.013.620)	(5.655.845.027)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	250.351.331	(591.372)	249.759.959
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>4.711.460.224</b>	<b>(1.003.680.492)</b>	<b>3.707.779.732</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 như sau:

Tên công ty con	31/12/2011				31/12/2010			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp VND	Giá trị khoản đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp VND	Giá trị khoản đầu tư VND
PVD Offshore	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
PVD Well	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
PVD Logging	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
PVD Tech	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
PVD Training	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400	51	26.354.650.000	13.440.930.000	19.755.753.400
PVD Deep Water	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100	100.000.000.000	-	-

Trong năm 2011, do thay đổi vốn điều lệ và cơ cấu vốn tại PVD Training, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PVD Training tăng từ 51% lên 52%.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 đô la Mỹ.



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2011	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	689.631.032
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>4.975.267.672</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2011	1.572.226.672
Khấu hao trong năm	489.420.743
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	425.986.421
Tại ngày 31/12/2011	<b>2.487.633.836</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>2.487.633.836</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>2.713.409.968</b>

### 16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	529.730.645.896	305.613.160.964
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	1.519.884.309.984	1.121.230.074.308
	<b>2.049.614.955.880</b>	<b>1.426.843.235.272</b>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng JP Morgan	-	252.613.160.964
Ngân hàng Vietcombank	196.482.645.896	53.000.000.000
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	20.828.000.000	-
Ngân hàng DBS	145.796.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	166.624.000.000	-
	<b>529.730.645.896</b>	<b>305.613.160.964</b>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng JP Morgan thể hiện khoản vay bằng đô la Mỹ theo hình thức tín dụng thư nhằm thanh toán cho các chi phí đầu tư xây dựng giàn khoan TAD. Khoản vay này được Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") bảo lãnh và đã được thanh toán toàn bộ và đáo hạn trong năm 2011.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank là khoản vay tín chấp bằng đồng Việt Nam hoặc USD tương đương với hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ đồng, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Citibank, N.A – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay tín chấp bằng đô la Mỹ, với hạn mức tín dụng là 5.000.000 đô la Mỹ, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng DBS là khoản vay tín chấp bằng đô la Mỹ với tổng hạn mức tín dụng là 32.000.000 đô la Mỹ và thời hạn vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Standard Chartered là khoản vay tín chấp bằng đô la Mỹ với hạn mức 15.000.000 đô la Mỹ hoặc ngoại tệ khác tương đương, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	59.802.186.720	70.045.579.132
Thuế nhập khẩu	59.568.080	54.164.452
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.201.172.900	67.958.704.772
Thuế thu nhập cá nhân	42.055.189.448	23.833.987.032
Thuế nhà thầu	10.188.370.276	31.863.559.396
Các loại thuế khác	25.072.704.744	226.597.108
	<b>179.379.192.168</b>	<b>193.982.591.892</b>

### 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	220.412.337.701	82.446.152.724
Trích trước chi phí lãi vay	75.169.959.896	90.971.074.289
Trích bổ sung theo quy chế lương mới	3.591.746.944	-
Các khoản khác	252.002.547.287	414.799.596.483
	<b>551.176.591.828</b>	<b>588.216.823.496</b>

### 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ tức phải trả	3.038.469.000	-
Phải trả PVFC, nhận chuyển nhượng vốn trong dự án TAD	-	99.988.998.292
Các khoản chi phí phải trả khác	21.648.459.528	53.044.718.860
	<b>24.686.928.528</b>	<b>153.033.717.152</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng cho năm 2012 đã trích vào chi phí năm 2011 với tỷ lệ 17% quỹ lương thực hiện trong năm của các giàn khoan theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và theo hướng dẫn tại thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 2 năm 2011 sửa đổi bổ sung thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản vay dài hạn	7.371.478.043.400	6.413.118.181.752
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(1.519.884.309.984)	(1.121.230.074.308)
	<b>5.851.593.733.416</b>	<b>5.291.888.107.444</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vietcombank	753.743.492.256	784.805.632.372
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	87.160.493.700	138.629.607.864
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	3.153.115.033.356	3.301.518.860.164
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam ("HSBC")	1.556.893.000.000	1.850.603.000.000
MB và Vietinbank	1.199.547.378.904	337.561.081.352
MB và OCB	246.114.645.184	-
SCB	374.904.000.000	-
	<b>7.371.478.043.400</b>	<b>6.413.118.181.752</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Hạn mức tín dụng USD	Dư nợ	
					31/12/2011 USD	31/12/2011 VND
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	80.237.605	35.868.357	747.066.141.958
PVFC	Giàn PVDrilling 11	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling 11	18.599.000	4.184.775	87.160.493.700
BIDV - Vay đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	155.000.000	127.988.277	2.665.739.833.356
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	35.000.000	23.400.000	487.375.200.000
HSBC - Vay đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	115.000.000	74.750.000	1.556.893.000.000
MB và Vietinbank	Giàn khoan TAD	SIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn khoan TAD và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC.	57.593.018	57.593.018	1.199.547.378.904
MB và OCB	Giàn khoan TAD	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn khoan TAD và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC.	24.000.000	11.816.528	246.114.645.184
SCB	Giàn khoan TAD	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn khoan TAD và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC.	18.000.000	18.000.000	374.904.000.000
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại KCN Đông Xuyên	Lãi suất thỏa thuận vào từng đợt giải ngân	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	480.123	320.595	6.677.350.298
					<b>353.921.550</b>	<b>7.371.478.043.400</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.519.884.309.984	1.121.230.074.308
Trong năm thứ hai	1.490.584.411.698	1.215.890.074.308
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.961.675.517.902	2.955.445.572.972
Sau năm năm	1.399.333.803.816	1.120.552.460.164
	<b>7.371.478.043.400</b>	<b>6.413.118.181.752</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.519.884.309.984)	(1.121.230.074.308)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.851.593.733.416</b>	<b>5.291.888.107.444</b>

### 22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông đã ra nghị quyết phê duyệt việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế của Tổng Công ty từ năm 2010. Theo đó, Tổng Công ty đã tạm trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận tính thuế trong năm với số tiền 75.688.230.499 đồng (năm 2010: 73.308.774.380 đồng). Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### 23. VỐN CỔ ĐÔNG

#### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.105.082.150.000 đồng.

#### Cổ phần

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	988.580	768.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	209.519.635	209.740.215
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và năm 2010 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 23. VỐN CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Thay đổi vốn cổ đồng trong năm như sau:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2010	2.105.082.150.000	1.382.297.368.926	-	-	-	-	1.300.856.869	227.573.623.721	111.829.124.523	397.324.290.569	4.225.407.414.608	(167.137.072)	-	-	-	(167.137.072)
Chi trả cho cổ đồng	-	(167.137.072)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(36.492.366.851)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(36.492.366.851)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	252.525.580.812
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	252.525.580.812	-	-	-	-	-	-	-	-	881.948.638.203
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	881.948.638.203	3.138.587.985	3.138.587.985
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.138.587.985	(96.613.227.635)	(96.613.227.635)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	87.339.081.834	43.456.944.960	(227.409.254.429)	(2.830.788.166)	-	-	-	-	(2.830.788.166)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đồng tiền hạch toán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>2.105.082.150.000</b>	<b>1.382.130.231.854</b>	<b>(36.492.366.851)</b>	<b>253.826.437.681</b>	<b>314.912.705.555</b>	<b>155.286.069.483</b>	<b>1.052.171.474.162</b>	<b>5.226.916.701.884</b>	<b>1.052.171.474.162</b>	<b>422.025.649.733</b>	<b>(7.903.120.935)</b>	<b>(489.031.189.969)</b>	<b>1.067.046.604.472</b>	<b>(150.908.471.749)</b>	<b>6.202.157.253.908</b>	<b>6.202.157.253.908</b>
Chi trả cổ tức cho cổ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(422.025.649.733)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(7.903.120.935)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.903.120.935)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	489.031.189.969	-	-	-	-	-	-	-	-	489.031.189.969
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.067.046.604.472	1.067.046.604.472	1.067.046.604.472
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	109.718.758.912	54.568.783.969	(315.196.014.630)	(150.908.471.749)	-	-	-	-	(150.908.471.749)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>2.105.082.150.000</b>	<b>1.382.130.231.854</b>	<b>(44.395.487.786)</b>	<b>742.857.627.650</b>	<b>424.631.464.467</b>	<b>209.854.853.452</b>	<b>1.381.996.414.271</b>	<b>6.202.157.253.908</b>	<b>1.381.996.414.271</b>	<b>1.067.046.604.472</b>	<b>(7.903.120.935)</b>	<b>(489.031.189.969)</b>	<b>1.067.046.604.472</b>	<b>(150.908.471.749)</b>	<b>6.202.157.253.908</b>	<b>6.202.157.253.908</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty và nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đồng. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đồng xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đồng thường niên.

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đồng, Tổng Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt là 20% vốn điều lệ. Trong năm, Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức với số tiền là 20.348.311 đô la Mỹ tương đương 419.480.430.000 đồng cho cổ đồng.

Theo nghị quyết số 109A/PVD Training ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đồng, PVD Training công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt là 20% vốn điều lệ. Trong năm, PVD Training đã công bố chia cổ tức với số tiền là 5.270.930.000 đồng tương đương 255.168 Đô la Mỹ cho cổ đồng. Trong đó, chia cho cổ đồng thiếu số với số tiền 2.544.271.915 đồng tương đương 123.023 Đô la Mỹ.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 23. VỐN CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria)	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2010	14.386.826.170	-	(13.085.969.301)	1.300.856.869
Phát sinh trong năm	4.314.429.837	231.844.078.526	16.367.072.449	252.525.580.812
Tại 31/12/2010	18.701.256.007	231.844.078.526	3.281.103.148	253.826.437.681
Phát sinh trong năm	(985.397.966)	492.600.680.363	(2.584.092.428)	489.031.189.969
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>17.715.858.041</b>	<b>724.444.758.889</b>	<b>697.010.720</b>	<b>742.857.627.650</b>

### 24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VND
Vốn điều lệ của công ty con	28.958.670.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>48%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổng tài sản	53.460.412.624	43.824.717.335
Tổng nợ phải trả	(13.040.877.744)	(11.087.986.135)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>40.419.534.880</b>	<b>32.736.731.200</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	28.958.670.000	26.354.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	-
Các quỹ khác	2.832.056.663	1.100.079.625
Lợi nhuận chưa phân phối	8.316.325.817	5.282.001.575
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>19.515.169.504</b>	<b>16.040.913.212</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	13.961.700.000	12.913.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	125.760.000	-
Các quỹ khác	1.376.617.710	539.036.169
Lợi nhuận chưa phân phối	4.051.091.794	2.588.167.043

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010:

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trong năm	11.546.513.587	7.333.864.169
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	5.566.867.339	3.593.574.381

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- ... Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- ... Bộ phận thương mại ("Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- ... Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

#### Bảng cân đối kế toán Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	15.101.799.116.128	1.296.981.408.572	15.904.593.731.648	(13.767.956.458.952)	18.535.417.797.396
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản hợp nhất					18.535.417.797.396
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	15.003.905.162.564	1.167.518.205.472	9.449.481.584.108	(13.307.159.578.160)	12.313.745.373.984
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					12.313.745.373.984



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

#### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	5.134.434.070.696	1.315.512.615.711	3.281.258.255.079	(520.368.762.830)	9.210.836.178.656
Giá vốn hàng bán	(3.862.121.097.744)	(1.191.612.928.163)	(2.490.002.353.860)	390.334.033.523	(7.153.402.346.244)
Lợi nhuận gộp	1.272.312.972.952	123.899.687.548	791.255.901.219	(130.034.729.307)	2.057.433.832.412
Doanh thu hoạt động tài chính	12.257.503.272	22.524.028.947	542.218.949.545	(424.563.715.016)	152.436.766.748
Chi phí tài chính	(291.053.580.062)	(28.515.217.437)	(127.277.831.912)	-	(446.846.629.411)
Chi phí bán hàng	-	(1.914.061.891)	(29.500.226.112)	-	(31.414.288.003)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(203.837.090.779)	(48.825.041.132)	(434.211.575.336)	129.545.308.564	(557.328.398.683)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	789.679.805.383	67.169.396.035	742.485.217.404	(425.053.135.759)	1.174.281.283.063
Thu nhập khác	10.479.734.209	9.971.586.520	71.595.696.172	-	92.047.016.901
Chi phí khác	(48.731.447.380)	(4.687.985.645)	(55.738.214.133)	-	(109.157.647.158)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(38.251.713.171)	5.283.600.875	15.857.482.039	-	(17.110.630.257)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					72.233.252.385
Lợi nhuận kế toán trước thuế					1.229.403.905.191
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(151.134.588.353)
Thuế TNDN hoãn lại					(5.655.845.027)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>1.072.613.471.811</b>

#### Bảng cân đối kế toán

#### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	DV khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	10.027.325.640.308	458.726.733.292	14.285.884.002.844	(10.132.169.731.068)	14.639.766.645.376
Tài sản không phân bổ					-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>14.639.766.645.376</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	10.009.182.328.496	337.805.834.248	8.877.760.893.540	(9.827.940.026.004)	9.396.809.030.280
Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>9.396.809.030.280</b>


**Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**Kết quả hoạt động kinh doanh  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	DV khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	3.576.570.309.891	1.046.955.129.651	3.265.268.584.374	(316.785.312.081)	7.572.008.711.835
Giá vốn hàng bán	(2.537.322.579.729)	(969.476.965.956)	(2.543.577.950.880)	236.346.092.829	(5.814.031.403.736)
Lợi nhuận gộp	1.039.247.730.162	77.478.163.695	721.690.633.494	(80.439.219.252)	1.757.977.308.099
Doanh thu hoạt động tài chính	27.290.844.495	21.326.556.816	459.629.814.852	(332.630.554.095)	175.616.662.068
Chi phí tài chính	(336.297.010.374)	(18.973.830.708)	(125.509.115.232)	-	(480.779.956.314)
Chi phí bán hàng	-	-	(2.930.144.697)	-	(2.930.144.697)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(111.357.378.684)	(35.923.577.337)	(382.469.884.047)	79.994.419.425	(449.756.420.643)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	618.884.185.599	43.907.312.466	670.411.304.370	(333.075.353.922)	1.000.127.448.513
Thu nhập khác	8.744.402.979	8.611.933.185	68.816.437.956	-	86.172.774.120
Chi phí khác	(58.540.960.494)	(5.080.888.818)	(55.071.458.532)	-	(118.693.307.844)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(49.796.557.515)	3.531.044.367	13.744.979.424	-	(32.520.533.724)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					51.021.856.557
Lợi nhuận kế toán trước thuế					1.018.628.771.346
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(137.185.580.871)
Thuế TNDN hoãn lại					4.099.022.109
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>885.542.212.584</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	732.748.291.401	323.697.147.966
Chi phí nhân công	2.007.163.538.198	1.249.697.896.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	670.900.155.023	569.267.413.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.312.573.683.657	3.128.203.146.195
Chi phí khác	356.342.003.941	248.514.972.192
Giá vốn thương mại	662.417.360.710	747.337.392.657
	<b>7.742.145.032.930</b>	<b>6.266.717.969.076</b>

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.507.155.537	40.527.843.039
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	88.729.065
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.943.366.573	129.166.894.125
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.986.244.638	5.833.195.839
	<b>152.436.766.748</b>	<b>175.616.662.068</b>

### 28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí lãi vay	267.376.307.261	312.700.572.279
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	76.457.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.013.871.928	166.817.438.865
Chi phí tài chính khác	18.456.450.222	1.185.487.344
	<b>446.846.629.411</b>	<b>480.779.956.314</b>

### 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.229.403.905.191	1.018.628.771.346
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(442.697.361.043)	(62.493.993.963)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	(1.138.286.884)	-
Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	(7.487.295.270)	4.411.128.690
Các khoản chi phí không được khấu trừ	46.703.917.407	65.879.366.247
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>824.784.879.401</b>	<b>1.026.425.272.320</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	150.566.715.229	133.429.818.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	567.873.124	3.755.762.595
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>151.134.588.353</b>	<b>137.185.580.871</b>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Offshore được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2007 và 2008) và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2011).

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

### 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	1.067.046.604.472	881.948.638.203
Trừ: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(4.099.022.109)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.067.046.604.472	877.849.616.094
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	209.700.367	207.284.292
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.088</b>	<b>4.235</b>

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	668.192.690.536	854.569.370.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.119.844.264.240	1.939.771.886.992
Các khoản đầu tư khác	33.218.327.264	56.784.318.956
Các khoản ký quỹ, ký cược	22.805.097.900	22.638.374.436
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.844.060.379.940</b>	<b>2.873.763.951.204</b>
Các khoản vay và nợ	7.901.208.689.296	6.718.731.342.716
Phải trả người bán và phải trả khác	1.975.502.412.716	1.762.074.374.316
Chi phí phải trả	551.176.591.828	588.216.823.496
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.427.887.693.840</b>	<b>9.069.022.540.528</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Công nợ</b>		<b>Tài sản</b>	
	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	VND	VND	VND	VND
VND	826.896.551.944	449.715.195.952	1.475.223.100.348	1.739.582.211.716
DZD	17.703.404.268	981.946.044	29.874.246.068	12.947.897.712
SGD	5.487.449.020	2.932.188.160	502.246.392	55.016.392
EUR	1.418.782.532	5.849.666.156	480.647.756	2.754.908.912
Norwegian krone (NOK)	793.692.596	458.570.904	-	-
Bạt Thái (THB)	107.305.856	153.689.976	-	-
GBP	66.149.728	138.563.308	83.312	36.254.780
JPY	397.273.272	-	-	-

### Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Các khoản vay và nợ	2.049.614.955.880	4.452.259.908.772	1.399.333.824.644	7.901.208.689.296
Phải trả người bán và phải trả khác	1.975.502.412.716	-	-	1.975.502.412.716
Chi phí phải trả	551.176.591.828	-	-	551.176.591.828
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.576.293.960.424</b>	<b>4.452.259.908.772</b>	<b>1.399.333.824.644</b>	<b>10.427.887.693.840</b>

31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Các khoản vay và nợ	1.426.843.235.272	4.171.335.647.280	1.120.552.460.164	6.718.731.342.716
Phải trả người bán và phải trả khác	1.762.074.374.316	-	-	1.762.074.374.316
Chi phí phải trả	588.216.823.496	-	-	588.216.823.496
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.777.134.433.084</b>	<b>4.171.335.647.280</b>	<b>1.120.552.460.164</b>	<b>9.069.022.540.528</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	668.192.690.536	-	-	668.192.690.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.119.844.264.240	-	-	2.119.844.264.240
Các khoản đầu tư khác	-	10.000.000.000	23.218.327.264	33.218.327.264
Các khoản ký quỹ, ký cược	6.175.668.624	16.629.429.276	-	22.805.097.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.794.212.623.400</b>	<b>26.629.429.276</b>	<b>23.218.327.264</b>	<b>2.844.060.379.940</b>

31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	854.569.370.820	-	-	854.569.370.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.939.771.886.992	-	-	1.939.771.886.992
Các khoản đầu tư khác	25.679.591.984	10.000.000.000	21.104.726.972	56.784.318.956
Các khoản ký quỹ, ký cược	7.761.703.496	14.876.670.940	-	22.638.374.436
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.827.782.553.292</b>	<b>24.876.670.940</b>	<b>21.104.726.972</b>	<b>2.873.763.951.204</b>


**Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	29.942.931.935	19.191.633.448

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	24.715.733.652	25.621.092.104
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	68.196.412.248	68.834.839.868
Sau năm năm	237.255.746.976	362.485.835.564
	<b>330.167.892.876</b>	<b>456.941.767.536</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu, và tiền chi phí dịch vụ phải trả cho tòa nhà Sailing Tower trong suốt thời gian thuê. Thời gian thuê văn phòng thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	213.768.949.128	301.175.290.539
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	3.952.168.244.822	3.943.287.144.495
<b>Mua hàng</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	224.315.969.213	289.268.706.582
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	142.482.063.164	-
<b>Vay từ PVFC</b>		
Lãi vay đã trả	2.937.897.221	4.000.349.430
Nợ đã trả	63.747.241.299	-



## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

### 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lương	6.638.829.373	6.711.354.805
Tiền thưởng	3.561.467.299	4.199.690.670
Các khoản phúc lợi khác	228.000.000	217.240.000
	<b>10.428.296.672</b>	<b>11.128.285.475</b>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	14.248.684.736	52.957.915.640
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	664.787.999.860	843.995.053.676
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.062.959.791.780	67.011.923.849
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	60.590.755.628	-
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
PVFC	87.160.493.700	138.629.607.864
<b>Vay từ PVFC</b>		
Lãi vay phải trả	290.679.734	406.526.836
<b>Phải trả khác</b>		
PVFC, chuyển nhượng vốn trong dự án TAD	-	99.988.998.292
Petro Việt Nam	3.069.862.456	36.447.668.493

### 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT GÓP VỐN

#### Góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Vietubes, tỷ lệ tham gia 51%

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, PVD Tech đã ký biên bản ghi nhớ với Công ty Citra Sumit Valind Investments Pte Ltd ("CSV") và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC") về việc trở thành thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Vietubes ("Vietubes"). PVD Tech cam kết trở thành một thành viên mới của Vietubes bằng cách góp bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ tham gia là 21%.

Ngày 29 tháng 9 năm 2011, PVD Tech đã ký Hợp đồng số 186A/2011/PVD-PVC và phụ lục sửa đổi bổ sung số 1 ngày 15 tháng 12 năm 2011 với PVC nhằm mua thêm 30% cổ phần tại Vietubes. Giá hợp đồng là 2.200.000 đô la Mỹ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán Công ty đã đặt cọc số tiền 440.000 đô la Mỹ cho PVC để cam kết thực hiện việc chuyển nhượng này. PVD Tech sẽ tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 1.760.000 đô la Mỹ khi thủ tục chuyển nhượng được hoàn tất.

## Thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, PVD Tech đã ký kết hợp đồng liên doanh với CSV về việc trở thành thành viên liên doanh với CSV trong Vietubes, thay thế PVC đồng thời nắm giữ 51% quyền sở hữu tại Vietubes với số vốn điều lệ cam kết góp là 1.890.900 đô la Mỹ.

### **Góp vốn liên doanh vào PVD-OIS, tỷ lệ tham gia 51%**

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil State Industries (PVD-OIS) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 5.000.000 đô la Mỹ. Hoạt động kinh doanh chính của PVD-OIS là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Đến tại ngày lập báo cáo này, PVD Tech chưa thực hiện góp vốn vào liên doanh này.

### **36. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2012.



**Phạm Tiến Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đoàn Đức Tùng**  
**Kế toán trưởng**

# Thông tin Doanh nghiệp



## GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

- Tên Tiếng Việt: Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
- Tên Tiếng Anh: Petrovietnam Drilling and Well Services Corporation (PV Drilling)
- Trụ sở: Lầu 4, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ĐT: +84 8 3914 2012
- Fax: +84 8 3914 2021
- Website: www.pvdrilling.com.vn

## THÔNG TIN CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY:

### Công ty 100% vốn của PV Drilling:

- **Xí nghiệp Điều hành Khoan (PVD Drilling Division)**  
Trụ sở: Lầu 3, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3910 0662
- **Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (PVD Invest)**  
Trụ sở: Lầu 16, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3827 0728
- **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD Offshore)**  
Trụ sở: 43A Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
ĐT: +84 64 359 0124
- **Công ty TNHH MTV Địa vật lý giếng khoan Dầu khí (PVD Logging)**  
Trụ sở: Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3910 5860
- **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (PVD Well Services)**  
Trụ sở: Phòng 13, Lầu 12A, Vincom Center, 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3910 4365
- **Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD Tech)**  
Trụ sở: Lầu 8, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 2220 5333

- **Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (PVD Deepwater)**  
Trụ sở: Lầu 3, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3914 2012

### Công ty Cổ phần và Liên doanh của PV Drilling:

- **Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (PVD Training)**  
Trụ sở: Khu công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
ĐT: +84 64 361 2099
- **Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling (BJ -PV Drilling)**  
Trụ sở: 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu  
ĐT: +84 64 3838 090
- **Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling-PTI (PV Drilling-PTI)**  
Trụ sở: 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu  
ĐT: +84 64 359 7291
- **Công ty TNHH Cán ống Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Tubulars Management)**  
Trụ sở: Phòng 1204, Lầu 12, Gemadep Tower, 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3825 7461
- **Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (PV Drilling- Baker Hughes)**  
Trụ sở: Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 8 3821 3732

